



**DI HẠT
GIÀO
VIỆT NAM**

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

MỤC-LỤC SỐ ĐẶC-SAN

KỶ-NIỆM NGÀY KHÁNH-ĐÀN NĂM MẬU-TUẤT (SỐ 20 và 21)

LẠI VẤN-ĐỀ THỐNG-NHẤT PHẬT-GIÁO ĐỂ KỶ-NIỆM NGÀY ĐẢN-SANH HUẤN-TỪ CỦA NGÀI HỘI-CHỦ ĐỨC PHẬT (dịch)	<i>P.G.V.N. Thiện-Hoa Tổng-Hội Khả-Chính</i>
CON NGƯỜI	<i>Tâm-Nguyên</i>
BẢN TUYÊN-NGÔN	<i>P.G.V.N.</i>
KHÁI-NIỆM VỀ ĐẠO PHẬT	<i>Minh-Hạnh</i>
TRẦN-QUỐC-TẶNG	<i>Tạ-Ký</i>
ĐẠO VÀ ĐỜI	<i>Quảng-Liên</i>
PHÁT-NGUYỆN NGÀY THỌ-GIỚI BỒ-TÁT	<i>Chơn-An</i>
ĐOÀN HÙNG-TÂM	<i>Ngự-Hương</i>
PHẬT-GIÁO TRONG THẾ-GIỚI HIỆN-TẠI	<i>Nguyễn-Vỹ</i>
SÁNG NIỀM TIN (Nhạc Phật)	<i>Thâm-Oánh</i>
NHỮNG THÔNG-ĐIỆP của TÌNH-THƯƠNG	<i>Hùng-Khanh</i>
CHÚNG TÔI ĐI XEM PHIM TAM-TẶNG	<i>Trọng-Đức</i>
GIỌT NƯỚC MẮT của NGƯỜI HỌC-TRÒ	<i>Kiểm-Minh</i>
QUAN-ÂM THỊ-KÍNH dưới con mắt một nhà khảo-cổ Pháp	<i>Giang-Tân</i>
NHỮNG CHUYỆN ĐỜI XƯA	<i>Thanh-Sơn</i>
PHẬT-GIÁO TRUNG-HOA	<i>Thanh-Từ</i>

LẠI VẤN-ĐỀ THỐNG-NHẤT PHẬT-GIÁO

MỖI năm, đến ngày 8 tháng 4, cùng một lần với lễ kỷ-niệm Đản-sanh đức Phật-Tồ, chúng ta lại thiết-tha nhớ tưởng đến ngày thành-lập Tổng-hội Phật-Giáo Việt-Nam mà 51 đại-biêu của 6 tập-đoàn tăng-già và cư-sĩ tại ba Phần Việt-Nam đã quyết-tâm xây-dựng nền Phật-Giáo thống nhất và long-trọng tuyên-bố trong một bản tuyên-ngôn chung, lấy 8/4 làm ngày kỷ-niệm cái bước tiến vĩ-dại của Phật-Giáo nước nhà. Trong bản tuyên-ngôn ấy có câu: « Nay cơ duyên thuận-tiện, Phật-Giáo Việt-Nam tất phải được thống-nhất. Hơn nữa, họa chiến-tranh đang gieo rắc khắp nơi, nhân-loại đang lâm vào cảnh lâm-than phiến-não, chính là lúc Đạo Từ-Bi vô thượng phải đem nước Cam-lồ mà rưới tắt lửa sân si, để xây-dựng cảnh hòa-bình cho nhân-loại... » Và bản tuyên-ngôn kết-thúc lời kêu gọi sau đây: « Hỡi toàn-thể Phật-Tử Việt-Nam, chúng ta hãy san phẳng những kinh-thức sai biệt, cùng chung sức chung lòng để làm tròn sứ-mệnh kiến tạo hòa-bình, gây mầm an-lạc, và nêu cao ngọn đuốc Trí-Tuệ của đức Thế-Tôn. » Thật là hùng-hồn, thống-thiết! Và hơn nữa, trong buổi lễ khai-mạc Hội-nghị, 51 vị đại-biêu của 6 tập-đoàn và các yếu nhân phát-động phong-trào đã long-trọng làm lễ phát nguyện trước bàn thờ Phật-Tồ chùa Từ Đàm: « Đệ-tử chúng con nguyện thống-nhất lực-lượng, ý-chí và hành-động của Phật-Tử Việt-Nam, hướng-dẫn Phật-tử Việt-Nam đi đúng với chơn tinh-thần Phật-Pháp. » Những lời ấy đã nói lên với một giọng rung rung, thiết-tha, cảm-động.

Thế mà đến nay là năm thứ bảy, Phật Giáo Việt-Nam vẫn chưa được thật sự thống-nhất! Cái gì đã cản trở bánh xe tiến-bộ của Phật-Giáo Việt-Nam? Ai là người chịu trách-nhiệm trong sự chậm bước này?



Tường đã đến lúc chúng ta phải đem vấn-đề này ra mổ xẻ một cách khách-quan đề hầu mong tìm được phương cứu chữa. Có người đổ cho hoàn-cảnh bên ngoài. Nguyên-nhân chính có phải tại hoàn-cảnh chăng? Quyết là không phải! Nếu tại hoàn-cảnh thì sao trong thời kỳ chiến-tranh, khói lửa lan tràn, trong sự đổ kỵ của hai phe tham chiến trên chiến trường Việt-Nam, Phật-Giáo như ở trong thế gọng kiềng, mà chúng ta đã có thể triệu tập được một hội-nghị Phật-Giáo toàn-quốc với 51 đại-biêu của 6 tập-đoàn? Hay tại đất nước bị cắt đôi chăng? — Lại càng không phải! Vì nếu chỉ từ 17 vĩ-tuyến sắp vô, nghĩa là mới chưa đầy nửa nước, mà Phật-Giáo chúng ta chưa thật sự thống-nhất được thì khi dân số và lãnh thổ nhiều gấp đôi, sự thống-nhất Phật-Giáo lại dễ dàng hơn được sao? Tại các chánh-phủ trong thời chiến tranh Việt-Pháp không tán thành chủ-trương thống-nhất của Phật-Giáo và làm khó dễ với công cuộc của chúng ta chăng? — Phải công nhận rằng đó là một điều trở ngại, nhưng không phải là nguyên-nhân chính. Kinh-nghiệm của lịch-sử cho chúng ta thấy rằng, có bao giờ một chính phủ lại đi giúp đỡ, khuyến-khích một tổ-chức lớn lao mà họ không chi phối, không nắm được then chốt đâu? Nhưng có phải vì thế mà những công cuộc lớn lao của dân chúng, nhất là của một tín-ngưỡng, một tôn-giáo không thể bành-trướng được đâu? Trái lại, có khi vì những trở ngại ấy, mà phong-trào trở thành lớn mạnh.

Sau khi xét những nguyên-nhân ngoại-lai như trên, chúng ta đi sâu vào những nguyên-nhân nội-tại. Cái phần chính, căn bản của một tổ chức, một phong-trào là quần-chúng và nhóm người lãnh-đạo quần-chúng. Phật-Tử V. N. có muốn thống-nhất Phật-Giáo không? Nguyên-vọng này thì không còn ai nghi ngờ được nữa! Phật-Tử V. N. rất thiết-tha được thấy mình nằm trong một tổ-chức lớn lao có quy củ, có lực-lượng để không hề thẹn với các tổ-chức lớn lao khác ở trong nước và các tổ-chức Phật-Giáo của các nước láng giềng: Diến-Điện, Tích-Lan, Thái-Lan, Nhật-Bồn chẳng hạn. Chính ngày khai-mạc Đại-hội Phật-Giáo thống-nhất ở chùa Từ-đàm năm 1951, các Tỉnh-hội, Chi-hội ở toàn quốc đã điện-tín như bướm bướm về chào mừng và chúc-tụng sự thành-công của Đại-Hội. Cụ Chơn-An phó-hội-chủ tông-hội và là một trong những vị phát-động phong-trào thống-nhất Phật-Giáo đã mục kích được sự hân hoan của Phật-giáo-dồ trong ngày khai-mạc Hội-nghị ấy và đã viết: « Quang cảnh tưng bừng náo-nhiệt làm cho khách bàng-quan trông thấy phải hàng tâm. Có ai ngờ đâu! dưới chân nền Đạo Từ-Bi đã sẵn có những tiềm-lực vô cùng mạnh-mẽ: Đó là cuộc đón rước 51 vị Tăng-già và Cư-sĩ đại-biêu sáu tập-đoàn...



Quây quần dưới ánh từ-quang, còn đáng kể hàng triệu tín-đồ từ 4 phương xa đổ lại. Lớp trước lớp sau nối gót trùng trùng, điệp điệp, hình thành trăm ngàn đợt sóng giữa một biển người áo lam. Ai nấy đều một dạ hân hoan, trên nét mặt thuần thành biểu lộ một niềm tin-tưởng, thiết-tha dầm-ấm, tin-tưởng vào sự thành-công của Hội-ngộ...»

Chính trên mặt tạp chí này, chúng tôi cũng đã có lần viết: «Cao trào thống-nhất lên mạnh; và khắp nơi đây đó, vang lừng tiếng hát của thanh thiếu-niên Phật-Tử ca-ngợi công-trình đoàn-kết ấy:

«Phật-giáo Việt-Nam thống-nhất Bắc Nam Trung từ nay! Một lòng chúng ta tiến lên vì đạo-thiên. Nào cùng vui trong ánh đạo vàng rạng ngời bốn phương, vang ca đón chào Phật-giáo Việt-Nam...»

Quần chúng Phật-tử đã nồng-nhiệt với phong-trào thống-nhất, đã khao khát thống-nhất, đã đòi hỏi thống-nhất! Thế thì tại sao thống-nhất Phật-giáo lại chưa thành? Sự chậm-chạp chần-chờ trong 7 năm qua, chỉ có thể quy vào sự thiếu thiện-chí, thiếu cố-gắng xây-dựng, thiếu tinh-thần khoan-dung quảng-đại, của một số người — chúng tôi nói một số ít thôi — trong các cấp điều-khiển của các tập-đoàn. Họ đã đặt ý-kiến riêng của họ lên ý-kiến chung, cam lòng để cho công-cuộc thống-nhất đình-trệ hơn là thấy thiên-kiến của mình không được dung-nạp. Trên tờ Phật-Giáo Việt-Nam này, trong suốt 2 năm nay, chúng tôi không ngớt nhắc-nhở, kêu gọi sự thống-nhất Phật-giáo, không ngớt khần-cầu những bậc đàn-anh trong các tập-đoàn hãy thành khần xét lại thái-độ của mình, để khỏi phụ lòng mong-đợi thiết-tha của toàn-thể Phật-giáo-đồ đối với công-việc thống-nhất. Nhưng những lời kêu-gọi của chúng tôi hình như đang rơi vào sa-mạc: Những người có trách-nhiệm trong các tập-đoàn hình như không muốn biết đến. Bao nhiêu Phật-tử đang phàn nàn, đau-buồn vì thái-độ ấy. Chính Cụ Chơn-an Lê-văn-Định đã có lần đánh lên những tiếng chuông cảnh-tỉnh sâu-sắc xác-thực như sau: «Thiết-tưởng ai là người tham-gia phát-động phong-trào, ai là người có hoài-báo truyền giáo hãy nên nơm-nớp lo-sợ. Lo-sợ ở chỗ quần-chúng có tin-tưởng tất có trông-chờ, có trông-chờ tất có dò-xét. Nhà Nho nói: «Nhơn chi thị kỹ như kiến kỳ phế-can» — Người nhìn ta như soi thấu phôi gan — Một câu cảnh-sách nghiêm-minh, rất lợi-ích cho những người tu tâm-đức. Theo đó mà suy, thì hành-vi, tư-tưởng của những người được mệnh-danh là bậc đàn-anh, luôn luôn được kiểm-điêm do nhân-quan quần-chúng. Vậy nên các bậc chơn-tu, trên đường hành-đạo, lúc nào cũng tự thấy kề mé vực sâu, dày lên giá mỏng. Nhờ đức khiêm-cung ấy mà tránh khỏi ngộ-dụng thông-minh, lạc vào tà-kiến mà khỏi cô-phụ lòng tin của Phật-tử». (1)



Và để kết-thúc bài này, chúng tôi xin nhắc lại lời kêu-gọi thống-thiết mà chúng tôi đã có lần đăng tải trên tạp-chí này :

« Hỡi các nhà lãnh-đạo các tập-đoàn Phật-giáo trong Tổng-Hội và ngoài Tổng-Hội ! Quần-chúng Phật-tử đang nhìn vào liệt-vị ! Phật-tử Việt-Nam ước-ao thống-nhất và đại-đoàn-kết trong tinh-thần lục-hòa xây-dựng. Liệt-vị đừng đi trái nguyện-vọng của Phật-tử chúng tôi ! Trách-nhiệm nặng nề một phần lớn là ở nơi liệt-vị. Lịch-sử Phật-giáo Việt-Nam sau này sẽ ghi tên liệt-vị. Công hay tội là do ở chúng ta có sáng-suốt và thành-thực trong sự xây-dựng thống-nhất hay không. Các vị hãy sáng-suốt để tránh khỏi những cạm-bẫy và những mưu-mô chia-rẽ của ma-vương, ngoại-đạo đang muốn hủy-diệt chánh-pháp, đang muốn cản-ngăn nền Phật-giáo thống nhất ».

« Hàng triệu con mắt đang đổ dồn về phía liệt-vị. Hãy tỏ ra xứng-đáng là những nhà lãnh-đạo sáng-suốt để khỏi phụ lòng mong-mỏi của toàn-thê Phật-tử ! ».

PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

(1) Phật-giáo Việt-Nam đặc-san kỷ-niệm ngày thành-lập Tổng-Hội Phật-giáo Việt-Nam, số 9 và 10 năm Đinh-dậu.



ĐỀ KỶ-NIỆM NGÀY ĐẢN-SANH, HÃY NHẮC LẠI :

VÀI ĐẶC - ĐIỂM VỀ ĐỜI SỐNG CỦA ĐỨC PHẬT

THIỆN-HOÀ

Hôm nay, nhân ngày mừng 8 tháng 4 là ngày đản-sanh của đức Phật, chúng tôi tưởng nên nhắc lại một vài « đặc-điểm » về đời sống của đức Phật để chúng ta cùng chiêm-ngưỡng :

1. — BÌNH-ĐẲNG. Nhân-loại bị « sống giai-cấp » của xã-hội lồi-cuốn và dè-bẹp từ bao nhiêu thế-kỷ ! Nhứt là ở Ấn-độ bốn giai-cấp rất chênh-lệch nhau như trời với vực. Giai-cấp Bà-la-môn và Sát-đế-lợi được coi cao-quý chừng nào, thì giai-cấp Chương-dà-la (tôi-mọi) lại bị xem hèn-hạ chừng ấy. Đồng một nhân-loại, đồng sanh trong một nước, mà họ không hề ở chung một nhà, không ăn chung một mâm, cho đến không đi chung một đường. Mỗi khi gặp giai-cấp quý-phái đi, thì giai-cấp hạ-tiện phải chui trốn như con vật ghê-tởm.

Sống trong xã-hội bất bình-đẳng như thế đã lâu đời, mọi người như đã quen chịu, nên họ coi việc ấy như Trời đã định ! Không một ai có thể và dám phá tan cái thành sắt giai-cấp này. Cách đây trên hai nghìn rưỡi năm, vị cứu-tinh của nhân-loại, người đầu tiên san bằng hố « giai-cấp » phá tan thành « bất-bình-đẳng » của nhân-loại, là Thái-tử Sĩ-đạt-Ta. Ngài là vị Tỷ-tổ cách-mạng giai-cấp, tự Ngài phế đế bài phong, nâng đỡ giai-cấp hạ-tiện, chủ-trương thuyết sống hòa-đồng (lục-hòa). Ngài được thành-công một cách rực-rỡ mà không tổn một mũi tên và chẳng hao một giọt máu của nhân-loại. Quyền cao tước trọng, công-danh phú-quý tột bực trên đời, còn ai hơn Ngài, thế mà Ngài xả bỏ ngôi



Vua, đòi lấy đời tu-sĩ, đề đi hóa-độ chúng-sinh, cầm đuốc chân-lý soi sáng cho mọi loài. Ngài tự đề-xướng lên thuyết bình-đẳng.

Ngài độ chàng gánh phân (giai-cấp hạ-tiện) vào hàng tăng-sĩ, đồng hàng với quý-phái. Ngài chủ-trương nâng-dỡ giai-cấp hạ-tiện, san bằng "hố bất-bình-đẳng" của xã-hội.

Ngài dạy : " Tất cả chúng-sanh đều có tánh Phật ", (nhứt thế chúng-sanh giai-hữu Phật tánh).

Và Ngài dạy : " Ta là Phật đã thành, mà chúng-sanh là Phật sẽ thành ". Nghĩa là, Ngài muốn nói : " tất cả chúng-sinh đều có thể thành Phật, nếu có tu ".

Căn-cứ vào đời sống và hành-vi của Ngài trên đây, chúng ta thấy rõ đặt điếm thứ nhất " Đạo-Phật là Đạo bình-đẳng "

2. — TỰ-DO và GIẢI-THOÁT. Nhân-loại sống trên hoàng-vũ này, hầu hết như mất tự-do và thiếu giải-thoát.

Tự-do, giải-thoát là gì ?

— Giải-thoát là rảnh rang không bị trói cột (ràng buộc). Người được rảnh rang không bị ràng-buộc gọi là " người tự-do ". Người có được tự-do mới được giải-thoát ; người có giải-thoát mới được tự-do.

Chúng ta thử nghĩ : những người hung ác, sát nhơn hại vật làm những điều tội lỗi, bị luật nước trị-phạt, họ mất tự-do, bị cùm kẹp gông xiềng, nên không giải-thoát đã đành ; mà những người hằng ngày bị thất-tình lục-dục sai khiến, cũng gọi là người mất tự-do giải-thoát.

Kẻ trộm cướp, cùng người cờ bạc dâm đảng, bị chánh-phủ giam cầm hành phạt, họ mất tự-do giải-thoát đã đành, mà những người tham lam tài sắc, danh-vọng, ăn ngủ v.v... bị vật-chất sai khiến, cũng là người mất tự-do giải-thoát.

Đạo Phật dạy người phải hiền từ và giữ giới không sát nhơn hại vật, không trộm cướp của người, không rượu trà đàn điếm, nói chung là không làm các điều tội lỗi, nên không bị ai bắt buộc giam cầm, được tự-do giải-thoát về phương diện vật-chất (xác thật).

Về phương-diện tinh-thần, thì đạo Phật dạy : phá trừ ngã chấp và pháp chấp, không trước nơi bốn tướng là : nhơn, ngã, chúng-sinh và thọ giả, không bị sáu trần lôi cuốn, chẳng bị bát-phong xuy động. Như câu :



« Văn thính kiến sắc cái thị tầm thường » ! Nghe tiếng, thấy sắc vốn là tầm thường. Hay là câu : « Kiến sắc phi can sắc ».

Đây là đặc-điểm thứ hai : tự-do, giải-thoát của đạo-Phật.

3.— TỪ-BI. Chúng-sanh sống trong cảnh « mạnh được yếu thua, khôn sống bống chết ». Muốn cứu vãng thảm-trạng này, đức Phật chủ-trương thuyết từ-bi. Kinh nói : « Từ năng giữ nhứt thể chúng-sinh chi lạc, Bi năng bạt nhứt thể chúng-sanh chi khổ ». « Từ là hay cho vui tất cả chúng-sanh. Bi là hay cứu-khò tất cả chúng-sanh ».

Lòng từ-bi của Ngài không những thương nhân-loại, mà lan rộng đến loài cầm-thú như thí thân cho cạp đói v.v... Thật đúng với câu : « Phật ái chúng-sanh như mẫu ái tử ».

Một hôm Ngài dạo chơi đồng quê, thấy các anh chị nông-phu đang cày cuốc dưới ánh nắng hè ác-liệt ! hơi thở hỗn hển với những chuỗi mồ-hôi đầm giọt, đôi tay nắm chặt cán cày, ráng bước ! Người lẫn vật, đem bao nhiêu mồ-hôi và sức-lực của mình, để đòi lấy bát cơm cùng nắm cỏ ! Một lát đất vừa tách ra, là có biết bao con vật bị phân thân, gãy cánh, sức cõ hoặc bẹp mình. Loài rắn rết giành nhau giựt xé những con vật khốn-nạn. Diều, ó, bồ-cắt lượn qua đảo lại trên hư-không, để nhắm bắt những loài oai-hùng dưới hạ giới. Núp bên cụm rừng, chỗ ba chỗ bảy, những chàng thợ săn, đang nhắm bắn các loài chim quạ đang bay lượn ở không-trung kia.

Nhìn thấy cảnh tượng tàn sát của chúng-sanh, mạnh được yếu thua, khôn sống bống chết, lòng « TỪ-BI » của Ngài lên cao cực-độ, quyết chí bỏ vợ đẹp con xinh, bỏ quyền tước danh vọng, bỏ ngọc ngà châu báu, bỏ điện bạc cung vàng, bỏ tất cả cái gì mà thiên-hạ cho là quý báu sang trọng... dẫn thân vào rừng xanh núi thẳm, để tìm phương pháp cứu-khò cho chúng-sanh.

Đức hy-sinh cao cả, bởi lòng từ-bi cao-thượng của Ngài, không những thương nhân-loại mà bao trùm hết cả chúng-sanh, cho đến loài vật nhỏ nhen, như con trùn con dế, cũng đều được xem coi như con một.

Lòng từ-bi vô hạn, đây là đặc-điểm thứ ba, trong đời sống của đức Phật.

4.— HÒA-BÌNH. Phật dạy các hàng đệ-tử phải sống hòa hiệp (lục-hòa) không vì màu da, giọng nói, hay trang phục, mà chia rẽ nhau. Đã là



Phật-tử, đồng thờ một lý-tưởng, đồng tu một đạo, đồng giữ một giới luật, thì phải hòa nhau như sữa với nước; nên điều thứ nhất, Phật dạy: « Thân hòa đồng trụ ».

Thân đã hòa rồi, song nhiều khi miệng còn rầy-rà cãi-vã, thốt ra những lời xung-đột lẫn nhau, làm mất sự vui vẻ ôn hòa, nên điều thứ hai Phật dạy: « Khâu hòa vô tránh ».

Thân, khẩu đã hòa nhưng nếu ý còn sân si hờn giận, không được hoan-hỷ, nhiều khi phát-động nơi thân và khẩu. Vì thế nên Phật dạy điều thứ ba là phải « ý hòa đồng duyệt ».

Thân, khẩu, ý, tuy hòa, nhưng nếu không có ba điều kiện sau này, thì cũng khó mà hòa được. 1.— Lợi hòa đồng quân. Nghĩa là có tư sản phải chia sớt nhau dùng. 2.— Kiến hòa đồng giải: phải chỉ bày cho nhau những điều mình hiểu biết. 3.— Giới hòa đồng tu: đồng giữ kỷ luật chung.

Tóm lại; Phật dạy: hòa từ ngoài thân đến trong tâm, hòa từ vật-chất (lợi hòa đồng quân) lẫn tinh-thần. (ý-hòa đồng duyệt) Hòa như nước với sữa, như ánh sáng với hư-không. Nếu tất cả nhơn loại đồng giữ pháp hòa này, thì lo chi thiên-hạ chẳng đặng bình. Đây là đặc điếm thứ tư của đạo Phật: hòa-bình.

Bốn đức tính trên là những đức tính căn bản để gây hạnh phúc cho con người nói riêng, và nhân-loại nói chung. Những hoài vọng lớn lao của cuộc cách mạng Pháp 1789, cuộc cách mạng vĩ đại đã mở đầu một kỷ nguyên sáng sủa của nhân loại, cũng chỉ thiết tha có ba điều: Bình-dẳng, Tự-do, Bác-ái. Đạo Phật có đủ ba đức tính ấy, mà lại còn rộng-rãi bao la hơn nhiều; ngoài ra, đạo Phật lại còn một đức tính thứ tư mà cuộc các mạng trên không nghĩ đến đó là đức tánh Hòa-Bình. Những hoài vọng trên, nước Pháp và bao nhiêu nước khác đi theo cuộc cách mạng ấy vẫn chưa thực-hiện được, vì họ chỉ hoài vọng và thiếu phương pháp để thực-hiện. Nhưng Phật tử chúng ta, chúng ta đã có cái gương sáng của Đức Phật, có những phương pháp đề tu hành, chúng ta hy-vọng sẽ thành tựu được. Lý-tưởng và con đường đã được vạch sẵn; chỉ còn cần đức tính tấn đề mạnh dạn bước đi.

THIỆN - HOA



HUẤN - TỪ

CỦA NGÀI HỘI-CHỦ TỔNG-HỘI P. G. V. N.
ĐỌC TRONG DỊP LỄ KHÁNH-THÀNH CHÙA
XÁ-LỢI NGÀY 4-5-1958

*NAM-MÔ A-di-Đà Phật,
Kính thưa Liệt-vị Đại-biểu Tăng, Ni,
Thưa Ban Quản-trị Hội Phật-Học Nam-Việt,
cùng toàn-thể Phật-tử,*

*Trước hết, nhân-danh Hội-chủ Tổng-Hội toàn-quốc, tôi kính
lời chào-miềnng toàn-thể Quý Liệt.*

*Đại-gia-đình Phật-giáo Việt-Nam chúng ta, giờ phút này,
được cùng nhau sum-họp dưới mái Chùa tôn-thờ Kim-thân Xá-Lợi
của Đức Bổn-sư, được hiểu lẽ hòa sống trong bầu không-khí
thân-yêu ngát mùi hương Đạo này, thật nhờ Phật-Tổ từ-bi cảm
hóa một cách nhiệm-mầu sâu-rộng mới thành-tựu phúc-quả cao-đẹp
như thế.*

*Để đền-đáp ơn-đức cao-dày của Phật-tổ, hiện-tiền tứ-chúng
Phật-giáo-đồ chúng ta đều có sứ-mệnh thiêng-liêng là kế chí tiền-
nhân, hộ-trì chánh-pháp chung công xây-đắp nền Đạo lâu dài bền
vững trên đất nước nhà. Mục-đích ấy là mục-đích thúc-đẩy Tổng
Hội Phật-giáo Việt-Nam ra đời nhận lấy trọng-trách hướng-*

dân giáo-đồ toàn-quốc. Trong bảy năm nay, mặc dầu gặp bước khó-khăn, Phật-sự vẫn tiến-triển không ngừng và vẫn luôn luôn trung-thành với tôn-chỉ đã vạch ra.

Trên con đường thống-nhất lực-lượng ý-chí chung, nhiều Phật-sự ở từng địa-phương đã được thực-hiện khả-quan. Như tại Nam-phần này, chưa đầy bảy năm, nhiều cơ-sở Phật-giáo lớn-lao đã được hoàn-tất, nhất là việc xây-dựng ngôi Chùa XÁ-LỢI mà chúng ta đang làm lễ khánh-thành hôm nay. Một Phạm-Vũ tráng-lệ giữa thủ-đô Sài-thành, có Phật-điện trang-nghiêm, có giảng-đường rộng-rãi, có tăng-phòng tịnh-túc, có thư-viện tôn-tàng Pháp-bảo. Thật là một cơ-sở tôn-thờ Tam-bảo, hoàng-dương Chánh-pháp rất xiêng-đáng, đồng-thời tiêu-biểu được phần nào nền đạo-đức của dân-tộc Việt-Nam.

Nhân-danh Hội-chủ Phật-giáo toàn-quốc, tôi tán-thán công-đức vô-lượng của chư-vị Đại-đức và các Phật-tử miền Nam mà nhất là Ban Quản-trị Hội Phật-Học Nam-Việt.

Về sự tương, như thế đã có thể nói là đầy-đủ phương-tiện cho thiện-tín thập-phương đến chiêm-ngưỡng tôn-sùng. Mong rằng về phương-diện tinh-thần, từ nay sự nghiên-cứu tu-học cũng mỗi ngày một tăng-tiến phát-triển mãi-mãi để cho đúng ý-nghĩa Phước-Huệ song-tu theo phương-pháp Phật-Học.

Tôi thành-tâm cầu-nguyện Tam-Bảo gia-hộ cho ý-chí thống nhất mà toàn-thể chúng ta mong-muốn, được càng ngày càng thực hiện một cách đầy-đủ. Tôi xin cầu-chúc các Phật-tử và toàn-thể Quý-Vị đồng-mãnh để hộ-trì Chánh-pháp.

NAM-MÔ BỔN-SƯ THÍCH-CA
MÁU-NI PHẬT.



CON NGƯỜI THEO QUAN - NIỆM

PHẬT - GIÁO

Viết nhân dịp lễ Niết-Bàn 2501 năm đề kỷ-niệm một
Người đã đưa địa-vị con người lên đến tuyệt-đối !

TÂM - NGUYỄN

THEO Phật-Giáo con người là một tập-hợp vật-chất và tâm-linh luôn luôn chuyển biến.

Về chuyển biến của xác thân, với khoa-học, đại khái ta đã biết rằng mọi xác thân của sinh vật nói chung đều do các tế-bào tổng-hợp mà thành. Các tế-bào ấy sinh-trưởng, hoại-diệt, kích thích nhau để phát sinh những tế-bào mới kế tiếp những tế-bào cũ đã bị hủy hoại. Sau một thời-gian, nào đó, các tế-bào cũ hoàn toàn thay đổi và trong xác thân mới không còn có những tế-bào cũ cấu tạo xác thân trước kia nữa.

Riêng với loài người, cuộc thay đổi hoàn toàn xảy ra cứ bảy năm một lần.

Đức-Phật với cặp mắt riêng của Ngài, cũng đã thấy như

thế và cũng đi đến một kết-luận tương-tự. Theo nhà Phật, những cực-vi kết hợp thành xác thân con người kế tiếp nhau sanh diệt và luôn luôn ở trong trạng thái «đương trở thành» một xác thân mới. Cái đương trở-thành ấy là cả một định luật không những riêng chi-phối vật-thể mà còn chi-phối luôn cả tâm-thức, tạo thành một giòng sanh diệt luôn luôn biến chuyển từ trong tâm ra đến ngoài thân. Dòng sanh-diệt ấy tức là hiện-tượng của sự sống vậy.

Tuy sanh diệt chuyển biến không ngừng, nhưng nguồn sống chỉ có một, nên con người sau so với con người trước vẫn không hai, không khác. Không hai, không khác, vì nó vẫn tiếp nối con người cũ, nhưng lại cũng không hoàn



toàn giống con người cũ. Nhiều chuyện-biến nhỏ nhiệm của vật thể cũng như của tâm-tư kết-hợp thành một chuyện-biến lớn, và các cuộc chuyện-biến tương-tục bất-đoạn ấy vừa diễn ra trong một kiếp sống, lại vừa diễn ra qua các kiếp sống, trong vòng luân-hồi, để duy-tri lẽ sống duy-nhất và bất khả phân-ly.

1. — Sự chuyện-biến của con người trong một kiếp sống.

Về những chuyện-biến liên-tục của xác-thân, nhà Phật thường đưa ra, một số ví-dụ để gọi một ý-niệm khái-quát như ví-dụ bình sữa ôi dưới đây chẳng hạn.

Một hôm, có người ra chợ mua một bình sữa tươi, nhưng vì còn bận nhiều việc khác nên gọi lại cho nhà hàng, đến lúc về cũng quên không mang theo. Hôm sau đến hỏi, chủ nhà hàng giao trả bình sữa. Khi giở nắp ra, sữa đã đóng váng, mùi sữa nghe chua chua. Anh ta từ-chối không nhận, viện lẽ rằng sữa anh ta mua hôm trước không đóng váng và không có mùi chua; vậy sữa hôm nay là một thứ sữa khác. Chủ nhà hàng vốn tính không có trao-trở hàng, sữa

anh ta gởi ra sào, nay cứ thế mà giao lại. Hai bên cãi-cọ nhau, và bên nào cũng nhận lý về phần mình. Nguyên-nhân gây ra tai-hại chỉ vì sự biến-đổi về vật-thể bên trong của sữa mà thôi. Ấy cái lý không hai không khác là thế!

Lại một tỷ-dụ khác. Một người nọ mang đèn lên thang gác, vô ý làm đổ dầu. Ngọn lửa bật khởi, ăn lan, cháy cả nhà hàng xóm. Cố nhiên cả hàng xóm kiện bắt anh ta bồi-thường. Anh ta không chịu, viện lý rằng lửa nơi ngọn đèn anh ta với lửa thiêu rụi nhà hàng xóm không phải là một!

Những ví-dụ nói về cuộc chuyện - biến không hai không khác này còn nhiều, nhưng tất cả cũng đều gói ghém một ý-nghĩa: vạn sự vạn vật sinh diệt tiếp nối nhau phát khởi, cái sau không phải là cái trước, nhưng nếu không có cái trước, cái sau không thể khởi được. Luật nhân-quả tương-tục bất-đoạn cứ thế tiếp diễn mãi để duy trì sự sống của xác thân và biến đổi sự sống ấy mỗi sát-na một khác sắc thái.

Về những chuyện biến tương tục trong thế-giới tâm linh lại còn vi-tế và kỳ-ảo hơn.



Vi-dụ đặc-biệt của loại chuyển biến này là vi-dụ con người « nghị hội » dưới con mắt nhà Phật, tâm linh con người là nghị trường tập hợp nhiều nghị-viên có những chánh kiến rất sai khác nhau. Mỗi nghị-viên trong con người tức là một tánh tình, mỗi chánh kiến tức là một khuynh hướng tư-tưởng. Sự tranh chấp giữa các nghị-viên trong nghị-trường ra sao thì sự tranh chấp giữa các khuynh-hướng tư-tưởng trong con người như thế ấy.

Những nghị viên đồng chánh kiến kết hợp thành nhóm để tranh đấu với những nhóm nghị viên khác chánh kiến. Những khuynh hướng tư-tưởng đồng loại cũng kết-hợp với nhau để đả kích những khuynh-hướng tư-tưởng khác loại. Rồi đến một giai-đoạn nào đó và vì một mâu-thuần nào đó, sự kết-hợp tan rã để thành-lập những khối mới với một bộ mặt mới. Vì thế tánh tình con người biểu lộ ra nhiều sắc thái lắm lúc mâu-thuần nhau, cụ-thể ra trong nhiều hành-động vô lý cơ hồ như không thể lấy lý lẽ thông thường để lý-giải được. Cũng như trong nghị-trường, chủ-tịch thuộc phe đa số và đại-

diện cho phe ấy. Chủ-tịch trong nghị-trường con người không quyết-định là thiện hay ác. Nói rằng thiện hay ác, hay hay dở, chẳng qua là nhóm khuynh-hướng thiện hay nhóm khuynh-hướng ác đương thắng phiếu trong thời gian đó mà thôi.

Xu-hướng chung của một nghị-hội được xét qua xu-hướng riêng của phe đa-số mà đại-diện là các vị chủ-tịch liên tục thừa-kế nhau; xu-hướng lành dữ của con người cũng được xét qua những tư-tưởng trội nhất của con người ấy trong từng giai-đoạn.

Cuộc tranh-chấp giữa các khuynh-hướng kéo dài mãi; cán cân thắng-lợi không nghiêng hẳn về một bên nào lâu dài, chỉ vì thành phần hai phe đa số và thiểu số thay đổi luôn luôn.

Những phần-tử kết-hợp với phe này có thể, sau một thời gian và vì một mâu-thuần nội bộ, chạy sang phe kia, hoặc nghịch lại.

Các khuynh-hướng về tư-tưởng và cảm-nghĩ cũng giống như thế. Các khuynh-hướng ấy xoay chiều luôn luôn, khiến ta thấy cùng trong một con người mà khi hay khi dở khi

lành khi dữ khác nhau. Rồi lại cùng trong một lúc, cũng con người ấy, người này thấy tốt, kẻ kia thấy xấu. Xấu tốt, hay dở, thiện ác, không có một qui-luật cố-định nắm giữ bản tánh con người. Có những trạng-thái như thế, chẳng qua vì con người là một giòng sinh diệt của vật-thể và tâm-thể, tùy-duyên kết-hợp và tùy-duyên tan-rã theo luật vô-thường chuyển-biến.

Trong giòng sinh-diệt vô thường ấy, nó có thể hoặc tiến-hóa, hoặc thoái-hóa, ngay trong một kiếp sống trăm năm.

2. — Sự chuyển-biến con người qua các kiếp sống.

Vì tánh-cách không cố-định, mà giòng sống thì lại vẫn liên tục bất đoạn, nên qua các kiếp trong thời-gian, hết thân này đến thân khác nó khả thượng khả hạ, lên xuống không chừng. Lên hay xuống, thì cũng quanh đi quẩn lại, mang cuộc tranh-luận bất-tuyệt của nghị-trường, vô ra trong ba giới, lui tới trong sáu đường, từ địa-ngục, ngạ-qui, súc-sanh, tu-la lên đến Nhơn, thiên, khi tới khi lui, khi thăng khi giáng, những xác thân mà nó mang trong từng kiếp cũng

như những cảm-nghĩ rào-rạt trong từng loại tâm-tư, mỗi kiếp thay đổi một khác. Nhiều thay đổi nhỏ kết-hợp thành một thay đổi lớn, và cuộc thay đổi lớn, là một bước nhảy từ kiếp nọ sang kiếp kia. Đây chẳng qua là kết-quả tổng-hợp của nhiều thay đổi vi-tế trong từng sát-na thời gian.

Tuy có thay đổi ngàn sai muôn khác như thế, nhưng nếu khảo-sát về tính chất căn bản chung thì con người là một phần-tử, hay nói đúng hơn, con người là một giai-đoạn tiến-hóa của loài hữu-tinh. Nó mang theo trong tính-chất cơ-bản của nó những khuynh-hướng, những cảm-nghĩ của loài hữu-tinh nói chung. Những cảm-nghĩ cơ-bản ấy là tham sống sợ chết ; và vì tham sống sợ chết nên ưa vui ghét khổ, thích thiện ghét ác. Khi những khuynh-hướng ấy đã phát-triển và tiến-hóa đến trình độ làm người, các kiến-trúc về hình-hài cũng như các cấu-tạo về tư tưởng đã trở nên tế nhị hơn và phiền toái hơn.

Điều tai hại xảy ra là trong quá-trình phát-triển, mỗi chúng sanh đều mang theo trong nội-tâm một khủng-hoảng trưởng-thành, một mâu-thuần nội-tại, hệ-luận đương nhiên của định



luật dòng sống. Ở đầu có dòng sống, ở đáy có mâu-thuần sanh diệt. Mâu-thuần nội-tại ấy buộc ràng, muốn cho một sự-kiện kế tiếp phát sinh, điều kiện « ắt có và đủ » là sự-kiện sanh ra trước nó phải tự đào-thải và hủy-diệt đi. Thành thử, sanh sau là kết-quả của diệt trước, và diệt sanh sanh diệt tương tục làm duyên cho nhau để liên-tục phát-khởi, nghĩa là liên-tục duy trì sanh-mạng,

Trên đường chiến đấu của dòng sống rất mâu-thuần kia, ba độc tham, sân, si tha hồ dấy khởi vì lưu luyến tiếc nuối bóng dáng của sự sống đã mất. Hủy-diệt để nối tiếp sự sống sắp tới là một định luật khách quan, nhưng tiếc nuối lưu luyến đến nỗi khởi tham, sân, si cũng chỉ vì sự sống. Nguồn gốc của Si-Tâm xen kẽ giữa hai sự thật khách quan và chủ quan ấy. Vì vậy mà nhà Phật bảo rằng, ba độc cùng với giác-tánh, hai dữ-kiện, tuy đối lập nhau, nhưng đều cùng cố-hữu và cùng vô-thủy như nhau. Và từ cái vô-thủy xa-xôi ấy, cuộc vật lộn triền-miền giữa hai dữ-kiện thù nghịch kéo dài cho đến vô chung, không bao giờ dừng nghỉ, Chính cuộc vật lộn ấy đánh giá cho giá trị của từng tầng lớp chúng sanh. Từ địa-ngục đến

tu-la dày đặc tham sân, si, tiến lên đến trạm dừng nghỉ của thế-giới loài người, giai-đoạn làm người là giai-đoạn mà giác-tánh đã dịch được phần nào cán cân chiến thắng về phần minh và đã đẩy lui được khá xa sức tàn phá của ba độc. Nếu còn cố gắng tiến lên thêm một bước nữa, cái chúng sanh mang lột con người ấy sẽ chuyển hóa thành chúng sanh ở các cõi trời.

Đến đây, giá trị của nó được xác nhận một cách chắc chắn hơn và nó có thể thụ-hưởng một cuộc sống tương đối thích thú hơn. Nhưng cuộc sống dục lạc ấy thụ-hưởng được mau hay lâu là tùy ở nghiệp quả dày hay mỏng và nhất là tùy ở nghiệp nhân lành hay dữ trong thời kỳ thụ hưởng lạc thú ở cõi trời. Nếu trong thời kỳ ấy, nó đại dột thả lòng buông lung theo dục-vọng do sự thụ hưởng gây ra, trường hợp thường hay xảy đến, thì một khi nghiệp quả đã mãn, nó phải đọa lạc, trở lui trong lục đạo theo nghiệp-khiên dẫn-dắt.

Theo quan-niệm Phật-giáo, chúng sanh ở địa-ngục, ngã-qui, súc sanh, tu-la khó tu vì ba nghiệp tham, sân, si quá nặng; chúng sanh ở cõi trời nhẹ nghiệp nhất, nhưng lại



dễ bị sa đọa vì dễ say đắm theo lạc thú được thụ hưởng. Riêng chúng sanh ở cõi người có những ưu-điểm về khách-quan và chủ-quan thù thắng nhất nên đề tu và đề giác-ngộ. Vì vậy mà chúng sanh con người chiếm địa-vị trung dung, tương-đối ưu-thắng nhất trong lục đạo chúng sanh.

Chính vì cái địa-vị trung đạo ấy nên nhà Phật hình-dung con người như đứng giữa giới-tuyến của hai thái cực: cực đại và cực tiểu; một đang lên, một đang xuống. Lên là hòa-nhập vào đại-ngã, xuống là tìm lại tiểu ngã tức là bản giác; cả hai đều thực-hiện bằng phương-tiện mở rộng từ-bi, một lòng từ-bi rộng lớn bao la đủ sức dập tắt mặt trận tham, sân, si, một mặt trận cũng vừa bao la vừa rộng lớn. Phi một tấm lòng từ-bi rộng lớn, không có phương thuốc nào đủ sức ngăn nó khỏi bị hố dục-vọng lôi cuốn và giúp nó tìm lại tiểu-ngã, đem tiểu ngã ấy hòa đồng vào đại-ngã.

Kinh Phật thường dạy: Lấy oán báo oán, oán oán chấp chông, lấy từ-bi báo oán, oán kia mới mong rửa sạch. Lời dạy ấy cũng nằm trong khuôn

khô của mặt trận chống tham sân si do từ-bi lãnh đạo để xây-dựng con người cực-đại và hoàn thành con người tối-linh. Nói cực-đại, nói tối-linh ở đây tức nhắm vào cứu-cánh giác-ngộ mà nhờ địa-vị trung cân thù thắng của nó, nhờ hợp-thể linh-động để biến-hóa của nó, con người dễ đạt được hơn hết, so với cả chúng sanh ở cõi trời.

Như vậy, dưới cặp mắt Phật giáo, con người cũng như muôn loài chúng sanh khác, là một tập-hợp của vật-chất và của cảm-nghĩ luôn luôn biến-hóa, nhưng dễ lưu-động hơn muôn loài chúng sanh khác. Nhờ ở hai tính-chất ấy nên nó có thể dàn trải ra đến cực-đại hay đề thu về cực tiểu, hướng về cực tiểu tức là hướng về nội tâm để tìm bản-giác ưa vui ghét khổ, thích thiện ghét ác của nó. Hướng về cực-đại là phóng bi-tâm diệt-trừ phiền não tham sân-si đến tận cùng và chiến thắng ba độc ấy để hòa đồng với đại-ngã là vũ-trụ bao la, một vũ-trụ tuyệt-đối không còn đối-tượng và chủ-thể.

Có chiến-thắng được ba độc ấy để giải-phóng con người mới đặt nó lên được ở địa-



vị cao cả là địa-vị «tối-linh
ư vạn vật» một cách tuyệt-đối,
địa-vị mà thần hay trời đều
phải quy phục vì thần hay trời
còn bị dày xéo bởi lửa dục-

vọng tham sân si.

Địa-vị ấy, một con người
như tất cả chúng ta, đã đạt
được: Đức Phật Thích Ca
Mâu Ni.

**Nguyệt-san Phật-Giáo Việt-Nam là cơ-
quan hoằng-pháp duy-nhất của Tông-Hội
Phật-Giáo Việt-Nam.**

**Đọc Nguyệt-san Phật-Giáo Việt-Nam và
cò-động cho người khác đọc tức là góp
sức vào công cuộc hoằng-pháp với Tông-
Hội, góp phần xây-dựng cho nền Phật-
Giáo thống-nhứt được vững chắc.**

**Mỗi Phật-tử chúng ta có bổn-phận ủng
cho Nguyệt-san Phật-giáo Việt-Nam được
trường-cửu.**



BẢN TUYÊN - NGÔN

THÀNH-LẬP TỔNG-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM CỦA ĐẠI-HỘI ĐẠI-BIỂU PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Bản tuyên-ngôn này đã được công-bố vào năm 1951. Nhân lễ kỷ-niệm đệ-thất chu-niên ngày thành-lập Tổng-Hội, chúng tôi ấn-hành lại đây đề quý vị Phật-tử nào chưa biết được biết.

BÁNH xe Phật-Pháp xoay-vần trên khắp quốc-độ Việt-Nam đến nay đã gần hai mươi thế-kỷ. Nhân-tâm, phong-tục, văn-hóa, chánh-trị trong nước đều đã chịu ảnh-hưởng rất sâu-xa của Phật-giáo. Tãng-đồ và Thiên-tín từ Bắc vào Nam, một lòng quy-ngưỡng Đức Điều ngự THÍCH-CÁ MẬU-NI, sống trong tinh-thần từ-bi hỷ-xả và luôn luôn lo toan xây-dựng hòa-bình. Nhưng sự đời không hòa nhịp với lòng mong-mỏi, hoàn-cảnh trước đây đã chia ranh-giới ba phần, nên Phật-sự cũng phải tùy duyên mặc dầu Phật-pháp vẫn bất-biến. Sự tương mỗi phần mỗi khác, làm cho mắt bàng-quan xem như có điều chia-rẽ. Nay cơ-duyên thuận-tiện, Phật-giáo Việt-



Nam tất phải được Thống-Nhất. Hơn nữa, họa chiến-tranh đang gieo-rắc khắp nơi, nhân-loại đang lâm vào cảnh làm-than phiến-não. Chính là lúc Đạo Từ-Bi vô-thượng phải đem nước Cam-Lồ mà tưới tất lửa sân-si để xây-dựng cảnh hòa-bình cho nhân-loại.

Theo lời hiệu-triệu của các Trưởng-lão Hòa-Thượng, một Hội-nghị Phật-Giáo Toàn-quốc gồm có 51 vị Đại-biểu Phật-Giáo ba phần đã được long-trọng khai mạc vào ngày mồng 6 tháng 5 năm 1951 dương-lịch tại ngôi chùa lịch-sử Từ-Đàm (Thuận-Hóa).

Sau bốn ngày thảo-luận ráo-riết trong bầu không-khí thân-mật và hiểu biết, toàn-thể Hội-nghị đã quyết-định Thống-Nhất Phật-Giáo Toàn-quốc Việt-Nam, lấy ngày PHẬT-ĐẢN làm kỷ-niệm thành-lập TONG-HỘI PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM, và bầu một ban Quản-Trị Trung-Ương đặt trụ-sở tại Thuận-Hóa (Huế) để thực-hiện nhanh chóng chương-trình thống-nhất mà Hội-Nghị đã dự-thảo.

Hỡi toàn-thể Phật-tử Việt-Nam! Chúng ta hãy san phẳng những hình-thức sai-biệt, cùng chung sức chung lòng để làm tròn sứ-mạng kiến-tạo hòa-bình, gây mầm an lạc, và nêu cao ngọn đuốc Trí-Tuệ của Đức Thế-Tôn.

ĐỨC PHẬT THÍCH - CA

Phỏng-dịch theo
PARIS - MATCH, số 654
(dịch-giả : Khả-Chính)

ĐÊM trăng tròn tháng Tư.

Đêm nay, dưới ánh trăng, một bầu trời thanh tịnh và an vui tỏa ra khắp cả Á-châu Phật-Giáo. Từ những rừng dừa lá cao ngất nghều của xứ Tích-Lan đến rừng già u-tịch của xứ Diến-Điện, từ những triền núi phủ tuyết trắng toát của xứ Tây-Tạng đến những khu vườn anh đào thắm tươi của xứ Nhật-Bồn, hằng muôn ức triệu đại-hội hoa đăng đỏ rực đang tỏa ra một ánh sáng phiêu-dêu bao trùm các ngôi chùa, những bó trầm hương dâng cúng chõng chất cao ngất nghều các lễ-đài và từ các đỉnh trầm ngùn cháy như một đồng củi không-lồ, khói trầm quyện, hương trầm bay... Những tiếng tù-và đồng vang dậy inh-ỏi đang tập hợp khách hành hương trên khắp các nẻo đường Châu-Á.

Tại Kandy, những thớt voi, mở đầu kiệu rước, đang dẫn cả một dân-tộc mang hoa đến dâng cúng chùa Răng Phật và cùng chiêm bái thánh-tích,... Tại Ngưỡng-Quang, thành phố của Vạn-Phật, các châu-báu trong các ngôi chùa đang được phô bày khắp các nẻo đường, những thiếu-nữ kiều-diễm con của các vương-tôn đang gập mình xuống để rải những tấm thảm hoa lài dưới bước chân đi của đoàn tin đồ hành hương; tất cả cảnh tượng diễm ảo này đang biến Ngưỡng-Quang thành một lâu đài tráng-lệ của Ngàn-Lẻ Một-Đêm. Tại Bắc-Kinh, tại Đông-Kinh và tại những triền núi cheo leo, khắp núi đèo hay tại hang cùng ngõ hẻm của vùng đồng ruộng, cũng một cảnh chuông rung trống dón ấ lên ngập trời cao để chào mừng vía Đản sanh của đấng Đại-Giác; trong khi đó thì trong vùng rừng núi thâm-u hoang-dã của dãy Hy-mã-Lạp, các thiên-



su Tây-Tạng đang múa nhảy điệu múa của nguồn sống đang lăn mình trên tuyết băng và ngay cả tuyết băng cũng đang tan ra nước vì bị đốt bởi nồng nhiệt của một đức tin không bờ bến từ trong tâm thần họ tỏa ra.

Và cũng trong đêm nay, trong giờ phút vầng trăng bạc chói ngay trên đỉnh đầu năm trăm triệu khuôn mặt, một ngàn triệu cánh tay sẽ vọt lên trăng để hứng lấy trận mưa Pháp tràn ngập ánh sáng và đượm nhuần thanh tịnh.

Đêm trăng tròn tháng tư này là đêm thánh của Phật-giáo.

Cách đây 2500 năm, cũng dưới bầu trời ngập ánh sáng này, cũng một đêm như đêm này, một con người tên gọi là Phật và đồng nghĩa với đấng Giác-ngộ, đấng vô thượng, đã lìa khỏi trần-gian để vào cõi Niết-bàn. Con người ấy đã luôn luôn bảo rằng mình không phải thần linh hay tiên-tri mà chỉ là một con người như muôn nghìn con người khác. Con Người ấy đã đưa địa-vị con người lên mức tối cao, tối cao cho đến nỗi từ hơn hai ngàn năm nay, 500 triệu con người khác đang tôn thờ như một vị thần-linh chọn chánh.

Chúa Giê-su đối với Tây-phương và thánh Ma-hô-mét đối với Trung-đông như thế nào thì Đức Phật Thích-Ca đối với Viễn-Đông cũng như thế ấy. Phật-giáo là một trong bốn đại tôn-giáo của nhân-loại. Nên thế-giới ngày nay, một phần năm dân số là Phật-tử. Ở Tích-Lan, trẻ con học Phật-pháp cũng tự nhiên như ở bên ta (chỉ Tây-phương) học kinh thánh Gia-lô. Tại Diến-Điện, Tây-Tạng, Cao-Miên, Ai-Lao Phật-giáo là quốc-giáo. Ở Trung-Hoa, Nhật-Bồn, một nửa dân-số theo đạo Phật. Với Khổng-tử, Mạnh-tử và Lão-tử, đức Phật là một trong những đấng siêu-nhân, đã đưa văn-minh Á-châu lên mức cao nhất và đã cống hiến cho toàn thế-giới, kể cả Tây-phương, một số phương châm cần-thiết cho lẽ sống.

Đức Phật là vị sáng lập giáo-hội xưa nhất thế-giới, Ngài là Giáo-Chủ của Tôn-Giáo không thừa nhận Thượng-đế và thần-minh. Ngài là vị đại tu-sĩ của một giáo-hội không có giáo-hoàng và không có đẳng-cấp. Đức Phật là ai? Có hay không? đề một hôm đến nói với con người rằng « Tôi mang đến cho con người một phương-pháp diệt-khô. Ở đời này chỉ có một tội ác duy nhất là mê mờ, là vô-minh. Hãy giữ thân-tâm thanh-tịnh. Cứu-cánh giải-thoát ở chính ngay nơi mình».



Giáo-pháp của Ngài tóm tắt trong mấy câu trên. Và đời Ngài là hình ảnh trung-thành đến nỗi Tây-phương phải nghi ngờ trong một thời-gian rất lâu, không tin rằng Ngài là một nhân-vật lịch-sử thật có. Vì vậy cũng rất lâu, các kinh đều viết bằng tiếng phạn hay tiếng ba-ly, thuật lại đời Ngài và Giáo-pháp của Ngài chỉ được người Tây-phương xem như những thi-phẩm tuyệt-diệu trong đó vai chủ-động chỉ là một nhân-vật của dã-sử.

Mãi cho đến năm 1896, nghĩa là cách đây 61 năm, tại vùng Lâm-ty-ni thuộc quận Gorapur, nước Népal (Bắc Ấn-Đô) một nhà bác-học khảo-cò người Anh tên là Alexandre Cunninham tìm được bản khai sanh của đức Phật. Bản khai-sanh ấy là một trụ đá do vua A-Dục dựng, niên-hiệu A-Dục năm thứ 20 tức là năm 244 trước Tây-lịch. Trên cột đá ấy, người ta đã đọc được, cũng như còn đọc được mãi mãi, câu ghi-chú sau đây: «Đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni sanh tại chỗ đất này». Vua A.Dục vốn là người ngoại đạo về sau quy-y theo Phật-giáo, đã đi hành-hương lễ-bái tại xứ Phật và đã cho dựng những cột trụ đá hoa-cương khắp các nơi mà Phật đã đi qua.

Đến lượt chúng tôi đi chiêm-bái lần này đây (lời tác-giả) chúng tôi cũng lần mò theo vết các trụ đá ấy, bước lại con đường mà xưa kia Phật đã in dấu chân và dừng nghỉ lại tại bốn thánh-địa: 1.— Vườn Lâm-tỳ-ni, nơi Phật đản sanh, 2.— Bồ-đề đạo-tràng ở Uruvela nơi Phật thành đạo, 3.— Vườn Lộc-uyên gần Bénarès nơi Phật nói pháp từ-đế lần đầu tiên cho năm vị đại đệ-tử đầu tiên, 4.— Rừng Tất-bát-la, dưới chân núi Hy-Mã-Lạp nơi Phật nhập-diệt. Trong cuộc hành-trình chiêm-bái này khi thì chúng tôi dùng xe kéo, xe bò, xe jeep, khi thì lại phải dùng thuyền hay những thớt voi.

Bốn chốn thánh-địa ở cách trung-tâm Bénarès, trong một vành tròn đường bán kính dài 300 cây số, giữa Hy-mã-lạp và sông Hằng-Hà. Chính khoảng đất diện-tích ba trăm ngàn cây số vuông đó đã chứng-kiến Phật ra đời, Phật tìm cách diệt khổ, Phật chứng Tứ-đế, Phật chuyển phép luân và Phật truyền-bá trong non nửa thế-kỷ, một trong những nền giáo-lý đầu tiên dạy người đức từ-bi bác-ái mà nhân-loại nhớ ơn.

Ở Nautanwa, cách thị-trấn Calcutta 400 cây số, chúng tôi phải rời chiếc xe jeep và xe bò, vì trước khi đến Lâm-ty-ni chúng tôi còn phải vượt qua ba con sông nữa vì cầu bắc qua các con sông này vừa bị hỏng. Chúng tôi lại cũng phải ở trên lưng voi để đến xứ Phật như thời Phật ngày xưa. Người hướng-dẫn ngồi xen lẫn với chúng tôi dựa lưng vào anh



nài, trên một bộ yên bành khò lặc-lư trên một thớt voi cày. Người ấy bận áo vàng của một khất-sĩ Ấn-độ. Đây không phải là một hướng-dẫn-viên thực-thụ. Chính là một từ-khiu tu-sĩ Phật-giáo,

Chúng tôi qua sông Hằng-Hà tại Patna, nơi mà ngày xưa Phật đã đi qua và trong kinh ba-ly, gọi tên cũ là Pataliputa. Trước mặt chúng tôi, một cánh đồng rộng bát-ngát trải dài cho đến chân núi Hy-mã-lạp in màu xanh lên nền trời xa tắp. Cột trụ đá của vua A-Dục đây rồi, chúng tôi đã đến Lâm-tỳ-ni. Vườn tược danh tiếng ngày xưa đâu còn nữa, mà chỉ còn một gốc bồ-đề trơ-trọi. Tại nơi đây dưới một gốc cây như cây này, hay có lẽ chính cây này đây cũng nên, Hoàng-hậu Ma-da trong một đêm trắng tròn, đã dừng bước và hạ sanh hài-nhi về sau đi tu và thành Phật.

Mười tháng về trước, trong cung-điện Ca-tỳ-la-vệ, hoàng hậu đã mộng thấy điềm lành : một con voi trắng chun vào bên hông, liền đó hoàng hậu thọ thai.

Ca-tỳ-la-vệ, cách Lâm-tỳ-ni 15 cây số, là thủ-đô của Vương-quốc thuộc dòng Thích-Ca. Đó là một tiểu-quốc nằm ở biên-giới xứ Népal ngày nay, trên triền núi Hy-mã-lạp giữa mặt về Ấn-độ. Quốc-vương là Tịnh Phạn thuộc giai cấp Ksatrya tức là giai cấp quân phiệt. Trong ba tòa lâu đài thích hợp với ba mùa mà nhà vua đã xây cất, có tòa lâu đài mùa hè. Tòa lâu đài ấy chính ở tại nơi đây, trong vườn Lâm-tỳ-ni này.

* Chuyện cò-lịch Ấn-độ thuật lại rằng khi thấy Phật ra đời, ông tiên A-tư-dà từ núi Hy-mã-lạp xuống, tiên đoán với vua Tịnh-Phạn rằng con Ngài sẽ không ở ngôi mà sẽ trở thành một « Xa-Đu ». Xa-Đu nghĩa là thánh. Vua Tịnh-Phạn muốn cải đổi số mệnh con mình, nên đặt tên là Tất-Đạt-Đa. Trong tiếng phạn, chữ này có nghĩa là « kẻ sẽ giữ chức vị mà mình phải giữ ». Chức vị muốn ám chỉ đây tức là ngôi vua. Vì vậy, từ đây người ta gọi đức Phật sơ sanh là Tất-Đạt-Đa Cù-Đàm.

Các kinh điển xưa thuật lại rằng, vài ngày sau khi Phật ra đời, thân mẫu Ngài mất vì quá vui mừng, vui mừng vì biết trước rằng con mình mang thai không ô-uế tất sẽ trở thành một đấng Thánh-nhân về sau. Như vậy ý-niệm của sự mang thai trinh-khiết đã có từ sáu trăm năm trước Thiên-chúa. ✕



Từ đó vua Tịnh-Phạn ngày đêm bị ám ảnh bởi một mối âu lo duy nhất là sợ con mình bỏ ngôi đi tu, nên lo sửa sang cung-điện thêm tráng lệ, tuyển lựa cung nữ thêm lộng lẫy để cầm chân Thái-tử. Rồi Thái-tử lấy vợ, công-chúa Da-Du Đà-La; Thái-tử sinh con, La-hầu-la. Ngày tháng trôi qua trên nhung lụa giữa những tiếng sinh-ca rất quyến rũ. Rồi cuộc du-ngọan ra bốn cửa thành để gặp một người bệnh, một ông già và một thầy chết. Khò đau chông chát trên khò đau. Ý nghĩ tìm phương pháp diệt khò từ đó mãnh liệt chồi dậy trong lòng Thái-tử, và đời sống xa-hoa bên ngoài vĩnh-viễn chấm dứt khi gặp vị tu-sĩ khất thực vui tươi trong manh áo vàng tượng trưng của tinh-khiết thanh-tịnh :

— Này! Kê điên rồ kia, làm sao nhà ngươi có thể tươi cười được, trong khi xung quanh nhà ngươi toàn đương diễn ra những cảnh khốn cùng và ghê tởm!

— Tôi tươi cười được, chính vì tôi đã từ bỏ cuộc đời với những cái vui ô-nhiễm của nó.

Nói xong, vị khất-sĩ bình thân tiếp tục cất bước.

Câu trả lời làm Thái-Tử suy nghĩ. Rồi một đêm trăng, sau một một cuộc dạ hội tưng bừng ca-nhạc Thái-tử rời cung-điện ra đi với Xa-nặc và con ngựa kiên-trắc. Ngoảnh nhìn lại cung-nữ say mèm và mệt như đang nằm sòng sượt đầu lóc xác-xơ trên những tấm-thảm trước mắt Ngài diễn ra cảnh ô-uế lộn trần càng kịch thích thêm sự ghê tởm trong tâm hồn Ngài.

Đi từ nửa đêm đến sáng hôm sau, Ngài dừng lại khi gặp một khất-sĩ. Ngài cắt tóc, lột hết ngọc ngà châu báu và bảo Xa-nặc trở về trao lại vua cha. Một mình, Ngài lững thững tiến về phương Nam.

Câu chuyện cò-tích do các kinh điển xưa thuật lại đại khái có những nét chính tóm tắt như trên và đến đây là chấm dứt.

Từ đây sắp đi, không còn Thái-tử Tất-Đạt-Đa nữa. Đấng Thánh-nhân thuộc dòng họ Thích-Ca (Thích-Ca Mâu-Ni) đã ứng thế. Cuộc thám-hiềm tinh thần bắt đầu.

(Còn nữa)



ĐẠO PHẬT CỦA THIẾU-NIÊN THIẾU-NỮ

KHÁI - NIỆM VỀ ĐẠO PHẬT

MINH-HẠNH

I. — ĐẠO PHẬT LÀ GÌ ?

GIẢN-DỊ, người ta thường nói: đạo Phật là nền đạo-lý do Đức Phật sáng-lập. Nhưng định-nghĩa ấy quá vắn tắt. Muốn hiểu thế nào là đạo Phật, các em phải biết thế nào là Phật đã.

Vậy Phật là gì ?

Phật là bậc có trí tuệ tuyệt-vời, có lòng-thương bao-la, và có ý-chí hùng mạnh. Với trí tuệ tuyệt-vời, Ngài biết tất cả những điều khó biết nhất, với lòng thương bao-la, Ngài cứu giúp được nhiều kẻ khổ đau nhất, và với ý-chí hùng mạnh, Ngài vượt qua những trở lực khó-khăn nhất. Vì vậy, Đức Phật cao hơn tất cả mọi người. Ngài là một siêu-nhân. Ngài hoàn toàn sáng-suốt, đầy đủ đức-hạnh. Ngài là gương mẫu sáng nhất cho tất cả mọi người noi theo.

Loài người sỡ-dĩ thù ghét nhau, giận hờn nhau, giết hại nhau, và gây khổ đau cho nhau, cũng bởi vì loài người còn thiếu trí-tuệ, tình thương và ý-chí. Đức Phật ra đời có mục-đích là diệt trừ khổ đau và xây-dựng hạnh-phúc cho loài người, bằng cách dạy cho loài người phương-pháp diệt-trừ những si-mê, thù giận, yếu đuối, và làm phát-triển trí-tuệ, tình-thương ý-chí. Những phương-pháp của Ngài đã chỉ dạy có thể gọi là một con đường đưa mọi người từ chỗ si-mê đến



nơi trí-tuệ, từ chỗ hung-bạo đến nơi từ-bi, từ chỗ yếu đuối đến nơi hùng-mạnh. Con đường ấy chính Đức Phật đã đi qua, và nếu chúng ta muốn theo gót Ngài, chúng ta cũng phải đi qua con đường ấy. Con đường ấy gọi là Đạo-Phật, bởi vì chữ «đạo» có nghĩa là con đường, và «Đạo-Phật», như thế, là con đường do Đức Phật chỉ dạy.

Vậy ta có thể định nghĩa như sau: Đạo-Phật là con đường đi đến trí-tuệ, tình thương và sức-mạnh do Đức Phật chỉ dạy.

II. — ĐẠO - PHẬT VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI

Từ khi Đức Phật sáng lập nên Đạo-Phật đến nay, nghĩa là trên hai ngàn rưỡi năm, loài người đã nhờ đạo Phật rất nhiều. Nhờ Đạo-Phật, nhiều vị quốc-vương đã cai-trị dân với một tấm lòng nhân-từ, thương dân như con đẻ. Đạo-Phật đã cảm hóa nhiều ông vua hung-ác bạo-tàn, làm cho họ trở thành những kẻ tận tụy vì dân, vì nước. Những vị vua thấm nhuần tinh-thần Đạo-Phật ấy đã cố gắng làm cho nhân dân nước họ được sống trong hòa-bình, no-ấm và tình-thương. Dân chúng nhờ đó, đã được thừa hưởng những ân-huệ mà các nhà vua ấy đã ban bố một cách đồng đều.

Nhờ Đạo-Phật, nhiều dân-tộc đã sống trong những phong tục thuần-lương đẹp đẽ. Người dân biết thương nhau hơn, trong tinh-thần Đạo-Phật họ biết cố-gắng trừ-diệt những tính tình hung bạo, thù hận, tham tàn. Họ bớt xô xát nhau tranh chấp nhau vì lợi quyền, vì thù hận, vì tham lam, và nhờ thế, họ được hưởng thái-bình và an-lạc lâu dài.

Đạo Phật với tinh thần trí-tuệ và từ-bi đã nhiều lần dập tắt được lửa chiến tranh giữa nước này với nước nọ. Nếu mọi người ai cũng sùng-thượng đạo Phật, thì trên thế giới sẽ không bao giờ xảy ra những trận chiến tranh tương tàn thảm-khốc nữa.

Ở nhiều nước trên thế-giới, đạo Phật đã góp phần rất đặc lực trong công cuộc xây dựng văn hóa. Ở các nước như Ấn-



độ, Tích-lan, Trung-hoa, Nhật-bản v.v... đạo Phật đã giúp đỡ cho quốc dân xây dựng kinh-tế, chính-trị, văn-học và mỹ-thuật.

Như thế, đạo Phật là nguồn sống mạnh mẽ và giàu có của toàn nhân-loại.

III. — ĐẠO PHẬT TRÊN THẾ-GIỚI

Đạo Phật là một nền đạo-lý có đông người tin theo hơn hết trên thế-giới. Số Phật-tử hiện nay trên thế-giới vào khoảng sáu trăm triệu người (600.000.000). Ở Á-châu, nhiều quốc gia đã thờ đạo Phật là quốc-giáo, nền đạo-lý của dân-tộc. Đạo Phật phát nguyên từ Ấn-độ, nay đã lan tràn khắp mọi nơi trên thế-giới. Ở các nước Tây-phương như Đức, Anh, Mỹ, Pháp đều đã có đạo Phật cả. Đối với người Đông phương, đạo Phật là một nền đạo-lý rất quen thuộc ; đối với người Tây-phương, đạo Phật đang còn mới mẻ. Vì nhận thấy đạo Phật rất cao siêu, người Tây-phương hiện giờ đang tiếp đón và nghiên cứu đạo Phật một cách nhiệt thành.

Hội Phật-giáo thế-giới hiện nay đặt trụ sở tại Colombo thủ đô nước Tích-lan. Việt-nam là một trong gần 30 nước Hội viên của hội Phật-giáo Thế-giới.

IV. — ĐẠO PHẬT VIỆT-NAM

Dân-tộc Việt-nam từ xưa đã tôn thờ đạo Phật làm nền đạo-lý của dân-tộc. Tồ-tiên chúng ta đã tiếp đón đạo Phật từ hơn một ngàn năm trăm năm nay.

Dân-tộc Việt-nam là một dân-tộc giàu tình thương, chuộng hòa-bình, nên rất hợp với đạo Phật. Cho nên ta không lấy làm lạ khi thấy hầu hết những người Việt-nam đều là Phật-tử.

Trong bước đầu kiến-thiết văn-hóa dân-tộc, ông cha chúng ta đã nhờ vào đạo Phật rất nhiều. Những triều đại rực-rỡ nhất trong lịch-sử Việt-nam là những triều Lý, Trần ; trong các Triều đại ấy, nhân dân Việt-nam, từ vua quan cho đến sĩ dân, tất cả đều được thấm nhuần đạo Phật. Đạo Phật trong các



triều đại ấy đã đóng vai trò xây dựng văn-hóa, chính trị, kinh tế, ngoại-giao, giáo dục, văn-học và mỹ-thuật. Ngày nay, vì đã có một thời người Việt quá ham chuộng văn minh vật-chất của Tây-phương, nên đạo Phật có vẻ suy đồi. Nhưng sự say mê văn-minh vật-chất đã gần qua rồi; người Việt đã bừng tỉnh và quay về với nền văn-minh tinh-thần cố-hữu.

Người Phật tử, trong giai-đoạn này đang xây dựng lại nền đạo-lý dân-tộc. Chúng ta tin rằng đạo Phật Việt-nam rồi sẽ được sáng rõ huy-hoàng như ở thời xưa.

V. — MỤC ĐÍCH CỦA ĐẠO PHẬT

Mục-đích của đạo Phật, như chúng ta thấy, là diệt trừ khổ đau và đem lại hạnh-phúc cho con người. Người ta chỉ có thể hết khổ đau khi người ta không còn u tối, độc ác và nhu nhược. Còn u tối, con người sẽ không biết hướng nào đi cho đúng, sẽ dễ-dàng sa vào những hầm hố tội lỗi. Còn độc ác, con người sẽ tàn sát nhau, gây đau khổ cho nhau, còn nhu nhược con người sẽ không thể nào chiến thắng những tình cảm thấp hèn, sẽ không vượt qua nổi những khó khăn nguy hiểm để đi đến chỗ thành-công. Vì vậy, đạo Phật dạy cho con người phương-pháp diệt trừ u tối, độc ác và nhu nhược ấy bằng cách đào luyện trí-tuệ, từ-bi và dúng-cảm.

Trí-tuệ là đề chiến thắng u tối.

Từ-bi là đề chiến thắng tội ác.

Dúng-cảm là đề chiến thắng nhu-nhuộc.

Nơi Đức Phật: ba đức Bi (từ-bi) Trí (trí-tuệ) và Dúng (dúng-cảm) ấy đã được thành tựu hoàn toàn. Trí-tuệ của Phật là một sự hiểu biết cao tột có thể hiểu hết và biết hết những điều bí ẩn nhiệm mầu trong vũ-trụ. Từ-bi của Phật là một lòng thương rộng-rãi không bờ bến, bao trùm hết tất cả mọi loài chúng sanh. Dúng-cảm của Phật là một sức mạnh vô-biên có thể chiến thắng được mọi nguy nan trở lực để cứu độ cho mọi loài. Cũng vì vậy, Đức Phật thường được tôn xưng là một bậc « đại bi, đại trí, đại hùng lực ».



Mọi người phải theo phương-pháp của Đạo-Phật để phát triển ba đức Bi, Trí, Dũng, để được gần với Đức Phật. Càng phát triển ba đức ấy bao nhiêu, con người càng trở thành đẹp đẽ bấy nhiêu.

Con người sẽ dần dần xa lìa u tối, độc ác và nhu-nhược tức là những nguyên-nhân gây nên đau khổ. Và con người sẽ sống với nhau một cách sung-sướng, an vui, thế giới của con người sẽ trở thành một cõi cực-lạc nhiệm màu.

VI.— GIÁO CHỦ CỦA ĐẠO-PHẬT

Giáo-chủ là bậc sáng lập nên một tôn-giáo, một nền đạo đức. Giáo-chủ của Đạo-Phật tức là Đức Phật, tên Ngài là: Thích-Ca Mâu Ni.

Ngài ra đời cách đây đã gần ba ngàn năm.

Nền đạo lý của Ngài đã tràn lan khắp mọi nơi. Toàn thể nhân loại đang tôn thờ Ngài. Nhân loại tôn sùng Ngài là một bậc vĩ nhân cao hơn hết các bậc vĩ nhân trên thế-giới.

Chúng ta được thừa hưởng những gia tài tinh-thần quý báu của Đạo-Phật để lại, chúng ta cần phải tìm hiểu cuộc đời của Ngài. Cuộc đời của Ngài là cuộc đời đẹp nhất trong những cuộc đời cao đẹp của toàn nhân loại. Trong bài học thứ hai, chúng ta sẽ tìm học cuộc đời cao đẹp ấy của đức đại Bi, đại Trí và đại Dũng.

Toát - yếu :

1.— Đạo-Phật là một nền đạo-lý cao siêu do Đức Phật chỉ dạy. Đó là con đường đưa con người từ chỗ si-mê độc-ác, nhu-nhược đến chỗ trí-tuệ, từ-bi, dũng-cảm, Đức Phật là một bậc đã đạt đến trình-độ cao siêu nhất của những đức từ-bi, trí-tuệ, và dũng-cảm ấy.

2.— Nhờ tinh-thần bi, trí, dũng ấy của đạo Phật nhân loại đã biết thương yêu nhau hơn, đã biết cố gắng trừ diệt bớt những tính tình hung-bạo, thù hận tham tàn. Nhiều dân-tộc đã được sống trong cảnh thái-bình và an lạc lâu dài. Nhiều vị vua độc ác tàn bạo đã trở nên những kẻ tận tụy vì dân, vì nước, thương yêu dân như con đỏ. Đạo Phật đã tạo nên những thuần-phong mỹ tục, đã xây-dựng kinh-tế, chính-trị mỹ thuật, văn-học cho nhiều dân-tộc.



3.— Đạo Phật có đông người tin theo hơn hết. Đạo Phật hiện đã tràn lan khắp mọi nơi trên thế-giới.

Số Phật tử đã lên tới sáu trăm triệu người.

Nhiều quốc-gia đã thờ đạo Phật làm nền đạo-lý của dân-tộc. Các nước ở Á đông như Ấn-độ, Tích-lan, Tây-tạng, Trung-hoa, Nhật-bản, Thái-lan, Việt-nam, Cao-miên... đều là những quốc-gia Phật-giáo. Các nước Tây phương như Anh, Mỹ, Pháp, Đức cũng đang ngưỡng mộ và nghiên-cứu giáo-lý đạo Phật. Việt-nam là một trong 30 nước hội viên của hội Phật-giáo Thế-giới mà trụ sở hiện đặt tại Colombo.

4.— Đạo Phật Việt-nam đã có lịch-sử một ngàn năm trăm năm. Tính tình, tư tưởng, của dân-tộc Việt-nam rất thích hợp với đạo Phật. Hầu hết người Việt đều là Phật tử.

Đạo Phật Việt-nam từ khi mới du nhập đã là viên đá nền tảng của sự kiến-thiết văn-hóa quốc-gia Việt-nam.

Ông cha chúng ta ngày xưa đã xây dựng quốc-gia trên nền móng tinh-thần đạo Phật. Ngày nay đạo Phật không được hưng thịnh như trước, vì người Việt đã chịu ảnh-hưởng của văn-minh vật chất. Nhưng ảnh-hưởng ấy đã phai dần, và người Việt nam đã quay trở về xây dựng lại nền văn minh tinh-thần sẵn có ngày xưa.

5.— Mục đích của đạo Phật là diệt trừ khổ đau của kiếp người và xây-dựng hạnh-phúc cho nhân-loại. Phương-pháp của đạo Phật-đà là phát triển những đức Bi, Trí Dũng để tiêu diệt những độc-ác, si-mê và nhu nhược của con người. Nhân-loại phải theo gót Đức Phật để biết hướng đi, biết thương yêu nhau và có đủ sức mạnh chiến thắng những tình cảm yếu hèn và những trở lực khó khăn. Như thế mới có thể xây dựng hạnh-phúc cho xã-hội loài người được.

6.— Giáo chủ của đạo Phật là đức Phật Thích-Ca Mâu-Ni, một bậc siêu nhân, xuất hiện đã trên hai ngàn rưỡi năm về trước. Nhân loại khắp nơi đều tôn sùng Ngài.

Cuộc đời của Ngài là một cuộc đời vô cùng cao đẹp.

MINH - HẠNH

Kỳ sau : CUỘC ĐỜI ĐỨC PHẬT



TRẦN - QUỐC - TẢNG

hay là

NƠI GẶP-GỠ CỦA ĐẠO NHO-PHẬT-LÃO

TA - KÝ

THƯỜNG thì quan-niệm nhập-thế và xuất-thế mâu-thuẫn nhau. Hình ảnh một chốn triều-đình đầy lễ-nghi phiền-phức, một bãi sa trường vang tiếng giáo gươm và hình ảnh một ngôi chùa vắng-vẻ, trắng soi đầy mái, một giòng sông nước xanh mát rượi: hai hình ảnh ấy đối chọi nhau và con Người phải chọn để sống. Nói cách khác, một đảng thì đạo Nho thúc giục ta “vào đời” để hoạt-động và một đảng là đạo Phật khuyên ta nên diệt bỏ dục-vọng; đạo Lão hướng tâm-hồn con người đến chỗ phiêu-diêu thoát tục. Không ngờ ba đạo ấy, hai quan-niệm ấy lại nên duyên kỳ-ngộ vào một triều-đại; nhà Trần và ở một người: Tuệ-trung thượng-sĩ Trần-quốc-Tảng. Trước khi bàn đến, chúng tôi thiết nghĩ nên tìm hiểu chút ít về Ngài.

Ngài là con trai đức Trần-Hung-Đạo. Khi giặc Nguyên sang xâm-chiếm nước ta, Ngài theo phụ-thân lập được nhiều kỳ-công, làm đến chức Tiết-độ-Sứ tại Thái-binh.

Ngài chí-khí cao-siêu, dung thân thanh-nhã, lúc nhỏ đã có lòng mộ-đạo, nhân đến thăm Tiêu-giao thuyền-sur nghe thuyết-pháp mà tỉnh-ngộ, Ngài liền tuyệt-ý công-danh, chuyên tâm học đạo, từ chức lui về phong-ấp là Vạn-niên-Hương. Khi ngộ đạo, Ngài thường lập đàn giảng-pháp.

Tuy chức cao, quyền lớn, Ngài đối-với dân-chúng rất giản-dị nên mỗi khi dăng đàn thì môn đồ thiện-tin đến dự thính rất đông.



Vua Thánh-Tôn rất kính-trọng Ngài, tước hiệu là « Tuệ-trung Thượng-sĩ » và ký thác vua Nhân-Tôn cho Ngài. Ngài tịch năm 62 tuổi.

Là con một đại-tướng nên trước khi xuất-gia, ngài Trần-quốc-Tảng đã hai lần đánh lui quân Nguyên. Quan-niệm của Ngài không như quan-niệm hẹp-hòi của một số người cho rằng cuộc đời và cửa Chùa hoàn-toàn biệt-lập nhau. Dù sao đi nữa thì Phật-tử vẫn là con dân một nước và khi có ngoại-xâm, bồn-phận giữ nước là bồn-phận chung của mọi người. Hơn thế, đời Lý, Trần có nhiều nhà sư được bàn đến quốc-sự để giúp vua, dựng nước. Chủ-trương của kẻ sĩ là :

« Cầm chính-đạo để tịch tà, cự bỉ,
« Hồi cường lan như chường bách xuyên ».

(Nguyễn-công-Trứ)

Trần-quốc-Tảng đã thực-hiện xong chí nam-nhi của mình đã trả xong nợ « tang hồng hồ thỉ ». Nói theo Mạnh-Tử, Ngài rất xứng là người: « Ngẩng lên không xấu với trời, cúi xuống không thẹn với người ».

Nhưng vốn có đạo-tâm, Ngài bèn xuất-gia học đạo và khi đã chứng được pháp quả, Ngài thường lập đàn giảng-đạo. Từ đó, danh hiệu Tuệ-Trung Thượng-sĩ trong dân-gian không ai là không biết. Việc tu hành của Ngài cũng rất rộng-rãi, không câu nệ, cố chấp.

Chính vua Trần-nhân-Tôn thờ đạo của Ngài và sau này thành Trúc-lâm đệ-nhất tổ. Ta có thể nói Ngài Tuệ-Trung đã góp công rất lớn trong việc thành lập một phái Phật-giáo nổi tiếng ở đời Trần là phái Trúc-Lâm vậy.

Nhưng tâm-hồn của Trần-quốc-Tảng lại là một tâm-hồn phóng-khoáng, thích tiêu dao. Ngài rất gần với đạo Lão-Trang qua bài « Phóng cường Ca » Ngài thích một cuộc sống hòa-hợp với thiên-nhiên, lấy sự lã-du làm thú tiêu-khiển :

« Trời đất xa trông chừ sao mệnh-mạng.
« Chông gậy dong chơi chừ chốn hà-phương »



Thái độ xuất-thể rõ-rệt. Bao nhiêu điều lo-lắng, phiền-muộn đều không mang vào mình. Lòng thư-thái nên luôn ngâm thơ Khảo-bản và bằng lòng với bất kỳ cảnh ngộ nào nên hay hát bài Thương-Lang :

« Làng Vạn-niên chừ đọc thơ Khảo-bản,
« Sông Cửu-khúc chừ hát bài Thương-Lang »

Và với Ngài, mộng giàu sang chỉ như bóng cầu qua cửa sỏ hay như đám mây nổi sớm tụ, sớm tan :

« Hỡi ơi ! qua cửa sỏ chừ ngày tháng,
« Than ôi ! đám mây nổi chừ giàu sang »

Dĩ nhiên Ngài chẳng cần gì cả bởi vì đã chán ngắt cảnh « thế đồ kỳ khu » và « nhân-tình ấm lạnh » Ngài chưa đến phải như Trang-Tử gỏ chậu hát khúc Cỗ-Bồn nhưng nụ cười « xem khinh thế sự » chắc hẳn vẫn nở trên môi Ngài :

« Làm sao chừ ! Hoạn đồ hiểm-trở,
Biết rằng chừ thế-thái viêm-lương.
Sâu thì cỡi áo chừ, cạn thì vén áo ;
Bỏ thi lui về chừ, dùng thi du dương ».

Và Ngài muốn mình chìm vào trong cái mênh-mông của trời đất, không cần ai biết đến để được tự-do sống đời phóng-khoáng :

« Rộng chơi bốn cõi chừ chẳng ai biết đến,
Trót một đời chừ hết nỗi lo quang »

Tóm lại, nơi con người của Ngài Trần-quốc-Tảng, ba khuynh hướng đạo-giáo đã gặp gỡ nhau. Đáng lý ra, trong cái thế « tam phân » ấy, tâm-hồn con người dễ bị chia xẻ và thành bãi chiến-trường. Nhưng ở đây không thế. Hình như một sự tổng-hợp đã được thực-biện. Điều đó đáng cho chúng ta suy-nghĩ khi nói đến tam-giáo đồng-qui. Và lời đức Khổng hẳn được chứng minh :

« Thiên-hạ đồng qui nhi thù đồ, nhất chí nhi bách-lự ».

(Xem tiếp bài Phụ-lục trang sau)

TẠ - KÝ



PHÓNG CUỒNG CA

Thiên địa diều vọng hề hà mang mang,
 Sách trượng vũ du hề phương ngoại phương.
 Hoặc cao cao hề vân chi sơn,
 Hoặc thâm thâm hề thủy chi dương.
 Cơ tắc san hề già-lam phạn
 Khốn tắc miên hề hà hữu hương.
 Híng thời xuy hề vô không địch,
 Tĩnh thời phần hề giải thoát hương.
 Quyện tiểu-khê hề hoan-hỉ địa,
 Khát bảo xuyết hề tiêu dao thang.
 Vạn niên thôn hề phú Khảo Bàn,
 Cửu khúc hà hề ca Thương-Lang.
 Phông tào-kê hề ấp sư thị,
 Yết Thạch Đầu hề sài Lão Ban.
 Lạc ngô lạc hề Bồ-đại-lạc,
 Cuồng ngô cuồng hề Phổ hóa cuồng.
 Đốt đốt phù vân hề phú quý,
 Hu hu quá khích hề niên quang.
 Hồ vi hề hoạn đồ hiểm trở,
 Cự nại hề thế thái viêm lương.
 Thâm tắc lệ hề thiên tắc kẻ,
 Dụng tắc hành hề xā tắc tàng.
 Phóng tứ đại hề mạc bả súc,
 Liễu nhất sinh hề hửu bốn mang.
 Thích ngã nguyện hề đắc ngã sở,
 Sinh tử tương biéc hề u ngã hà phương.



DỊCH : Trời đất xa trông chừ sao mênh mang,
 Chổng gậy dong chơi chờ chón hà phương.
 Chỗ cao ngất chừ mây đỉnh núi,
 Chỗ sâu thăm chừ nước ngoại dương.
 Đói thì ăn chừ cơm Già-lam,
 Mệt thì nghỉ chừ làng Lang-thang.
 Lúc húng, thổi chừ sáo tịt lỗ,
 Nơi tĩnh, đốt chừ giải-thoát hương.
 Mồi, nghỉ tạm chừ hoan hỉ một côi,
 Khát, ăn no chừ tiêu-dao một thang.
 Làng vạn niên chừ đọc thơ Khảo-Bàn,
 Sông Cửu Khúc chừ hát bài Thương Lang.
 Hỏi chàng Tào Khê chừ chào ông Lư-thị,
 Yết kiến Thạch Đầu chừ bạn cùng Lão Bang.
 Vui theo Bồ Đại chừ ta hơn hờ,
 Dại rờ Phổ-hóa chừ ta tàng tàng.
 Hỡi ơi ! qua cửa sổ chừ ngày tháng,
 Than ôi ! đám mây nổi chừ giàu sang.
 Làm sao chừ ! hoạn đồ hiểm trở,
 Biết rằng chừ thể thái viêm lương.
 Sầu thì cỡi áo chừ cạn thì vén áo,
 Bỏ thì lui về chừ, dùng thì du dương.
 Rong chơi bốn côi chừ chẳng ai biết đến,
 Trót một đời chừ hết nỗi lo quàng.
 Thích chí ta chừ yên chỗ ở,
 Chết sống tranh nhau chừ ta há lấy làm thương.

ĐẠO VÀ ĐỜI

Tỳ-kheo QUẢNG-LIÊN

TÔI không dám nói toàn-thề, nhưng có lẽ đa-số dân-tộc Việt-Nam có quan-niệm chung rằng Đời và Đạo là hai con đường khác nhau, như nước với dầu không thể hòa lộn. Vì thế, một số tin-tưởng nơi Đạo (chữ Đạo tôi nói đây là Đạo Phật) lại quên lãng việc đời, cho rằng ngày đêm tu tâm luyện tánh mới là chơn chánh Phật - Tử ; một số khác muốn sống với Đời vì cho rằng vào Đạo thì đoạn tuyệt niềm-vui hạnh-phúc của đời tươi-đẹp.

Hai quan-niệm này đều không đúng với Đạo Phật. Chúng ta không thể tìm chơn-lý ngoài đời sống chúng ta, hay nói cách khác là ngoài thế-gian này. Đời không thể lìa Đạo vì Đạo là con đường — con đường tiến-hóa của nhân-loại cần phải có đề tiến bước — Đạo như kim chỉ nam của thuyền-thủ, như dây mực của thợ mộc. Kim chỉ nam giúp người thuyền-thủ khỏi lạc đường lằm nẻo ; dây mực giúp bác thợ mộc theo đúng lẽ lối.

Giáo-lý Đạo Phật không dạy nhơn-sanh đoạn tuyệt đời sống hạnh-phúc để đi đến chỗ tiêu hao đoạn diệt. Đức Phật Gautama là bậc đầu-tiên đi tìm hạnh-phúc chung cho nhân-loại và hy-vọng khuyến-hóa nhơn-sanh thấu đoạt một đời sống hạnh-phúc tuyệt-đối kia mà ! Chính các học-giả Âu-châu còn nói : « Buddhism is the way of life » Đạo Phật là con đường của sự sống. Hay câu : Phật-pháp bất ly thế-gian giác» của người Trung-Hoa.

Nếu có người nói : Đời và Đạo không khác tại sao Thái-tử Tất-đạt-Đa (Siddhartha) lìa vợ đẹp con yêu, cảnh hạnh-phúc trong hoàng-cung, suốt sáu năm gian khổ tham-thiền nhập định tìm chơn-lý ? Câu-hỏi có phần đúng sự thật, nhưng chúng ta suy-nghiệm, trước khi đức Phật Gautama giác-ngộ, có một chơn-lý nào hoàn-toàn như chơn-lý mà Ngài giác-ngộ sau này chăng ? Không ! Đức Phật Gautama lìa gia-đình đi tìm chơn-lý giải-thoát nhân-loại, là Ngài



muốn lìa gia-đình giòng vua chúa Thích-Ca (Kshatriya Sakya) nhỏ-hẹp để tìm sống với một gia-đình vĩ-đại bao-la; gia-đình vĩ-đại ấy bao gồm tất-cả màu da chủng-tộc, không phân biệt giai-cấp xã-hội. Lại nữa khi Ngài lìa hoàng cung, bấy giờ chưa có một chơn-lý giải thoát tuyệt-đối nào hầu cứu khổ chúng sanh. Nên lúc Ngài ngồi tham-thiền lặng-lẽ nơi cội Bồ-đề trực ngộ chơn-lý, chơn-lý Ngài ngộ không ngoài đời sống thế-gian. Và, sau khi liễu ngộ chơn-lý, Ngài giáo-hóa nhât-sanh; trong hàng ngũ tin-tưởng giáo-pháp Ngài, đủ hạng người vua chúa như vua Bsinbisan, công-chúa Nan-đa, trưởng-giả như Anatha Pindika; hoa-khôi thời bấy giờ như Visakha đủ năm tướng mỹ-nữ, những tín-đồ này vẫn sống trong gia-đình hưởng đời sống hạnh-phúc với chồng vợ, con cái, tài-sản mà họ cũng dặng chứng quả A-la-hán, hay đệ-tam đệ-nhị Thánh-quả.

Như thế chứng minh rằng Đạo Phật không phải chỉ dành riêng cho hạng tăng-sĩ xuất-gia kham-khở mà chung cho tất cả tại-gia cư-sĩ nam nữ mọi lớp người trong xã-hội. Đạo-Fật là «Đạo xây-dựng» lẫn lý-thuyết và thật hành rất thích hợp phong-tục văn-học cò-truyền thuần-lương mỹ-tục. Đạo-Fật mở cho nhân-loại một đường lối căn-bản xây-dựng một đời sống tươi đẹp hơn, không quá lạc-quan nhưng không chủ-trương bi-quan. Vào Đạo

Phật với mục-đích chung nhau hợp tác để cấu tạo một xã-hội lành mạnh, an vui, trong cảnh hòa-bình hạnh-phúc và thịnh-vượng. Như giáo-sư triết-lý S. Radhakrishnan nói: Phật giáo là một học-thuyết tiên-đoán phi-hường giúp cho sự xây-dựng chủ-nghĩa tiến-hóa của Bergson. (Buddhism is a splendid prophery of the creative evelutionism of Bergson). Lịch sử thế-giới chứng minh phương-pháp trị dân của vua Asoka Ấn-độ (A-dục-vương). Một vị vua đầu tiên áp-dụng giáo-lý Phật-đà để củng-cố địa-vị, hấp dẫn quần-chúng, thống-nhứt quốc-gia không tổn giọt máu.

Đức Phật Gautama sau khi chứng chánh quả, liễu ngộ nguồn gốc sanh-tử, khổ não của muôn loài, Ngài nhận chân lý-thuyết trung-đạo phủ-nhận cả chủ-trương lạc-quan (Optimism) của phái ngoại đạo Càrvaka và bi-quan (Pessimism) của phái Đầu-đà Nigantha Nataputda. Trong kinh Dhamma cakkappavattana (kinh chuyển pháp-luân) bộ kinh đầu tiên Ngài thuyết cho 5 vị Kiều Trần-Như tại Sarnath (lộc-uyên), đức Gautama nói: Nhân-loại thế-giới có hai «MÊ TRƯỚC» cần nên diệt trừ: 1.— Đắm trước cảnh lạc quan (kàmasukhallikànuyoga) say sưa dục lạc; đây là nguyên-nhân truy-lạc, giảm trí-huệ, mất giá trị con người.

2.— Đắm trước hình thức khổ-hạnh (Attakilamathànuyoga) ép xác, hành trì gian khổ; đây cũng là nguyên



-nhân tà đạo không những kém sức lực lại tổn giảm tinh-thần và trí-tuệ không thể phát-khởi được. Ngài nói tiếp: Hỡi các tỳ-kheo. hai thứ vọng chấp này nên lìa bỏ, các người nên thể theo con đường trung-đạo (Majjhima patipada) mà ta đã phát-minh. Nương theo pháp trung-đạo tu hành không những xa lìa ma-vương lại tăng thêm trí-thức bình-định tâm (Vupasamàya) trí bác-nhã (Abhinnaya) Giác-ngộ (Sambodhà ya) và chứng Niết-Bàn (Nibbana hay là Nirvana).

Lý trung-đạo đem áp dụng trong xã-hội loài -người là một điều rất cần, nhất là hiện tình thế-giới căng-thẳng và trong lúc nhân loại đang hoang mang vì thời cuộc. Chủ nghĩa phe phái đang lăm le nuốt sống lẫn nhau. Như B.C Law một nhà văn-hóa cổ-điển nói: « Đạo Phật quả thật là một Trung-Đạo ở trong chính nó cũng như ở khắp mọi nơi. Nó không phải chỉ là trung đạo giữa đường đời và đường kẻ tu-hành mà còn là trung đạo giữa con đường của người ưa chuộng lý trí và con đường của kẻ giàu lòng tin » (Buddhism is in fact a middle path in this as every where. Not only is it a Middle Path between the way of world and the way of ascetic, it is also a middle Path between the way of the Rationalist and the way of the man of faith.

Chúng ta không thể tu-hành tin đạo yên tĩnh hay hưởng một đời

hạnh-phúc yên vui nhàn nhã với vợ con gia đình nếu đời quá hỗn tạp éo le và gay gắt. Trái lại, đời không thể hòa bình êm dịu cho chúng ta sống, nếu đời không có một đường lối (Đạo) trung trực chơn chánh để mọi người nương đó làm cơ sở tiến bước hầu cấu-tạo gây-dựng đời sống hạnh-phúc an vui. Đạo không thể sống ngoài đời, đời không thể không có Đạo. Nên Đạo và Đời bất tương ly.

Đời sống tươi vui là khi nào người biết nhận chân giá trị của Đời. Đạo chân chánh là khi nào Đạo ấy được tích-cực áp-dụng đúng với chủ trương của Đạo. Người biết nhận chân giá trị của Đời là người nhận thật Đời là vô thường, xã-hội là từ nhiều khối, nhiều đoàn thể xây-dựng. Đời sống con người có hạn, nên chúng ta cần thận tôn trọng và duy trì, phát-triển giá-trị đời sống. Kinh Phật nói « Nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn » Theo luật nhân-quả trong Đạo Phật nói: chúng ta được sanh làm người là nhờ đời trước của chúng ta gieo trồng nhân phúc lành; xã-hội loài người có khác với xã-hội loài thú là ở chỗ trí thức thông minh, nhận xét phán đoán biết kinh-nghiệm phát-triển khả-năng chứ không phải dựa trên hình thức vô phu, và chắc quý ngài cũng như tôi thấy xã-hội loài người hưởng nhiều quả tốt đẹp hạnh phúc hơn xã-hội loài thú. Lại, chúng ta không thể



tránh khỏi sẽ sanh vào xã-hội loài thú, nếu hiện nay chúng ta không biết giữ giá trị của Đời — đời sống con người. Vì theo luật nhân quả, luật thiên-nhiên không thiên vị hạng người nào. Làm lành sẽ hưởng quả lành, làm ác sẽ bị đọa đày. Như gieo trồng hạt dưa sẽ đặng hưởng quả dưa. Kinh Dhammapada nói : « Je dhammà hetuppabhava » : Vạn pháp sanh ra đều có nhân. Nên người muốn tránh hậu quả khốc-hại, và muốn tăng tiến đời sống cao thượng hơn tất nhiên phải duy-trì và củng cố giá-trị đời sống bằng cách biết trọng mình và bảo vệ kẻ khác, sang sẻ tình yêu thương nhân-loại, chia sẻ nỗi buồn vui. Hành động này tức là hành-động của Đạo, là phương pháp của đức Phật Gautama chỉ giáo. Và đây cũng là nguyên nhân lành tốt để xây dựng quả tương lai tốt đẹp thêm. Nên đời không thể là Đạo.

Nhưng Đạo đâu phải là một, vì hiện nay trên lãnh thổ Việt-nam cũng

như các nước trên thế-giới này nở rất nhiều Đạo. Đạo có chánh có tà. Chánh Đạo là Đạo có một nền giáo-lý căn-bản, lịch-sử và phương pháp dẫn đạo không mơ hồ, không ỷ lại thần quyền, và đi sâu vào đời sống thật tế của nhân-loại. (Sẽ giải rõ trong mục chánh-tín và mê-tín sau).

Đạo và đời liên-quan mật thiết như thế, quý ngài không nên lầm tưởng tin Đạo Phật không hưởng đặng cảnh hạnh-phúc trần gian... Có cảnh nào hạnh phúc và sung sướng bằng cảnh cực-lạc Tây-phương, miêu tả trong kinh A-Di-Đà. Chúng sanh cõi cực-lạc tự tại giải-thoát, muốn chi dặng nấy không chút phiền não. Hưởng thụ cảnh vật thiên-nhiên, chim kêu, nước chảy tuông ra những tiếng hát du dương, lại có hàng cây thất bảo, lầu cát nguy nga v.v...

Tóm lại, Đạo Phật dạy nhân sinh một đời sống cải tiến, không những gây một ảnh hưởng tốt đẹp trong đời hiện tại mà đời vị lai nữa.

Tỳ-kheo QUẢNG-LIÊN



PHÁT - NGUYỆN

SAU NGÀY THỌ-GIỚI BỒ-TÁT

Sự trục nhân tiền quá
Lão từng đầu thương lai
Trót làm mê đắm đuối hình hài
Đếm đốt đã sáu tuần thêm sáu tuổi
Triều quận trong ngoài rong ruổi
Nợ áo xiêm luồng cúi lấy làm vinh
Bời căn trần bưng bít tâm-linh
Không thấy đạo Bồ-đề cao cả
Vạn pháp duyên sanh đồ thị giả
Toán lai danh lợi hữu hoàn vô
Bể trầm-luân sóng dợn ló nhỏ
Cảnh phù thế cái vui lồng cái khổ
Thân tập nhiệm không sớm lo tự độ
Đợi kiếp nào cho hiển lộ Pháp-thân
Trước đài sen vô-thượng năng-nhân
Sụp mình lay nguyện làm đệ-tử
Giới Bồ-tát con thề trọn giữ
Đời đời noi đại-sư độ sanh
Mong cho thế-giới yên lành.

CHƠN - AN



ĐOÀN HÙNG - TÂM

Phỏng-dịch : NGỰ-HƯƠNG

MỌI người đều quay lại nhìn xem ai vừa đứng dậy xin phép Trưởng-Đoàn để kể một câu chuyện.

— Xin Ông vui lòng miễn chấp. Tôi không phải là Phật-tử mà con tôi cũng chẳng có đũa nào vô Phật-tử. Kể ra, phong-trào Phật-tử không có liên-quan gì đến tôi, nhưng từ 15 năm nay, tôi vẫn quan-tâm đến Đoàn Hùng-Tâm của các ông.»

— Chúng tôi rất hoan-nghênh sự có mặt của ông bạn ở đây,» Trưởng Đoàn đáp. « Xin Ông bạn vui lòng cho biết quý danh... »

Người lạ mặt nói :

« Tên tôi không quan-hệ chi. Điều quan-hệ là tôi đến đây để kể cho quý bạn một câu chuyện mà tôi chắc chắn sẽ làm cho Đoàn Hùng-Tâm nghĩ ngợi nhiều.

Trưởng Đoàn cười :

« Thế thì xin phép tạm gọi ông bạn là ông Hai vậy. Như thế dễ nhớ. Xin mời ông Hai lên... »

Ông Hai nói :

« Nếu Trưởng Đoàn cho phép thì tôi sẽ đứng trong bóng tối. Tôi không ngụ tại đây và chẳng ai biết tôi; như vậy các Ông có trông thấy tôi hay không cũng chẳng quan-hệ chi. Tôi sẽ nói to để mọi người nghe. »

Có tiếng kéo ghế và tiếng ri-rào cho đến khi Trưởng Đoàn giơ tay lên, lòng úp xuống phía đất, để ra lệnh im-lặng



— dấu hiệu xưa nay vẫn dùng trong Đoàn: Sau đó Ông Hai bắt đầu kể:

« Mười lăm năm về trước, gặp phải lúc buôn bán khó khăn, tiền lương rất hạ và vô-số người thất-nghiệp, Nhiều kỹ-sư tài-giỏi than-van không có việc làm. Nơi nhà máy thép mà việc này xảy ra, Ban Giám-Đốc đang cố-gắng để tiếp-tục công-việc.

Một hôm, một đứa bé được thuê-nhận vào làm trong kho. Cứ gọi nó là Vi, vì thật ra tôi không nhớ tên nó là gì. Nó cũng giống như mọi đứa bé tập sự khác, không có gì xuất-sắc; dấu hiệu Phật-tử nó đeo cũng chẳng được ai để ý đến nếu không có một việc xảy ra vài tuần sau ngày nó đến nhận việc.

Hồi ấy hãng đang nghiên-cứu một cái lò điện tối-tân để nấu chảy một thứ kim-khí đặc-biệt. Người ta tốn nhiều tiền vào đó và công-cuộc sắp hoàn-thành. Lò điện thí-nghiệm đã làm xong và Ban Giám-Đốc đã gửi giấy đi mời một số người hằng quan-tâm đến vấn-đề lại dự cuộc thí-nghiệm.

Chinh vào lúc ấy, viên quản kho, — ông Sơn — được một một người sang-trọng đến làm quen. Người sau này là ông Hắc. Cuộc gặp gỡ gần như một sự ngẫu-nhiên vì ông Hắc cùng ngồi ăn một bàn với Sơn trong tiệm ăn gần nhà máy.

Ông Hắc gợi chuyện ra làm quen và mua chuộc được ngay cảm-tình của Sơn. Xem chừng ông ta thấy rõ tình-cảnh của Sơn và muốn giúp y. Vợ Sơn vừa mới đau nặng, còn Sơn thì nợ nần nhiều và đang lo-âu.

Ông ta tỏ ý muốn biếu Sơn một số tiền khá lớn, năm ngàn đồng giao ngay, và năm ngàn khác sẽ giao sau, nếu Sơn bằng lòng giúp ông ta một việc: Sơn chỉ cần đặt một trái bom nhỏ vào một bộ phận nào đó của lò điện vào hôm làm thí-nghiệm. Chỉ có Sơn làm việc ấy được vì y có phận sự giữ kho.

Sơn muốn từ chối công việc điên rồ ấy, nhưng đồng bạc giấy để trên bàn, dưới tờ báo, làm cho y hoa mắt. Với số tiền ấy, y có thể trả sạch mấy món nợ đã đến hạn, và làm vơi ngay mọi nỗi lo lắng của y. Thế là y nhận lời.



Nhưng suốt cả buổi chiều, Sơn băn-khoăn mãi về việc đó, và nhiều lần muốn đi tìm ngay ông Hắc để trả lại số tiền. Tuy vậy, tối đến, khi y bước chân vào nhà, nhìn thấy chủ nợ đợi y, thế là y đành phải trả.

Bây giờ thì Sơn phó mặc cho số phận.

Ba hôm trước ngày đã định, Sơn nhận được một gói mà không giám mở ra, vì y đã thừa biết trong đó đựng gì. Trái bom không cần có hột nổ. Chỉ cần nhiệt độ lên đến một mực nào đó, là trái bom sẽ tự-động phát nổ.

Từ lúc nhận được trái bom cho đến khi bỏ được nó vào trong lò điện, Sơn trải qua nhiều phút hãi-hùng. Phần bị lương tâm cắn rứt, phần lo lắng vợ mình biết việc của mình làm; hơn nữa, nỗi lo nhất của y là sợ Vi tìm thấy trái bom, vì bắt buộc Sơn phải giấu nó trong kho cho đến hôm ấy.

Vi là một đứa bé vô tư, có thói quen hay lục lọi mọi chỗ trong nhà. Nhưng may sao, nó lại không để ý đến chỗ Sơn cất trái bom.

Rồi ngày thí-nghiệm lò điện tới. Sơn đặt trái nổ vào máy, chắc rằng không ai có thể khám phá ra. Và suốt cả buổi sáng đó, Sơn ở miết trong kho, lo âu, sợ sệt.

Mỗi lần Vi đến là Sơn lại tìm cơ đuôi đi. Đến giờ ăn, Sơn không ra tiệm như mọi khi, mà lại ở lý trong kho với mấy lát bánh mì khô-khan mang theo sẵn.

Sơn bắt đầu nhận thấy rằng, ngoài việc lò điện bị hư-hỏng, và một số người bị thương, công việc của hãng sẽ ngưng-trệ. Hơn nữa hãng có thể đóng cửa vì đã hao tổn rất nhiều trong cuộc thí-nghiệm này.

Chốc chốc Sơn lại so giờ đồng-hồ mình với chiếc đồng-hồ lớn treo trên tường để chắc rằng nó vẫn còn chạy.

Lúc một giờ kém mười, có tiếng ồn-ào phía ngoài kho. Sơn lắng nghe: đó là tiếng của bọn thợ đúc tập-sự và Vi.

Một đứa nói: « Chẳng có gì nguy-hiêm cả, Vi ạ! Mày có chìa khóa kho. Mày chỉ có việc chuỗi ra cửa sổ phía sau hai mươi tám nhôm nhỏ cỡ 12—10. Bọn tao sẽ đem bán và chia



tiền cho mây. Có người muốn mua rồi!» — Vi đáp: «Các anh đùa hay sao? Định ăn cắp à?» — Một đứa đáp: «Thằng này mới đại chớ! Một hãng lớn như thế này mỗi tuần mất nhiều hơn thế nữa mà có hay biết gì! Mây hãy xem: Ai cũng làm đồ chơi, làm đèn, và đủ thứ khác đây. Hãng biết mà phải làm lơ.» — Vi bảo: «Tôi chẳng lấy gì hết!» — Thằng kia nói: «Này tao bảo mây biết: Mây vào kho lấy cho tao mấy tấm nhôm, không thì tao đâm, nghe chưa?» — Một đứa khác nói tiếp: «Không được nói với ai đây, mây hé môi ra là chết!».

Cuộc cãi vã làm Sơn quên hết lo-âu. Sơn có thể tưởng tượng ra cảnh đang diễn ra bên kia bức tường gỗ. Nhà máy dựng trong một xóm bần-thiểu; bọn thợ tập-sự trong ban đức thường là những đứa du-côn mạnh-khỏe, còn Vi thì lại yếu-đuối.

Sơn chưa biết xử-trí ra sao, thì nghe Vi nói, giọng hơi run: «Tôi sẽ không nói việc này cho ai biết đâu, nhưng dù sao tôi cũng không thể ăn cắp được.» — Một giọng giận dữ trả lời: «Mày sợ à? Ai biết được! Lão Sơn đi ăn cơm ngoài kia rồi!», — «Tôi biết, nhưng việc ấy tôi không làm được, vì tôi là... Các anh có thấy cái huy-hiệu này không?» Một tiếng cười nhạt-báng nổi theo lời nó: «Ồ, Phật-tử hả? Cái bọn áo lam quần xanh ấy phải không? Thế thì cái này sẽ làm cho mây dỗi ý! «Tiếp theo là một tiếng «bịch» và liền đấy một tiếng «ối». «Còn nữa đây, nếu mày không nghe. Có đi lấy nhôm không?»

Sơn nghe Vi cố nén khóc. Quả dấm kia đã làm cho nó đau-dớn, vì sau này Sơn thấy mắt nó bị bầm tím đến hơn một tuần.

Sơn liền can-thiệp, Y la lớn và chạy về phía cửa: «Bọn mày làm gì mà ồn-ào vậy?».

Lúc y ra đến nơi, y chỉ thấy mình Vi đứng đấy, bọn kia đã trốn dấu mất hết. Vi theo Sơn vào trong kho. Trong khi Sơn lấy nước nóng đắp mắt cho Vi thì nó nói đến đoàn của nó: «Đoàn Hùng-Tâm».

Khi Sơn khen ngợi sự can-dảm của nó, thì Vi nói một cách hãnh-diện: «Chúng tôi không khi nào lùi bước». Giọng



nói vẫn còn pha tiếng khóc nhưng Vi đứng vững người, mắt nhìn thẳng tiếp : « Không một đoàn viên nào trong đoàn Hùng-Tâm sẽ làm việc ấy ! ».

Sơn nói : « Tao hiểu rồi ». Y nhìn Vi lau nước mắt và bảo về nghỉ.

Còn lại một mình, Sơn nghĩ thầm : « Thời này mà cũng còn những kẻ muốn tỏ mình là anh hùng ! Cái lý tưởng cao cả ấy làm sao mà tồn tại được ở thời buổi này. Rồi nó sẽ tiêu tan với tuổi tác ! ».

Vừa suy nghĩ, y vừa nhìn qua cửa sổ về phía ngôi nhà chứa lò điện. Giờ này, cửa vẫn còn đóng, với người thợ thường-lệ vẫn gác ở đấy. Đúng hai giờ, đại-diện các hãng sẽ tụ-hợp ở đấy để xem máy chạy.

Ngay lúc đó, thằng Vi lại bước vào, tay cầm một miếng vải đang chùi một vật gì láng bóng trong tay trái. Một nụ cười e-lệ nở trên đôi môi nhỏ bé khi nó đeo chiếc huy-hiệu Phật-tử vào khuy áo :

— Tôi vừa đánh bóng nó bằng máy xong...

Vi chỉ nói có thế, nhưng Sơn hiểu ngay nó muốn nói gì, Vi lấy làm hãnh-diện là đã không sợ hai thằng du-côn ép nó phải ăn cắp. Nó đánh bóng phù-hiệu của nó như để thách-dố... Nó là Phật-tử thuộc đoàn Hùng-Tâm... Nó chẳng cần ai biết đến việc nó đã làm.

Sơn ganh tị nhìn thẳng bé. Nó như một hiệp-sĩ vừa diệt-trừ được một con ác-quái. Cuộc chiến-đấu đã để lại một dấu vết là con mắt bầm, nhưng dù sao Vi cũng đã chiến-đấu và cũng đã thắng.

Thế rồi chiếc xe hơi đầu tiên đến, đồ xướng những người lạ có vẻ giàu có. Nhiều xe khác lần-lượt tiếp theo, rồi thì tất-cả quan khách đều đến đông-đủ, và cuối-cùng được mời vào trong ngôi nhà dành cho cuộc thí-nghiệm.

Sơn nhìn đồng-hồ : hai giờ. Người ta gần bắt đầu cuộc thí-nghiệm và lò điện sắp chạy. Sơn nghĩ : « Tối hơn là mình cũng dự buổi lễ. Về sau nếu có cuộc điều-tra, thì mình lúc



ấy cũng có mặt như tất-cả mọi người khác. Minh phải lo kiểm
sản chúng cơ... »

Sơn bèn vào trong phòng thí-nghiệm. Lò điện đặt ngay
giữa phòng. Một nhóm người đang bao quanh máy. Trong số
đó có cả kỹ-sư của hãng lẫn một số khách-hàng tương-lai sẽ
có thể đặt mua lò, nếu cuộc thí-nghiệm thành-công.

Cậu bé Vi lúc đó cũng có mặt bên Sơn và nói với y :
« Cuộc thí-nghiệm này cũng có thể rất liên-quan đến chúng
minh lắm nhỉ? ». Sơn gằn giọng : « Chúng mình? Tại sao lại
chúng mình? Mà cũng là hội-viên đó à? ». Vi chớp chớp đôi
mắt, lắc đầu trước lời chế-nhạo của Sơn : « Không... Nhưng
ước gì tôi có phần hùn... Đây không phải hãng của chúng
minh sao? Chúng mình ai lại không trông-mong cho hãng
được phát-đạt? »

Ông Sơn không trả lời. Y đương đề hết tâm-trí vào chiếc
hàn-thử-biểu trên chiếc lò điện. Cột thủy-ngân trong ống
đang lên đều-đều theo nhiệt-độ càng lúc càng tăng.

Bỗng nhiên, Sơn vệt mọi người, nhảy xổ tới và hấp-tấp
la lớn lên làm mọi người giật mình :

— « Lui ra ! Mọi người lui ra xa ngay ! Lò sắp nổ ! »

Liền đấy, một tiếng nổ vang lên, nhưng rất may chỉ có
một người bị thương và lò điện không hư-hỏng gì. Sơn nát
mất một cánh tay vì đã liều mình cố gỡ quả bom ra.

Sơn bị đuổi khỏi hãng.

Việc phá-hoại được giữ rất bí-mật, vì đến phút cuối cùng
Sơn đã cứu được chiếc lò điện.

Nói đến đây, ông Hai dừng lại một chút, rồi tiếp : « Câu
chuyện chỉ có thế, nhưng tôi tưởng đáng kể cho các ông nghe,
vì nhờ có cậu bé Vi, một đoàn-viên trong đoàn Hùng-Tâm
của các ông, nhờ sự cương-quyết của Vi mà ông Sơn đã kịp
tỉnh-ngộ và cứu được chiếc lò điện. Vi rất xứng-đáng được
nêu tên trên bảng danh-dự của Đoàn.



Mọi người càng yên-lặng vài phút, trong khi đó người kể chuyện cũng lặng-lẽ tiến ra phía chiếc cửa lớn. Đồng-thời, mọi người bấy giờ mới nhận thấy là ông Hai chỉ còn một cánh tay...

NGỰ-HƯƠNG lược - dịch

theo Truyện ZERO HOUR hay là :

« THE UNFLINCHABLE'S ROLL OF HONOUR »

của ABTHUR CATHERALG

Cuộc thi giải-trí số 20 và 21

I. — Câu hỏi thứ nhất :

- a) Hội Phật-Học Trung-Việt thành-lập năm nào ?
- b) Hội Phật-Học Nam-Việt thành-lập năm nào ?
- c) Hội Phật-Giáo Bắc-Việt thành-lập năm nào ?

II. — Câu hỏi thứ hai :

Gia-đình Phật-tử Việt-Nam lúc mới thành-lập gọi là gì ? Gia đình đầu tiên là Gia-đình gì ?

Giải nhất : Một bộ Phật-Giáo Việt-Nam Nguyệt-san đóng thành tập rất đẹp và một quyền kinh sách Phật-giáo.

Giải nhì : Sáu số Phật-Giáo Việt-Nam Nguyệt-san và một quyền kinh sách Phật Giáo.

Giải ba : Ba số Phật-Giáo Việt-Nam Nguyệt-san và một quyền kinh sách Phật-Giáo.

Ngoài ra, nếu vị nào đáp trúng một trong 2 câu hỏi trên, sẽ được thưởng một quyền kinh sách Phật-Giáo.

Bạn đọc chú ý : Vì số này ra sớm, và với dụng ý đề các bạn độc giả ở xa có thì giờ giải đáp, chúng tôi gia hạn trả lời cuộc thi giải-trí trong tập san Phật-Giáo Việt-Nam số 19 thêm một tháng nữa, nghĩa là sẽ tuyên bố kết-quả trong số 22 tức là số tháng 5 âm-lịch.



PHẬT - GIÁO

TRONG THẾ - GIỚI HIỆN - TẠI

(tiếp theo) của NGUYỄN-VỸ (Tâm-Trí)

CỤ thể hơn, Tăng có hai công dụng : một là lưu truyền Phật-Pháp ra quảng-đại chúng-sinh, hai là lưu truyền chúng-sinh vào vô lượng Phật-Pháp. Cho nên Tăng là yếu-tố hy-sinh : Hy-sinh cho Phật, cho Pháp để giác-ngộ chúng-sinh. Tăng cũng là yếu-tố tiêu-biểu : tiêu biểu chúng sinh để thừa hành Phật-Pháp.

Tất cả Phật-tử, hay chưa phải là Phật-tử, đều đã có giới Tăng-sĩ nói trên để quy-y Phật, hoặc sẽ quy-y Phật. Quy-y Tăng, tức là quy y Phật và quy y Pháp vậy.

Như thế, thì dù ta đã quy y, hay chưa quy y, nếu ta muốn là con Phật, ta phải làm thế nào ?

Nếu ta muốn phát huy chân tinh-thần đạo Phật, ta phải hành động cách nào giữa cuộc đời lẩn lóc cả tinh thần lẫn vật chất, trong cuộc sống còn căng thẳng của khoa-học và tiến bộ ?

Nói rõ hơn, ta phải sống cuộc đời Phật-tử như thế nào cho hợp với quan-niệm Phật-giáo và hợp với khoa-học tiến-bộ của các thời-đại.

Phật-tử chân-chính, được may mắn hiểu đạo Phật một phần nào, cần phải dứt khoát quan-điêm về hành động Phật-tử qua thời gian và không gian, từ Vô lượng đến Hằng hà Vô-lượng...

Cần phải áp dụng tư-tưởng và trí-năng tôn giáo trong mỗi hành-động của chúng ta cho đừng phản khoa-học, phản tiến bộ, bởi vì nếu hiểu sai Phật-giáo, Phật-giáo sẽ rất dễ trở nên phản khoa-học, nghĩa là sẽ mất tính chất thực-tế tiến-bộ của nó, Phật-giáo được trường-cửu đến nay, và



sẽ không bao giờ tiêu-diệt được, chính là nhờ bản-chất thực-tế của nó là tổng-hợp của Tôn-giáo và Khoa-học, của Tâm và Trí, của Vô-lượng và Hằng-hà Vô-lượng.

Phật-giáo tuy cao rộng vô biên, nhưng tựu-trung, với những kẻ thừa hành Phật-pháp, có thể gôm vào hai nguyên-tắc căn-bản : **Làm điều thiện, tránh điều ác**, nghĩa là tu Tâm và luyện Trí.

Tất cả các lời Phật dạy trong Sutta Pitaka, Vinaya Pitaka, tất cả tinh-túy triết-lý của Abhidhamma Pitaka, đều có thể kết-tinh trong công-thức tổng-quát ấy.

Cho nên, những người Phật-tử nào không gắng làm được điều thiện, không cố lánh được điều ác, đều không phải là Phật-tử. Chưa tu được Tâm, chưa luyện được Trí, ấy là chưa thực-hiện được Phật-pháp, là chưa hiểu Phật, chưa chính thức theo Phật.

Biết bao những kẻ tự nguyện ăn chay trường, tụng kinh Sám-hối, thuộc lâu kinh Kim-cương, kinh Di-đà, mà vẫn không làm được lành, không lánh được dữ, đều chưa phải là con Phật, chưa thấm-nhuần được ánh Đạo vàng của Như-Lai.

Bao nhiêu kẻ lầm tưởng rằng tay lăn chuỗi hạt tràng, miệng lầm-bầm tên Đức Phật Thích-Ca, hay Đức Quan-Thế-Âm, là Phật-tử ! Không ! Nếu đạo Phật chỉ có thế thôi, nếu Phật-giáo chỉ tóm-tắt trong thực-dụng nghi-lễ quá giản-dị ấy, thì đạo Phật đâu còn đến ngày nay ! Đâu còn có, thề đến ngày mai !

Cứ tin-tưởng rằng Phật tại Tâm theo trong kinh Bát-Nhã, chưa phải là đúng. Vì Phật chỉ ở trong Tâm của những kẻ đã tu-tâm đã dâng-hiến cả Tâm cho Phật, đã kết Tâm vào Phật, đã luyện Phật vào Tâm.

Một « Phật-tử » mà tâm còn tòng ác, thì không bao giờ gặp Phật. Trái lại một tên ác lai mà có một phút thành tâm hướng Phật, Phật sẽ chứng cho.

Hơn nữa, những kẻ giả danh là Phật-tử mà hành-dộng trái với Phật-pháp, ngôn-ngữ không đúng theo Phật-giáo, là những kẻ giả-dối với Đạo, lừa gạt Đời, truy-lạc Tâm. Những kẻ ấy có tội lớn với Phật, vì lợi-dụng Phật.



Những kẻ ấy, dù có tụng-kinh suốt đời, niệm Phật ngày đêm, Phật cũng không bao giờ chứng cho.

Những Phật-tử 'chân-chính' nên tránh xa hạng giả dạng Phật-tử. Gần họ, tức là xa Phật. Nhìn nhận họ, tức là phản Phật.

Phật-Tử chưa có thể hoàn toàn theo đúng như Phật. Nhưng Phật-Tử luôn luôn hướng về Phật và cố gắng hành Đạo trong đời sống giữa Thế-giới Ta-bà đầy nghiệp-chướng. Sự cố-gắng hằng giờ hằng ngày, là một nỗ lực tu Tâm luyện Trí, vừa đi sát trong Đạo, vừa không xa Đời.

Nỗ lực tự-giác giác tha, ấy là bản-chất cao-quý nhất của Phật-giáo. Khác hẳn với các giáo-thuyết khác chỉ lấy đức Tin làm gốc, y-lại vào Thần, Thánh, mà không cần tu-luyện bản-thân.

Nỗ lực giác-ngộ mê-làm, là tiến-bộ, theo tiến-trình khoa-học của Phật-giáo. Là cải-thiện mãi mãi theo Phật-Pháp, vượt từng bước ra khỏi bóng tối của tội-lỗi để hướng từng giai-đoạn về Ánh-Sáng của Đạo Vàng.

Tu, chính là nỗ lực vậy. Khác hẳn với Tu của các Tôn-giáo Thần Thánh mơ-hồ chỉ đòi hỏi một Tín-ngưỡng chủ-quan, phản khoa-học và phản tiến-bộ, Tu của Phật-giáo là một nhu-cầu Tín-ngưỡng khách-quan, lấy Phật làm đích nhưng lấy mình làm phương-tiện, lấy nỗ lực làm phương-châm, để tự giác-ngộ mình và giác-ngộ kẻ khác nữa.

Xét đúng ra, thì sống ở giữa thời-đại khoa-học mà tu Tâm luyện Trí theo Phật-Pháp, không phải là dễ. Nếu dễ thì « Tu » còn có giá-trị gì nữa ! Nhưng người Phật-tử chân-chính, cảm-thông với Phật-Pháp không phải là khó. Nếu khó thì ai « tu » được nữa !

Chỉ cần một hành-động can-đảm. Tôi xin gọi là **can-đảm Phật-chất** (Courage bouddhique), can-đảm hỷ-xả, can-đảm hy-sinh, can-đảm giác-ngộ.

Bởi lẽ Phật-pháp không trái lại khoa-học không chống lại Phật-pháp, nên sự hành-đạo đúng với giáo-lý của Phật không bao giờ sai với nguyên-tắc khoa-học cả.

Hơn nữa, Phật-tử có thể sống rất hợp-lý trong cuộc lăn-lộn với đời mới, chủ-trương điều-hòa tinh-thần Phật-giáo với tinh-túy của khoa-

(Xem tiếp trang 59)



CUỘC THI VĂN-CHƯƠNG

CỦA NGUYỆT-SAN PHẬT-GIÁO VIỆT-NAM

Để khuyến khích sáng tác văn nghệ Phật-Giáo, Nguyệt-san Phật-giáo Việt-Nam mở một cuộc thi sáng tác truyện ngắn và kịch ngắn với rất nhiều giải-thưởng có giá trị. Cuộc thi này sẽ mở chung cho các bạn yêu văn chương ở trong Phật-Giáo cũng như ở ngoài. Sau đây là thể thức cuộc thi :

1.— Những truyện ngắn hay kịch ngắn dự thi phải phản ảnh tinh thần Phật-Giáo, hay ít ra, phải có tánh chất lành mạnh và xây dựng.

2.— Hạn cuối cùng nộp bài là 30-7-1958, tức là ngày 4 tháng 6 âm lịch (ban chấm thi sẽ căn cứ vào con dấu của nhà bưu-chính địa phương để xét thời hạn). (1)

3.— Bài dự thi chỉ viết một mặt giấy.

4.— Những bài trúng giải, tác giả vẫn giữ bản quyền.

5.— Kết quả cuộc thi sẽ công bố vào ngày 29-8-1958, tức là ngày 15-7 âm lịch.

GIẢI THƯỞNG

Giải nhất : 3.000\$, Giải nhì : 2.000\$, Giải ba : (2 giải) 1.500\$, mỗi giải, Giải tư : (2 giải) 1.000\$ mỗi giải, ngoài ra còn nhiều giải khuyến khích bằng sách báo.

Thành phần chấm thi gồm có quý vị sau đây :

Thầy Minh-Hạnh, Bản-san chủ bút và các nhà văn : Mai-Thọ-Truyền, Võ-Đình-Cường, Nguyễn-Vỹ...

Bài dự thi xin gửi về địa-chỉ :

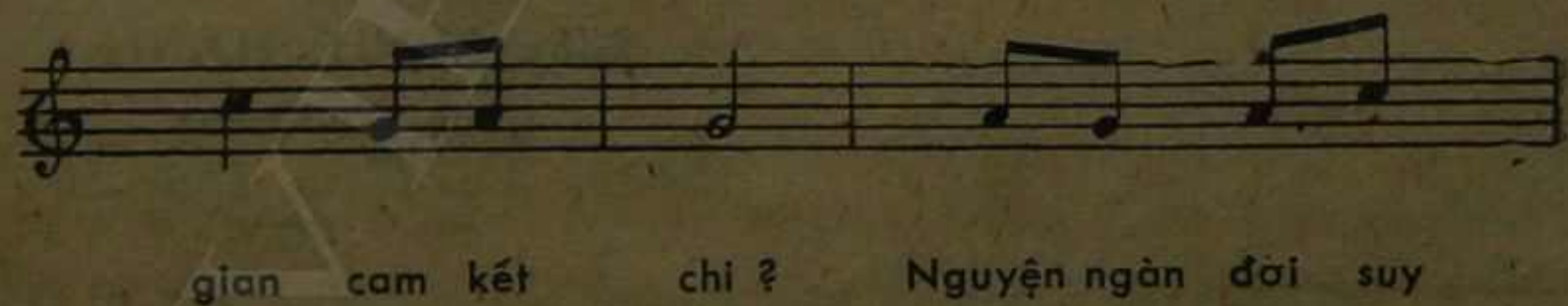
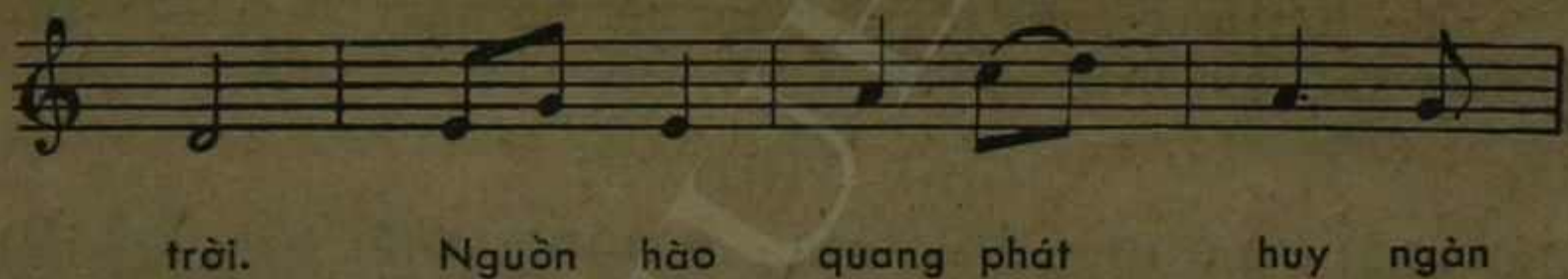
Thầy MINH - HẠNH
Chùa Ấn-Quang
635, Vạn-Hạnh Thiền-Sư
CHỢ - LỚN

(1) Đề các bạn dự thi ở xa có đủ thì giờ hơn, chúng tôi gia-hạn nộp bài thêm 1 tháng nữa.



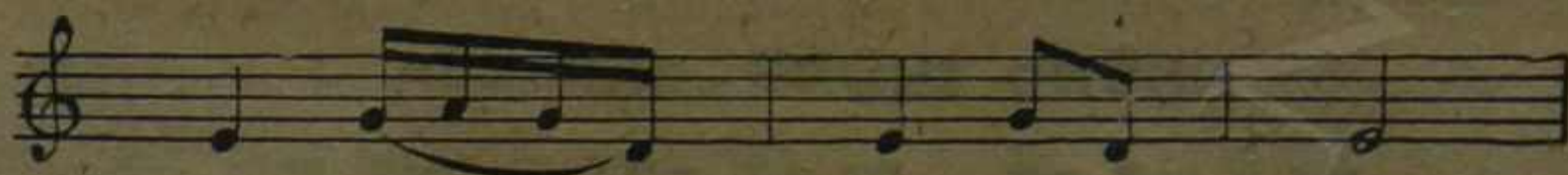
SÁNG NIỀM TIN

Từ và Nhạc
Thăm - Dành

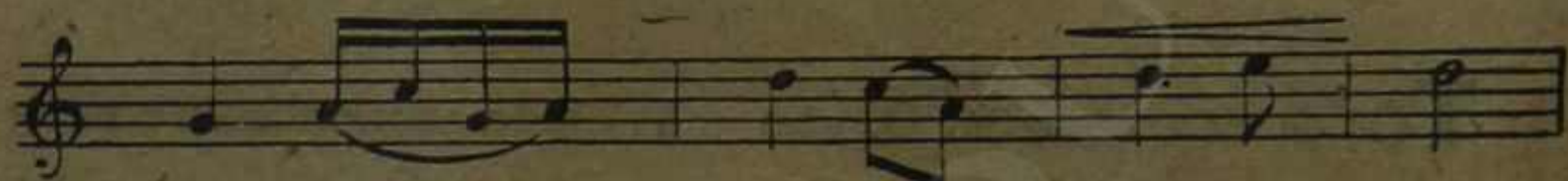




tôn Đức Phật Từ Bi. Trời Đông



Á sáng ngời ánh Đạo vàng.



Nguồn hào quang tràn dông thế gian.



Cầu xin Đức Thích Ca Mâu-Ni Phật cứu nhân



loại khỏi vòng trầm luân hành Phật Pháp muôn năm.



TÙY BÚT

NHỮNG THÔNG - ĐIỆP CỦA
TÌNH THƯƠNG

HÙNG-KHANH

TÔI đi đến chùa A. Q. vào một chiều vàng úa của ngày rằm tháng bảy, ngày lễ « xá tội vong nhân ». Đường vào chùa bụi hồng vẫn xao xuyến rộn lên thì có một xe hơi vụt qua. Quán xá hai bên đường vẫn uề-oải sống như mọi chiều vàng úa khác. Trước cổng chùa, một đám trẻ con nghèo, rách rưới đang xô đẩy, chen lấn nhau nhìn vào trong, qua những cửa chắn song sắt. Chúng nhìn có vẻ chăm chú, tò mò, thích thú thèm khát. Tôi lách mình qua đám trẻ, bước vào trong cổng. À, thì ra chùa đang làm lễ phóng sanh. Một bàn thờ được thiết chính giữa thềm chùa. Đèn nến lung linh, hương trầm tỏa ngát. Hai vị sư đang tụng niệm, làm lễ. Dưới chân bàn, quanh họ, năm bảy dỏ- chín mười lồng chim bày la liệt. Chim đủ các loại: cu, bồ câu, chúp mào, yến và rất nhiều se sẻ... Chúng tranh nhau, đập nhau, thò đầu ra ngoài lồng, ngoài dỏ đề nhìn, đề thờ, đề kêu... Chúng có vẻ lao nhao, nhớn nhác phập phồng, sợ hãi không biết người ta sẽ đem chúng ra làm gì đây mà có hương có đèn, có tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng tụng kinh. Ai biết được chúng đang nghĩ gì, nhưng chắc chắn là chúng đang thèm khát được bay ngoài trời rộng như những con chim se sẻ tự do kia. Có những con có lẽ đã bị giam hãm



từng năm, có những con từng tháng, và có những con mới hôm qua, hôm nay. Có những con bị bắt trọn ồ, khi vừa đủ lông đủ cánh, sắp được cha mẹ tập cho bay; có những con sa cơ bị bắt, bị bắn trong khi đi kiếm mồi cho con, và bây giờ đàn con không biết ra thế nào; có những con bị sập bầy vì nhẹ dạ nghe theo lời dụ-dổ, phính phờ của một con mồi, đã nhấn tâm phản đồng loại mình vì một nhấm hạt mè, hạt đậu; có những con vì thiếu kinh-nghiệm, hay thích mạo hiểm mà bị sa lưới; có những con bị bắt vì tham ăn, tham uống... bao nhiêu hoàn cảnh khác nhau, bao nhiêu nguyên-nhân, bao nhiêu tâm trạng, vào ai biết hết được? Nhưng giờ đây, chắc chúng chỉ có một nguyện vọng: được tự do.

Được tự do! Tôi cũng đang nóng lòng, hồi hộp chờ đợi cái phút quan trọng ấy đến với chúng. Nó đã đến đây rồi! Hai vị sư thôi tụng niệm, cúi xuống nắm một dỏ chim, mở dần những sợi lạt buộc miệng dỏ. Một con chim sẽ vụt bay lên, rồi tiếp theo vài con khác, rồi cả đàn bay lên, tán loạn, không cần nhắm hướng, không do dự, tự tung lên, bồng lên, vỗ sóng trên không trung. Rồi những dỏ khác, lồng khác được mở miệng, mở cửa; và những đàn cu cườm phụt lên như có lò-xo đẩy; và những đàn bồ câu trắng vẩy gió, tuồng mây với đôi cánh dài, rập rờn gọn lên từng làn sóng trắng lăn tăn trên biển trời thiên thanh; và những đàn chim yến vun vút đưa thoi chần chịt trên khung trời trong vắt. Trong phút chốc, trời đất như rạo rục niềm vui; rạt rào ý sống, nhịp nhàng trong vũ điệu hoan ca. Những cánh chim lướt rất nhẹ, rất nhanh, rất êm thế mà nghe như mỗi cánh chim đều tuồng ra một điệu nhạc thanh thoát, trong trẻo, trắng muốt. Lú trẻ, ban nãy còn khao khát được một con chim để vọc trong tay chơi, bây giờ thấy chúng bay, bỗng vỗ tay reo mừng, sung sướng. Lòng tôi cũng lán lán còi mở, thanh thoát, cũng đang vờn lên với những cánh chim. Mỗi con chim bay lên, như bay từ lòng tôi mà lên và tản mát trong tám hướng trời; tôi có



cảm tưởng như mình là một cây pháo cái đang xòe những tia hoa sáng khắp nền trời xanh đen trong một đêm hội hoa đăng. Mỗi con chim là một thông điệp của tình thương đang được gửi đi khắp mấy chân trời, hùng hồn hơn trăm ngàn lời biện luận; mỗi con chim là mỗi niềm u-uất đòi thành hoan lạc, mỗi xiềng xích hoá thành tự-do, mỗi sự chết biến thành sự sống.

Tôi theo dõi mái những cánh chim cho đến khi chúng khuất dạng. Nhưng lòng tôi vẫn như còn vỗ cánh. Một khung trời thương yêu mở rộng trước mắt tôi. Tôi đến quỳ trước điện Phật, mắt ngược lên đón nhận nụ cười thông cảm.

Lạy Ngài, chiều nay tin tưởng nở lại trong lòng con. Mặc dù ngoài kia, nắng chiều vẫn còn vàng úa, bụi mờ vẫn xao xuyên trên đường đi, cõi đời vẫn đầy-rày xấu xa và độc ác, con vẫn tin-tưởng ở con-người-có-Phật-tánh. Con biết trong phút giây này, còn bao nhiêu người tiếp tục bắt chim, nhốt chim, bao nhiêu người đang bắn chim, giết chim để thỏa thú tánh hay để ăn thịt, nhưng cái cử-chỉ đẹp đẽ, bắc nguồn từ lòng Từ-Bi của Ngài, là trả lại tự do và sự sống cho những đàn chim vô tội ấy, sẽ thắng. Ai đã may mắn thấy được một lần những cánh chim sung-sướng xòe ra khỏi miệng lồng, miệng dò mà bay vút lên không trung, chắc không còn đủ can đảm để giam cầm chúng nữa. Cái cử chỉ buông thả, nói bàn tay, mở cửa lồng, trả tự do, nó đẹp đẽ, cao thượng, ý nghĩa, truyền cảm lạ thường, không ai có thể cưỡng lại được.

Lạy Ngài, làm sao nói hết được, mà nói cách nào đây, lòng tri ân của con và của những đàn chim kia, và bao nhiêu đàn chim khác ở khắp nơi có mái chùa, chiều nay đang nhờ đức Từ-Bi của Ngài qua bao nhiêu lời giáo huấn, mà được sống lại đời sống tự do. Con cũng là một con chim xấu số.



vừa được tự do, con hiểu hơn ai hết niềm sung sướng rộn ngợp của những đàn chim kia, khi thoát qua khỏi giam-cầm.

Cầu mong ánh Đạo Vàng sẽ tỏa khắp trần gian, và giọt nước lành dương sẽ thấm nhuần vào mọi lòng nhân thế, để chim không biết có lồng, và người không biết có ngục thất, để chim tự-do tung cánh trong bầu trời xanh mênh-mông, và người tự do bơi lội trong biển thương yêu bát-ngát.

HÙNG - KHANH

(Rằm tháng bảy năm Đinh-Dậu)

(Tiếp theo trang 52)

học, và hướng-dẫn khoa-học vào Phật-pháp để cứu-vãng nhân-loại khỏi bị trầm-luân trong tội-ác chiến-tranh.

Một thí-du thiết-thực nhất là nếu dùng nguyên-tử-lực để phụng-sự Hòa-bình thế-giới, cũng như dùng tất-cả các khả-năng khoa-học để nâng-cao đời sống của nhân-loại, thì đó chính là phát-huy chân tinh-thần Phật-giáo vậy. Thực-hiện Phật-pháp trong khoa-học, chính là thực-hiện lý-tưởng cộng-đồng bác-ái của Phật.

Công-dụng của Phật-pháp trên bình-diện cá-nhân cũng như tập-thề, là gây cho con người một nỗ-lực tiến-bộ đến Chân, Thiện, Mỹ, (Un effort de progrès vers le Vrai, le Beau, le Bien). Như vậy, người Phật-tử cần phải tự mình nỗ-lực tu Tâm và luyện Trí để thoát khỏi mê lầm và nêu gương giác-ngộ cho kẻ khác, giữa đời sống hiện tại.

Người Phật-tử luôn luôn chủ-động trong nhiệm-vụ cao-cả tự-giác giác-tha, chứ không phải thụ-động để ý lại vào Thần, Thánh như trong các tôn-giáo khác.

Tác-phong của Phật-giáo rộng lớn và tốt-đẹp, là ở đó vậy.

NGUYỄN-VỸ



CHÚNG TÔI ĐI XEM PHIM
TAM - TẠNG XUẤT - GIA
TRONG-ĐỨC

MẶC dù đã nhiều lần thất vọng khi đi xem phim Việt-nam, tôi vẫn không nản chí. Và lần này nữa, tấm quảng cáo đồ sộ của hãng phim Việt-thanh với những hàng chữ rất kêu đã lôi kéo tôi đến rạp Nam-quang : « Một công trình vĩ đại chưa từng có trên màn ảnh Việt-nam. Một chuyện đầy ý nghĩa cảm động lòng người chứa chan nước mắt. Một phim làm sống lại nền đạo đức cổ truyền là gương sáng cho nhân-loại. Một kỳ công đặc sắc từ kỹ thuật âm thanh, hình ảnh đến diễn xuất » Và nhiều nhiều nữa... nhưng không lẽ tôi lại chép hết đề gián tiếp làm quảng cáo cho hãng Việt-thanh ở đây ? Những lời lẽ trên đã làm cho tôi nơm nớp hy vọng sẽ được xem một phim có giá trị, đề cao giáo lý Phật-Đà. Chúng ta hãy tuân tự cân nhắc những ưu và khuyết điểm để được đoạt giá trị của cuốn phim.

I. — Lược thuật truyện phim
Trần-quang-Nhụy, sau thi đậu trạng

nguyên, cùng vợ là Âu-ôn-Kiều đi thuyền sang Giang-châu nhận chức. Giữa cuộc hành trình, Trần-quang-Nhụy bị bọn cướp là Lưu-Hồng và Lý-Bửu giết chết rồi vất xác xuống sông. Lưu-Hồng chiếm đoạt Ôn-Kiều và mạo danh tước Trạng-nguyên đi trấn nhậm. Giữa công đường phủ Giang-châu, Lưu-Hồng đội lốt Quang-Nhụy nghiêm-nhiên ngồi trị dân, trong lúc Ôn-Kiều, trong thư phòng, nhiều lần muốn tự vận đề trọn nghĩa với chồng, nhưng vì nàng đã có thai với Quang-Nhụy, nên đành phải nấn ná đợi ngày sinh nở. Khi đứa hài nhi ra đời, Ôn-Kiều sợ Lưu-Hồng giết mất, nên lập mưu với con Thị-tỳ bỏ hài nhi vào cái thau giặt với một bức thư, thả trôi sông hy vọng có người câu thấy được đem về nuôi, và lấy xác chết một con mèo thả vào hài nhi để đưa cho Lưu-Hồng xem. Lưu-Hồng sanh nghi, tra khảo con thị-tỳ, nhưng vẫn không tìm ra manh mối.



Hài nhi ấy được vị sư cụ chùa Kim Sơn bắt gặp, đem về nuôi vú dưới mái tranh sau chùa, Sư cụ đặt tên cho đứa bé là Giang-Lưu, pháp hiệu là Huyền-Trang. Ở trong chùa đến 18 tuổi, nhân một hôm bị các chú Tiều nói xa nói gần đến gốc tích của mình, nên Huyền-Trang tìm sư cụ đề hỏi cho rõ nguồn gốc của mình. Sư cụ kể rõ những nỗi oan khổ của song thân Huyền-trang cho nghe. Trước thù cha, nghĩa mẹ, Huyền-trang từ giã thầy vai mang bình bát, tay chống trượng, quyết đi tìm mẹ tại phủ Giang-châu.

Mặc dù không gặp được con, nhưng Ôn-Kiều nhờ một người trung gian cũng biết được con mình còn sống, hiện ở chùa Kim-Sơn. Nàng mượn cờ đi lễ chùa đề tìm gặp con; lòng đầy nghi kỵ, Lưu-Hồng cũng đòi đi theo nàng. Giữa đêm khuya, trong lúc hai mẹ con Ôn-Kiều đang giọt ngấn, giọt dài kể lể mọi điều oan khổ trong trại phòng thì Lưu-Hồng sấn đến. Huyền-Trang may trốn kịp. Sau khi hiểu rõ mọi điều oan ức, Huyền-trang đi về Tràng-An báo tin cho ông ngoại mình, hiện làm Thừa tướng tại triều biết. Thừa tướng mang chiếu chỉ của vua ra trị tội Lưu-Hồng và Lý-Bửu bằng cách moi tim hai gian tặc này đặt lên bàn tế vong linh Trần-quang-Nhụy. Oán thù đã rửa xong, nàng Ôn-Kiều được Phật Bà Quan-Âm đón về châu ở bên mình.

Đấy tóm tắt chuyện phim. Chắc quý vị độc giả cũng sẽ tự hỏi như chúng tôi rằng chuyện phim như thế, sao lại đặt cho nó cái tên là « Tam-Tạng-Xuất-Gia » Huyền-trang từ mới lọt lòng mẹ là đã bị thả trôi sông, và được một vị sư đem về nuôi từ nhỏ đến lớn tại chùa. Huyền-trang không biết có cha mẹ, không bao giờ được sống ở gia-đình, hay nếu cần phải nói đến hai chữ gia-đình, thì chính chùa Kim-Sơn là gia đình của Huyền-trang. Cho nên không thể dùng hai chữ Xuất-gia ở đây được, theo đúng nghĩa của nó. Trái lại, nếu bãng vào cốt truyện phim như chúng ta đã thấy ở trên, thì phải nói là: « Tam-tạng nhập gia » mới đúng. Nay đây: Tam-tạng ở chùa từ lọt lòng mẹ cho đến 18 tuổi một hôm được sư-cụ cho biết tông-tích của mình, liền bỏ chùa đi tìm mẹ, tìm bà nội, tìm ông ngoại để trả thù cho cha; và khi hai tên: Lưu-Hồng và Lý-Bửu bị ông ngoại Huyền-Trang đem ra xử-tử bằng cách xé ngực moi tim hai kẻ gian-tặc còn nóng hổi hổi bỏ vào hai đĩa bàn lớn, đặt trên bàn thờ của Quang-Nhụy, phụ thân của Huyền-Trang, thì Huyền-Trang cũng đứng với gia-đình mình làm lễ phục thù, rửa hận cho cha!

Chữ xuất-gia trong đạo Phật có nghĩa là tự mình tình-nguyện từ bỏ gia-đình nhỏ hẹp của mình để phục-vụ nhân-loại, chúng sanh, từ bỏ cái



nhà lửa của đục-vọng đề tập sống một đời sống thanh-tịnh, từ bỏ cảnh giới ô-trọc tầm thường hằng ngày, đề bước dần đến một cảnh giới an lành hơn. Tam-tạng trong truyện phim, đã làm trái lại là: từ chùa trở về tìm gia-đình, từ cảnh thanh-tịnh trong đạo trở lại với cảnh ô-trọc của đời, nhất là đã đứng chứng kiến cái cảnh moi tim của kẻ thù đặt trên bàn cúng. Một người thường chưa chắc đã có đủ «tàn nhẫn» để đứng nhìn cảnh tượng rùng-rợn ấy mà không rùng mình. Thế mà Tam-tạng trong truyện phim đã thản nhiên đứng làm lễ rửa thù, giải oan cho cha, Có lẽ Tam-tạng đây là Tam-tạng nào, chứ không phải là Tam-tạng đã phiên dịch ba tạng kinh điển, đã là một bông hoa quý-giá nhất của dân-tộc Trung-Hoa. Ngoài cái khuyết điểm chính trên, truyện phim còn vài chỗ sơ hở đáng tiếc khác, làm cho câu chuyện kém tự nhiên, sâu-sắc. Như khi Luru-Hồng bắt được tên liên-lạc định đem thư của nàng Ôn-Kiều về trào-đình đưa cho thừa-tướng để phát-giác tội trạng của Luru-Hồng: tên liên-lạc là chồng của người hầu gái tâm-phúc của nàng Ôn-Kiều. Tại sao bắt được một vụ như thế mà không tra hỏi cho ra những kẻ tông phạm khác, tìm cho ra manh-mối sự liên lạc giữa nó và nàng Ôn-Kiều, qua sự trung-gian của cô hầu gái? Một tên gian-hùng như Luru-Hồng mà lại không

làm nổi một việc như thế, mà lại cứ đề cho vợ tên liên-lạc ấy đêm ngày hầu-hạ Ôn-Kiều, làm một kẻ tâm-phúc như trước, đề cô ta còn cơ-hội bày mưu sập lợp với Ôn-Kiều, phỉnh gạt Luru-Hồng nữa, thì thật là giả tạo. Đoạn Ôn-Kiều lấy con mèo tráo hài-nhi để đưa cho Luru-Hồng xem, cũng kém phần sâu-sắc. Tại sao Ôn-Kiều đã có ý-định từ lâu là sẽ cứu đứa con của chồng trước, quyết không đề cho Luru-Hồng ám hại, mà lại không chuẩn-bị sập đặt mưu kế trước, đề đến khi sanh con ra rồi mới chạy quanh chạy quất trong phòng, hốt hoảng tìm không ra vật gì để thế hài-nhi trong lúc ở ngoài phòng bọn canh gác của Luru-Hồng luôn luôn thúc-giục bảo đem hài-nhi cho Luru-Hồng xem? May nhờ cô hầu gái thấy con mèo mới nghĩ đến chuyện đem nó đánh tráo hài-nhi. Nhưng từ khi bắt mèo rồi đem giết, lột da, quay cho vàng phải tốn biết bao thời gian, làm sao có thể lọt qua mắt bọn canh gác được? Thật là gian mà không ngoan. Cũng may, mặc dù Luru-Hồng là một tên đại gian-hùng, nhưng có lẽ lại còn khờ-khạo hơn cả hai thầy trò Ôn-Kiều nữa, nên mới đề cho họ có thì giờ thả trôi hài-nhi! mà không bắt được quả-tang. Nhưng dù sao chúng ta cũng nên cảm ơn sự vụng về ấy, vì nếu Luru-Hồng bắt được hài-nhi thì có còn Huyền-Trang đâu nữa đề lo việc báo oán, trả ân?



II. — Diễn viên So với một số phim trước, thì các diễn viên trong « Tam-tạng xuất gia » đã có nhiều tiến-bộ, không có những vụng-về ngớ-ngẩn làm khán-giả ngứa ngáy khó chịu. Vân-Hùng sắm vai Huyền-Trang, với vẻ mặt nghiêm chỉnh, hiền-từ. giáng điệu đoan-trang đã gây được cảm tình với khán-giả

Kim-Hoàng trong vai Âu-ôn-Kiều đã làm hết hồn-phận, tuy thế chưa tránh khỏi những vụng-về đáng tiếc như khi tụng: Nam ôm Quan-Thế-Âm Bồ-tát » và gõ mõ, khán-giả có cảm-tưởng như đang nghe một con gà mái tục-tác. Đặc sắc nhất có lẽ là Tô-huyền-Vân trong vai Trần-quang-Nhụy; mặc dù vai này chỉ xuất hiện trong một đoạn đầu thôi, nhưng nét mặt và vẻ uy-nghi của một quan trạng-nguyên đã được thể hiện rõ-ràng. Chỉ tiếc ở chỗ là khi vâng lời mẹ đem chậu cá tràu (cá lóc) đi thả, Trần-quang-Nhụy đã tỏ ra thiếu từ hòa: đáng lẽ phải cúi xuống gần mặt nước, nhẹ trút cái chậu cho con cá bơi lội ra sông, thì mới lọt được lòng nhân-từ biết thương loài vật của mình. Ở đây quang-trạng không biết có bức tức mẹ hay vợ gì không mà khi đi chưa đến bờ sông, đã vội đứng thẳng người, tát mạnh cả cá lẫn nước xuống sông, rồi vội vã quay vào không cần xem nó có thể sống hay chết. Riêng tôi thì e nó khó sống với cái cách phóng sinh kỳ lạ ấy

lắm; và nếu may ra nó có sống được thì chắc ba hồn bảy vía nó cũng lên-tới đọt tre vì cái « phóng » xuống sông xa đến 7, 8 thước ấy.

Mặc dù đây chỉ là những cử chỉ nhỏ nhặt, nhưng tinh thần cuốn phim có thể vì đó mà bị tổn thương rất nhiều. Cho nên ở đây, nhà Đạo-diễn phải tỏ ra quán-xuyến, không nên bỏ qua những chi-tiết phần lại tinh-thần cuốn phim. Một điều đáng trách đạo diễn nữa là đã trình-bày đức Phật Di-lặc với cái mặt ông Địa mà người ta thường mang trong những cuộc múa lân. Sự khinh-nhờn cầu-thả ấy có thể làm bất mãn một số lớn tín-đồ Phật-giáo, vì họ tưởng như nhà đạo-diễn muốn đem Phật Di-lặc ra để làm trò cười cho khán-giả.

III. — Về phương-diện kỹ-thuật mặc dầu hãng Việt-Thanh đã không tiếc lời khen tặng, chúng tôi vẫn thấy lại những khuyết-điểm như hầu hết những phim Việt-Nam nghĩa là hình ảnh không được rõ-ràng, ánh-sáng nhiều đoạn mờ-mờ như lọc qua một màn sương; tiếng nói đều nhau, xa gần không phân-biệt, những lúc cần phải nói nhỏ để một nhân vật thứ ba trong truyện khỏi nghe trộm được, thì ở đây chúng ta vẫn nghe choang choang. Chính điểm này đã làm cho một nữ khán-giả ngồi bên cạnh chúng tôi phải bực mình, la lên khi nghe mẹ con



Huyền-trang kể lễ những nỗi khò trong trai phòng, bên cạnh phòng của Lưu-hồng: « Ngu quá ! nói nhỏ nhỏ chứ ! Nói thế thì thằng Lưu-hồng nó nghe mất » Nữ khán giả ấy đã trách mẹ con Ôn-Kiều nhưng thật ra, người đáng trách chính là kỹ thuật gia chuyên trách tiếng nói.

IV. — **Kết luận** Mấy năm lại đây, nhất là sau ngày phim « Quan Âm Thị-Kính » ra đời, các hãng phim Việt-nam đua nhau thực hiện những phim có tánh cách Phật-giáo, vì biết phần lớn đồng bào đang hâm mộ loại phim ấy. Chúng tôi không trách các hãng phim bất mạch trúng thị hiếu của khán giả ; nhưng chỉ tiếc

rằng, mặc dù muốn lôi kéo khán-giả, họ lại không khai thác một cách đúng đắn, nghiên cứu một cách tường tận những đề tài ấy, đề khôi phục lòng hâm mộ của giới Phật-tử đông đảo của nước nhà. Người ta tưởng chỉ nêu lên một cái đề cho kêu, có liên-hệ đến Đạo Phật là có thể hấp dẫn được khán giả. Vâng, ban đầu thì khán giả cũng có thể làm mà đi xem đông đây. Nhưng nếu dần dần khán giả nhận thấy nội-dung không đi đôi, hay phản lại đầu đề, nếu khán-giả không tìm thấy được món ăn tinh thần mà họ mong ước, thì họ sẽ ruồn bỏ cả phim lẫn hãng.

TRỌNG-ĐỨC



TRUYỆN NGẮN

GIỌT NƯỚC MẮT CỦA
NGƯỜI HỌC-TRÒ

KIÊM - MINH

SAU khi viết đề luận «trò hãy tả cuộc sum họp trong gia-đình của trò vào một buổi chiều đông» lên bản đen, thầy giáo Tuấn đi đến ghế và ngồi xuống. Thầy đưa mắt nhìn lớp học 1 phút rồi tự hỏi bây giờ mình nên làm gì.

Thầy «à» lên một tiếng nhỏ khi nhớ đến cần phải viết một bức thư đề thăm người em của thầy ở tỉnh xa.

Thầy lấy giấy bút ra đề ngày tháng, rồi cầm cụ viết thư, thỉnh thoảng ngừng đầu lên nhìn các học sinh của thầy với đôi mắt tuy nghiêm nghị nhưng đầy tình thương.

Lớp học này là gia-đình thứ hai của thầy giáo Tuấn. Sống trong nghề dạy lâu năm, nhiều kỷ niệm vui buồn đã lưu lại trong lòng thầy.

Nhìn tất cả học sinh chăm chú làm bài, thầy thấy vui vui trong tâm-hồn và thầy mỉm cười một mình. Tự nhiên, thầy không viết thư được nữa.

Thầy tự nhủ hãy đề về nhà rồi hãy viết.

Thầy dậy bút lại, cài lên túi áo, rồi cầm bức thư viết dang dở lên má xé. Tiếng xé giấy làm cho vài học sinh ở hàng ghế đầu ngược mắt lên nhìn thầy giáo.

Thầy nghiêm nghị nói:

— Làm bài đi! Ngó gì?



Các học sinh nghe thầy nói thế thì cúi đầu xuống.

Thầy giáo Tuấn tự biết mình đã có hơi nghiêm khắc. Nhưng thầy cho là cần phải như thế mới được.

Ở trong nghề lâu năm, thầy vốn hiểu sự nghiêm khắc làm cho không khí giữa thầy trò không được thân mật cho lắm, nhưng nếu chẳng nghiêm khắc thì học sinh lại xem thường thầy giáo.

Nhìn quanh lớp học hôm nay, thầy nhớ đến những lớp học của những năm về trước.

Thầy vui sướng khi nghĩ đến lứa học trò đầu tiên của thầy nay đã lớn rồi. Có kẻ tiếp tục học ở ban tú tài, có kẻ vì hoàn cảnh đã nhảy ra đời để kiếm sống.

Thầy sung sướng vì đã góp 1 phần vào sự giáo huấn các con em của thầy cảm thấy vui trong công việc hôm nay.

Mặc dầu cái nghề này đôi khi cũng gặp nhiều bạc bẽo nhưng thầy không muốn phàn nàn gì cả.

Có vài đứa học trò xác lão, lên lớp khác rồi quên thầy nhưng phần đông đều 1 lòng kính yêu thầy, đó là điều an ủi cho thầy.

Mối cảm tình của lũ học trò hôm nay và lũ học trò hôm qua đối với thầy là nguồn phấn khởi đối với thầy.

Chính vì mối cảm tình đó, thầy mới còn ở lại trong nghề này, một nghề mà thỉnh thoảng thầy cũng hơi thấy chán vì lao lực, vì chẳng đem lại nhiều tiền bạc lắm cho gia đình.

Cách đây hai năm, người em thầy vốn có 1 đồn điền lớn ở Cao-nguyên gửi thư nhắn thầy bỏ nghề dạy học để anh em cùng nhau hợp tác trong việc chăn nuôi và trồng trọt nhưng thầy đã từ chối sau một tuần suy nghĩ.

Người em thầy khi được tin, lắc đầu, cho ông anh mình là một người chịu thúc thủ, chịu bằng lòng sống một cuộc sống tầm thường, không có tương-lai.

Khi biết em mình có ý nghĩ như thế, thầy đã viết gửi cho em một bức thư đại ý nói rằng mình thích dạy học hơn vì nghề này là một nghề đẹp hữu và ích.



Từ đó, người em không bao giờ nhắc lại chuyện cũ nữa. Tuy vậy, em thầy Tuấn cũng hiểu được phần nào cái gì đã níu kéo thầy giáo Tuấn ở lại với lớp học cũ.

Cái gì đó là tình yêu thương trong lòng ông anh, là sự hy sinh của con người giáo-viên đã trên 10 năm vui với nghề, gần gũi với bảng đen, viên phấn và các cậu học trò nhỏ lớp ba của mái trường này.

Đang trầm ngâm suy nghĩ vừa nhìn cả lớp im lặng làm bài bỗng thầy thấy ở hàng ghế cuối có một cậu nhỏ cắn bút ngồi ngó ra ngoài sân, thầy lên tiếng.

— Tý! Ngó gì? làm bài đi!

Nghe tiếng thầy giáo Tuấn, Tý hơi giật mình rồi cúi xuống trang giấy.

Bấy giờ, thầy giáo Tuấn đưa mắt ngó ra ngoài sân trường.

Ngoài sân trường, lá bàng rụng xuống nhiều. Một cơn gió cuối mùa thu vừa thổi. Thầy nghe lạnh lạnh nên rời ghế bước đi đóng những cánh cửa kính lại.

Đóng cửa xong, thầy trở lại ghế và ngồi xuống nhìn lũ học trò để cho một tình yêu thương chiếm cả tâm hồn thầy.

Đoạn, thầy nhìn đồng hồ rồi lấy thước gõ nhịp xuống bàn mà nói:

— Mau lên, gần đến giờ bãi rồi!

Lũ học trò ngược nhìn lên thầy giáo Tuấn một chút rồi cúi xuống để viết tiếp bài làm.

Trong lúc này có một đứa học trò nhỏ lo lắng sợ sệt, rõ từng giọt nước mắt trên tờ giấy trắng mà thầy không hay.

Đó là đứa học trò nhỏ ngồi ở hàng ghế chót, đó là thằng Tý, đứa bé đã cắn bút không viết được câu nào cả cho bài luận.

— Tý sao mà mày khóc? Tý? thằng bạn ngồi gần Tý hỏi Tý như thế.

Tý nghẹn ngào trả lời;



— Chưa có chữ nào cả ! Nguy quá !

— Có gì khó đâu ? Mà ngu quá ! Cái đề luận như vậy thì khó khăn gì mà làm chẳng ra !

Tý không biết nói chi cả, cứ khóc. Hải thấy thế thương bạn, nên nó đề nghị.

— Tao cho mày xem bài của tao rồi mày bắt chước mà làm. Nhưng phải thay đổi chút ít nghe ! Chép đúng như tao thì cả hai đều bị con số không đó !

Tý nói :

— Nhưng làm sao mà kịp được nữa ! Gần đến giờ bãi rồi.

Nói xong, Tý cúi xuống mà khóc ròng trên trang giấy trắng.

Thầy giáo Tuấn nãy giờ đề ý đến Hải và Tý nhưng thầy giả bộ làm lơ vì thầy nghĩ rằng gần hết giờ rồi, chúng nó nói chuyện đời chút cũng chẳng sao, nếu cứ la rầy học trò luôn thì chỉ làm cho học trò càng sợ sệt mình mà thôi, chứ chẳng ích lợi gì.

« Học trò nhỏ thì đùa nào chẳng muốn nói chuyện qua lại với nhau »; thầy nghĩ thầm như vậy rồi lại nhịp thước xuống bàn mà nói :

— Thôi ! gần hết giờ rồi ! Nộp bài !

Cả lớp bắt đầu lao nhao, đưa thì chạy lên đưa bài, đưa thì vội vàng viết tiếp đoạn chót của bài làm.

Thằng Hải làm xong xuôi rồi nhưng vì bạn nghĩ đến người bạn ngồi cạnh là thằng Tý có thể sẽ bị thầy giáo la mắng hoặc bắt phạt nên nó ngồi thừ, quên nghĩ đến cái lệnh của thầy giáo Tuấn là phải đem nộp bài.

— Sao ? Hải ! Tý ! Làm gì mà chưa xong bài ! Thầy giáo Tuấn nhìn xuống bàn chót mà nói thế.

Trong khi đó, hồi trống bãi học vang lên. Hải cầm bài đem lên nộp, vừa đi vừa nhìn lui Tý, vừa thương vừa trách người bạn của nó.



Thầy giáo Tuấn gõ nhịp thước mà nói ;

— Còn trò Tý làm gì mà còn ngồi đó ! Tý ! Tý !

Tý sợ sệt đứng dậy.

Thấy mắt Tý hơi đỏ, thầy giáo Tuấn hỏi :

— Sao mà khóc ?

Nghe hỏi thế, Tý không trả lời mà để cho hai giòng lệ tuôn trào.

— Vì sao mà trò khóc ?

Tý vẫn không trả lời. Thầy giáo Tuấn bắt đầu nghe giận. Thầy hiền lành và thương yêu học trò nhưng với trường hợp này thì thầy chẳng thể chịu đựng được nữa !

Thầy la lớn :

— Tý ? Không trả lời hả ?

Tý vẫn không trả lời ; Tý òa lên khóc.

Hải, bây giờ đứng gần thầy giáo Tuấn, lễ phép thưa cho thầy hay :

— Dạ, thưa thầy, trò Tý không viết được câu nào cả !

Nghe Hải nói thế, thầy giáo Tuấn lại la lớn :

— Sao mà ngu thế ! Một cái đề luận dễ như vậy mà không viết được chữ nào cả nghĩa là làm sao ? Tý ! Tý ! Trò có nghe gì không ?

Tý sợ-sệt :

— Dạ có !

Thầy giáo Tuấn nói :

— Cái đề luận đó khó lắm sao ?

Tý vẫn sợ-sệt :

— Dạ không !

Thầy giáo Tuấn nói :

— Không khó sao lại không viết được một chữ ? Hải ?

Tý không trả lời ; Tý khóc ròng.

Thầy giáo Tuấn nói với tất cả lớp học :

— Các trò nào đã nộp bài xong thì đi về! Thăng Tý ở lại đó! Tôi phạt nó! Tôi sẽ gặp cha mẹ nó để nói cho cha mẹ nó biết về việc này!

Nghe lời thầy xong, lũ học trò tiến đến cửa, ra khỏi lớp có đứa thấy thương thăng Tý, có đứa cho như thế này là đáng kiếp thăng Tý vì nó ngu và nhác.

Thăng Hải ra lớp sau cùng, quay mặt lại nhìn Tý mà tội nghiệp thay cho Tý.

Khi chỉ còn lại thầy giáo Tuấn và thăng Tý, thầy giáo Tuấn lên tiếng hỏi nó :

— Tại sao trò nhác như vậy? Tôi sẽ cho cha mẹ trò biết chuyện này!

Nghẹn ngào, Tý thưa với thầy :

— Thưa thầy, vì con không có cha mẹ anh em gì cả nên con không làm được bài luận mà thầy ra

Thầy giáo Tuấn nghe lạnh cả người. Trái tim thầy đập mạnh. Đây là lần đầu tiên một chuyện hơi khác thường xảy đến trong đời dạy học của thầy.

Thầy bàng-hoàng trong một lúc lâu. Thầy nhìn Tý đầy xót thương.

Thầy tự nhủ thầm : «Ừ, nó không có cha mẹ anh em thì làm sao mà tả được cảnh sum-hợp trong gia-dinh?».

Rồi thầy dịu dàng hỏi Tý :

— Thế thì trò sống với ai?

— Thưa thầy, con ở với một người bà con vì thương con mà nuôi cho con ăn học nhưng người bà con này vào mấy tháng sau này cũng nghèo khổ lắm.

Có lẽ con không nên làm phiền họ nữa. Nhưng con chẳng biết rồi đây con sống ra sao ...

Nói xong, Tý khóc lớn lên.

Ngoài sân trường, gió cuối mùa thu thổi mạnh làm rơi rớt những ngọn lá bàng.



Thầy giáo Tuấn nghe nong-nóng ở má và biết rằng mình đang khóc. Thầy bước xuống, đi đến với thằng Tý, đặt tay lên vai nó. Một lòng từ-bi bác-ái của thầy giáo Tuấn đã dậy lên chiếm cả con người thầy giáo Tuấn. Thầy quyết định sẽ đem thằng Tý về sống trong gia-đình thầy, xem nó như con để chia bớt niềm đau khổ của nó. Thầy quyết-định như thế và sẽ đem nó về nhà thầy, ngay chiều nay.

Khi thầy giáo Tuấn nói cho Tý nghe ý-định của mình, thằng Tý khóc nức-nở rồi gục đầu vào cánh tay của thầy giáo Tuấn.

Ngoài sân trường, gió cuối thu thổi rụng những chiếc lá bàng cuối cùng. Nhưng lòng thầy giáo Tuấn và người học trò nhỏ bé mồ-côi đang ấm-ấm nắng mùa xuân.

KIÊM - MINH

Cùng bạn đọc thân-mến,

1) Số 19 vừa rồi ở bìa trang 4 nhà in (Lâm-Viên) đã đề lầm giá 20\$ nghĩa là nhà in đem bản cũ giá tiền của số Đặc-san Xuân mà in lại chứ không sửa giá tiền là 10\$. Vậy chúng tôi xin đính-chính lại giá tiền của số 19 là 10\$.

2) Kỳ này vì bài nhiều nên chúng tôi xin tạm gác bài Duy-Thúc, sẽ đăng vào số 22 ra ngày 15 tháng 5 Âm-lịch.

3) Bài «Nghĩa chữ Không trong đạo Phật» và bài «Bàn về mới và cũ», không có ghi vào trong mục-lục nhưng vẫn có trong số này. Trái lại, bài khảo-cò (Quan-âm Thị-Kính) đã ghi trong mục-lục phải gác lại kỳ sau.

Vậy chúng tôi xin đính-chính và cáo lỗi cùng bạn đọc thân-mến.
Mong bạn đọc hoan-hỉ.

L.T.S.



NHỮNG CHUYỆN ĐỜI XƯA

THANH-SƠN

TRONG mỗi người chúng ta, ai mà chẳng lớn lên từ những chuyện đời xưa.

Thời còn nhỏ, tôi thường được các người lớn kể cho nghe chuyện Tấm Cám và tôi đã ngậm ngùi bao nhiêu khi thấy Cám đã phải chịu nhiều đau khổ. Và tôi đã tức giận bao nhiêu về những hành vi độc ác của những kẻ đã làm cho đời Cám điêu đứng.

Người dì ghẻ trong truyện Tấm Cám chính là hình ảnh của sự xấu xa trên đời này. Sự xấu xa đó đi ra từ lòng ghen ghét.

Nghe và đọc Tấm Cám, mọi người đều thấy ghê tởm cái người đàn bà độc ác không có lấy một chút tình thương trong trái tim. Người đàn bà độc ác đó là đối tượng của bất nhân.

Mọi người nguyện rửa kẻ sát nhân. Trẻ con chảy nước mắt khi nghe đến đoạn Cám bị hại, đồng thời muốn nhổ nước bọt vào mặt kẻ không có tình thương đã làm tan nát hạnh phúc của Cám.

Vì sao người ta không biết đến tình thương? Câu trả lời rất giản dị: chính vì lòng vị kỷ, xem kẻ khác không phải là mình.



Tâm-hồn của người di ghẻ trong « Tấm Cám » là một tâm-hồn đầy bóng tối. Con người đó có bụng dạ chật hẹp nên đã độc ác đối với Cám.

Tất cả trẻ con, tất cả người lớn V. N. chẳng ai có cảm tình với con người đó.

Mọi cảm tình, chúng ta dồn cho Cám. Bởi vì Cám chính là kẻ yếu đuối trên đời này, hiền lành và trong sáng như một buổi bình minh, đã phải sống trong một không khí đầy đe dọa mà số phận nằm trong tay của những kẻ luôn luôn tìm cách ám hại bất cứ ai *không phải là mình*.

Phân biệt *mình* và *không phải là mình*, chính cái tâm lý đó đã gây ra bao nhiêu giòng nước mắt trên đời này.

Nếu thấy được rằng nỗi khổ đau đầy dọa của kẻ khác tức là nỗi khổ đau đầy dọa của chính mình thì sự bất công sẽ không còn nữa trong cuộc sống của chúng ta.

Khi mà sự bất công không còn nữa, hạnh phúc sẽ hết xa lạ đến với mọi người. Và khi đó đời đẹp biết bao nhiêu!

Từ xưa đến giờ người ta chém giết nhau vì kỳ thị chủng tộc, vì kẻ này muốn được giành trọn quyền sống nên không chịu được sự hiện diện của kẻ khác.

Bao nhiêu là nước mắt và máu đã chảy vì thế. Máu và nước mắt đã chảy và còn chảy nữa khi mà người ta còn phân biệt *mình* và *kẻ khác*.

Tác giả chuyện Tấm Cám không phải là một người nhưng mà là tất cả mọi người yêu mến lẽ Chân, Thiện, Mỹ.

Không riêng gì Việt-Nam có Tấm Cám mà Tây-phương cũng có. Đó là chuyện Cendrillon. Hai chuyện gần giống nhau. Điều ấy chứng tỏ mọi người trên mặt đất này đều gặp gỡ nhau trên con đường đi trên cái Đẹp và lên án Cái Xấu.



Trong đời sống, cái Đẹp luôn luôn tranh đấu để diệt cái Xấu.

Những người có tình yêu thương đứng về bên phía cái Đẹp, bình vực cái Đẹp, sống chết cho cái Đẹp.

Những kẻ không có tình yêu thương sợ cái Đẹp lớn mạnh bởi vì cái Đẹp chính là ánh sáng mà cái Xấu là bóng tối.

Bóng tối bao giờ cũng run sợ trước Ánh Sáng.

Ánh Sáng trong truyện Tấm Cám được gửi gắm nơi hình ảnh bà tiên.

Những chuyện đời xưa trên thế-giới đều có hình ảnh bà Tiên. Bà Tiên hiện ra để giúp đỡ những con người hiền lành gặp phải bước nguy-nan.

Sự hiện ra của Tiên là cả tâm sự của con người. Tiên bước ra từ mộng tưởng của con người. Tiên là uy-lực của cái Đẹp, Tiên là nguồn an ủi cho con người trong những đoạn đường dài u tối của lịch-sử mà số phận con người thường bị đe dọa bởi bất công và độc ác do những kẻ xấu-xa nguy hiểm gây nên.

Và Tiên trong các chuyện cổ tích cũng chính là hình ảnh của con người, con người của Chân, Thiện, Mỹ.

Từ con người của Chân, Thiện, Mỹ đó nảy sinh ra những triết-lý đầy vị tha bác ái sáng ngời để làm cái việc đuổi xua bóng tối, dọn đường cho một đời sống đẹp đẽ.

Những chuyện đời xưa trên thế-giới là tiếng nói thì thầm của loài người. Chúng ta lớn lên từ những chuyện đời xưa.

Trong bất cứ chuyện đời xưa nào cũng có hai đối tượng của thiện và ác.

Người thiện thường gặp gian nan nguy hiểm do kẻ ác gây nên, nhưng cuối cùng thế nào rồi người thiện cũng được sung sướng và kẻ ác phải chịu cực khổ đọa đầy.



Đó là cái mà người ta gọi là hạ hồi phân giải.

Chuyện đời xưa mang tính cách luân-lý và triết-lý. Luân-lý và triết-lý đơn giản nhưng dễ dàng gây ấn tượng sâu trong tâm-hồn chúng ta.

Từ những chuyện đời xưa, con người đã muốn cho cuộc đời này được đẹp đẽ, tươi sáng. Muốn không còn thù ghét mà chỉ còn lại tình thương, một tình thương mênh mông rộng và sáng ngời.

Từ những chuyện đời xưa, con người đã lên án gắt gao bất công và độc ác. Tôi cho rằng chuyện đời xưa chính là tiếng nói đầu tiên của con người muốn đi tìm Chân, Thiện, Mỹ,

Về sau, tiếng nói của con người trưởng thành hơn nhiều bằng tôn-giáo, bằng triết-lý, nhưng những chuyện đời xưa cứ vẫn còn mãi, bởi vì những chuyện đời xưa chưa mất giá trị của chúng khi mà sự có mặt của chúng vẫn còn có ích.

Bởi vì các em bé, mỗi lần nghe người lớn kể chuyện đời xưa tự nhiên thấy thương yêu người đáng thương yêu và giận ghét kẻ cần phải giận ghét.

Chuyện đời xưa đã ảnh hưởng đến tâm-hồn chúng ta rất nhiều. Từ nó đi ra những bà tiên, nhưng bà tiên ấy chính là những ý thức đẹp đẽ của con người.

Những bà tiên ấy là hình ảnh tượng trưng cho ước vọng của con người muốn tự tay mình xây dựng cuộc sống tươi đẹp.

THANH-SƠN



PHẬT - GIÁO TRUNG - HOA

QUA BA MƯƠI NĂM CÁCH-MẠNG (tiếp)

Bài của THÁI-HƯ Pháp-sư
Thầy THANH-TỬ dịch

III. — NHỮNG CƠ - QUAN PHẬT-HỌC XUẤT-HIỆN

HỘI Kỳ-Hoàn Tỉnh - Xá tuy do Cư-sĩ lập, nhưng người xin vào học phần đông là chư-tăng, nên lớp Cao - đẳng Tăng-giáo-dục ở Trung-hoa xuất-hiện đầu tiên tại đây. Trước và sau Hội-Kỳ-Hoàn, có Tăng Sư-Phạm Học-Đường do Y-Nhật-Nhơn và Thủy-Dã Mai-Hiền lập tại Trường-Sa ; Phổ-Thông Học-đường, do ngài Á-Khôn lập tại chùa Thiên-Ninh ở Dương-Châu ; Tăng Sư-phạm Học-đường tại Nam-kinh, do Hội Tăng-giáo-dục ở Giang-lô lập. Những trường này hoạt-dộng một thời-gian đều bị đình chỉ.

Dân quốc năm thứ ba, Ngài Nguyệt-hà Pháp-sư lập Hoa-nghiêm Đại-học tại Cáp-dồng hoa-viên ở Thượng-hải, những vị : Hàng-châu

Hật-triều, Thường-nhiệt, Hưng-phước v.v... lần lượt thay nhau trụ-trì. Ở Vũ-hán có Liễu-Trần, Từ-châu v.v... lại lập ra một học phái mới trong Tăng-giới. Ngài Đế-Nhàn Pháp-sư lập Quán-Tôn Học-Xá tại Ninh-ba, nay đổi thành chùa Quán-tôn, xã Hoảng-pháp nghiên-cứu, lại phân ra hai chi-nhánh là Thiên-thai-tôn Học-viện và chùa Quốc-thanh, xã Nghiên-cứu của Tôn-thiên-thai. Như thế trong Tăng-giới đã hình thành hai học-phái.

Dân quốc năm thứ 11, nhờ sự giúp đỡ của Lý-khai-Tiên v.v... Thái-hư tôi lập Phật-học-viện tại Vũ-Xương và khai màn một hiện-trạng mới cho nền Tăng-giáo-dục. Việc làm này không những ảnh-hưởng lớn trong thanh niên Tăng-giới, mà nền học thuật, văn-hóa, chánh-trị, xã-hội bên ngoài vẫn được ảnh hưởng không kém. Đến nay,



Phật-học viện dần tiến thành Thế-giới Phật-học Uyển, Đồ-thư-quán và nghiên cứu viện, được thầy Pháp Phang v.v... thay nhau chủ-trì. Những cơ sở Phật học thiết lập trực thuộc về chúng tôi, thì có Hán-Tạng Giáo-Lý Viện do ngài Pháp Tôn chủ trì. Những cơ sở phỏng theo chúng tôi mà lập thì có Mân-nam Phật-Học Viện ở Hạ-Môn do ngài Thường-tĩnh làm chủ.

Từ năm Dân quốc thứ 16 về sau Phật-học viện, Phật-học Uyển và Tự-xá rải rác nổi lên khắp nơi: Cồ-Sơn-Phật Học-viện ở Phước-châu do ngài Đại-Tính, Đạo-tâm lập. Lãn-Đông Phật-học-viện ở Triều-châu do ngài Đại-Tính, Ký-Trần lập. Giang-nam Phật-học-viện ở Cửu-hoa-sơn do ngài Ký-Trần, Dung-Hư lập. Ngài Từ-Hàng lập Nghinh-giang Phật-học-viện ở An-khánh. Ngài Thường-Tĩnh, Thái-Nguyên, Pháp-Thuyền, Dung-Giá, Lượng-Nguyên chung lập Bách-Lâm-Tự, Pháp - Nguyên - Tự và Niêm-hoa-Tự Học-viện ở Bắc-kinh. Ngài Mộ-Tây, Tịnh-Nghiêm lập Hà - nam Phật-học-Uyển. Ngài Khoan-Dung lập Phồ-dà Phật-học-Uyển. Ngài Diệu-Hoạt lập Từ-âu-học-viện ở Thiềm-tây. Ngài Xương-Viên, Quảng-Văn lập Tứ-xuyên Phật-học-viện. Ngài Vĩnh-Xương lập Quý-châu Phật-học-viện. Ngài Tịnh-nghiêm lập Tiêu-sơn Phật-học-viện. Ngài Đàm-Huyền lập Tuyết-

đâu Học-tự ở Phụng thóa. Ngài Chi-Phong, Diệt-Huyền lập Bạch-hồ-giảng-xá ở Ninh-ba. Tóm lại, những vị Tăng-tài hoặc chung, hoặc riêng đứng lên lập tự, viện v.v... ấy, đều là người chịu sự đào-luyện hoặc trực tiếp, hoặc gián-tiếp của Phật-học-viện Vú-Xương cả. Ngoài ra, còn Trúc-Lâm Phật-học-viện, Quang-hiếu Phật-học-viện, Thế-hà học-viện, Hoằng-từ Học-viện ở Bắc-bình, Chúc-Thánh Học-viện ở Hà-nam, mỗi cơ quan Tăng-giáo-dục đều có một vị Học-tăng của Phật-học-viện đến dạy. Nhưng, mãi đến nay mà những Học-viện vẫn chưa có học chế chịu hệ thống chung. Đến như thế giới Phật-học-Uyển cũng chưa có hiệu-lực đề Phật-học thế-giới hóa, thật là điều đáng buồn.

Đến phần giáo-dục của nữ chúng thì có: Ni Hăng-bảo lập Phật-học Nữ-chúng-viện ở Vú-Xương và Bồ-đề tinh-xá; Ni Đức-Dung lập Bát-kính học-viện ở Hán-khâu; Trương-giác-Liên nữ cư sĩ lập Hướng-cảng Liên-học-uyển; Trương-thánh-Huệ nữ cư sĩ lập Phụng-hóa Pháp-xương học-viện. Các cơ sở Phật-học bên nữ, chỉ có Vô-Tích Phật-học-hội là có phần thắng hơn cả.

IV. — CÔNG KHAI DIỄN GIẢNG VÀ XUẤT BẢN PHẬT - BÁO

Trước kia vẫn có những vị Pháp sư giảng kinh, luận trong



các Tự Viện, nhưng số thính-giả chỉ cuộc hàng tăng-đồ và một ít thiện-tin, chứ không ảnh hưởng gì đến học-giới và nhơn sĩ ngoài xã-hội. Từ ngày Dương-nhơn-Sơn cư sĩ lập hội Phật-học nghiên-cứu ở Kim-lăng, Chương-thái-Viên thỉnh nguyệt hà Pháp-sư sang Nhật-Bổn giảng kinh cho học sinh, và Khoái-nhược-Mộc ở Bắc-kinh thỉnh Đạo-giai Pháp-sư giảng tại nghiên-cứu Phật-học, thì học-giới và chánh-giới mới hướng theo học Phật.

Dân quốc năm thứ nhất, Lý-chưng-Cương v.v.. trong bọn bảy người trù lập hội Phật giáo, nhưng lại phóng ra những bài bố-cáo đại ý muốn hủy diệt Tăng tự đề đưa nhóm Cư-sĩ thể vào nắm giữ giềng mối Phật-giáo. Liền bị phản ứng mãnh liệt, do Phật-tử toàn quốc cực lực phản đối, thế rồi họ tự giải tán. Cũng trong thời ấy, Định sở Khanh v.v.. xuất bản Phật-học Tông-báo tại đất Hồ (Thượng-hải) và Phạm-lồ-Mông v.v.. lập hội nghiên cứu Phật-học ở Hàng-gia.

Dân-Quốc năm thứ tư, do Nhật-Bổn yêu-cầu Chánh-Phủ Trung-Hoa cho phép sang truyền-bá Phật-giáo, nên nhân-viên trong Chính-cục ở Bắc-Kinh đề-xướng thỉnh Đế-Nhàn và Nguyệt-Hà hai Pháp-sư khai-hội giảng-kinh, từ đó ảnh-hưởng Phật-giáo càng ngày càng lan-rộng.

Dân-Quốc năm thứ 7, Thái-Hư tôi cùng Trương-Tác-Tân, Trần-

nguyên-Bạch, Chương-Thái-Viên, Trương-Quý-Trực v.v. lập Giác-Xã ở đất Hồ, công-khai diễn-giảng Phật pháp và xuất-bản tờ Giác-Xã Quý-San — sau đổi thành Hải-Triều-Âm nguyệt-san — Từ đó về sau các chỗ: Hán-Khâu, Bắc-Kinh, Hàng-Châu, Vũ-Xương, Quảng-Châu đều lập hội giảng-kinh thuyết-pháp công-khai. Vì chủ-thề Phật-giáo, giới cư sĩ học Phật tổ-chức thành: Phật-Học-Hội, Phật-Học-Xá. Hội Phật-giáo Chánh-Tin, Phật-giáo cư sĩ Lâm v.v., các đoàn-thề Phật-giáo càng ngày càng nhiều. Những người hướng theo thời-đại tổ-chức Hội, như Cận-Vân-Băng lãnh đạo Thiên-Tân cư-sĩ Lâm, Hồ-Thụy-Lâm lãnh đạo Hoa-Bắc cư-sĩ Lâm. Tổ-chức Hội có tánh cách toàn-quốc, là Hội Phật-giáo Trung-Quốc do Tạ-Kiến, Mai-quang-Nghị v.v.. lập ở Nam-Kinh.

Những tánh-chất đặc-thù của các đoàn-thề tại-gia học Phật: 1 — Chi-Hoa Học-Viện ở Nam-Kinh của Âu Dương Cảnh-Võ, Lữ-Thu-Dật v.v. tuy có học tăng ra vào trong ấy, nhưng đối với nền Tăng Giáo-dục tuyệt-nhiên không có ảnh-hưởng. Nhưng, nơi đây được nhiều học-giới đến nghiên-cứu Duy-thức và giảng Phật-học ở các trường Đại-học. 27 hội Tam-thời học ở Bắc-Kinh do Hàn-đức-Thanh, Từ-sâm-Ngọc v.v.. lập, chỉ chuyên giảng những quyền Luận của Ngài Huyền-



Trang và Khuy-Cơ và lập Biện-y-Viện. 37 hội Bồ-Đề-Học ở Thượng Hải do Đoàn-chí-Tuyền, Thang-trụ-Tâm v.v.. lập, lấy Phật-giáo Tây-Tạng làm trung-tâm, chuyên lo phiên-dịch kinh điển, cũng có hoằng-hóa và việc từ-thiện. Ngoài ra, những đoàn-thề tu về Mật-tôn, Tịnh-Độ-Tôn v.v.. xin lược kể.

Ngoài việc nghiên-cứu, tu trì, hoằng-hóa ra, các đoàn-thề cư-sĩ còn làm những Phật-sự khác, như: Thượng-Hải cư-sĩ Lâm lập Phật-học thư-cuộc và công-mộ. Đông-Liên-Giác ở Hương-Cảng lập Phật-giáo công-mộ. Tịnh-nghiệp-Xã ở Thượng-Hải lập thư-quán Bảo-Đồ. Hội Chánh-Tín ở Vũ-Hán hộ-trợ chò Nam, Nữ Phật-học tuyên và bố-thí thuốc cho nhân-dân. Những tập báo được xuất bản như: Chu-San của Chánh-Tín, Bán Nguyệt-San của Phật-học thư-cuộc, Phật Hải-Đăng của Sa-thị cư-sĩ Lâm, Phật-giáo Nguyệt-San của Giải-Hạnh Phật-học-Xã, Phật-giáo giữ Phật-học của Chuyền-Đạo Học-Viện ở Tinh-Châu, Nhơn-gian-Giác bán-nguyệt san của hội Phật-học ở Hạ-Môn. Nhơn-hải-Đăng và Hương-Hải nguyệt

san của hội Đông-Liên Giác-Uyển Phật-học ở Hương-Cảng, Vi-diệu-Thỉnh nguyệt-san của Bồ-Đề học hội. Những Phật-báo ở Thượng-Hải, tuy do hai phái tăng và cư-sĩ chung sức sáng-tạo và duy-trì, nhưng duy-trì được lâu dài là nhờ công to nhất của Trương-tĩnh-Giang, Châu-tử-Kiều, Đặng-huệ-Tài, Hồ-hậu-Như, Phạm-cồ-Nông vậy.

Đến như giảng triết-lý Phật-giáo trong các trường Đại-học, thì trước kia có Trương-khắc-Thành, Đặng-bá-Thành, Lương-thần-Minh v.v.. giảng trong trường Đại-học Bắc-Kinh; hiện nay Bái-thập-Lực, Chu-thúc-Ca v.v.. đang giảng trong trường ấy. Thái-Hư tôi, Dương-dại-Viên, Trương-hóa-Thỉnh, Trần-duy-Đông v.v.. giảng trong trường Đại-học Trung-Hoa. Lý-chứng-Cương, Cảnh-xương-Cực v.v.. giảng ở Bắc-Kinh và Đại-học Trung-Uơng Lưu-thù-Nguyên, Vương-ân-Dương giảng trong Đại-học Thành-Đô. Ngoài ra, chỉ giảng trong thời-gian ngắn ở các trường Đại-học khác thì rất nhiều.

(Còn tiếp)



NGHĨA CHỮ

KHÔNG

TRONG ĐẠO PHẬT

(Tiếp theo)

2.— PHÁP KHÔNG

PHÁP là gì? Hết thấy cái gì hiện ra, bày ra mà ta coi là như có lẽ lối, khuôn mẫu, lệ-luật, để cho ta theo hoặc là ta bắt buộc phải chịu, hoặc là ta phải tìm cách để đối phó lại, đều gọi là Pháp. Ví như sinh lão, bệnh, tử, thành, trụ, hoại, diệt, những cái ta muốn cưỡng mà không cưỡng được, muốn dò xét mà không dò xét được. Rốt cuộc, phải để cho nó là hoặc nhiên, hay là tự-nhiên, nhà Phật cắt nghĩa chữ Pháp là « Qui-trì », qui là đường lối; trì là noi giữ. Vậy Pháp là những con đường hữu hình, hoặc vô hình trong cõi đời, để cho người đi theo lên trên. Pháp có rất nhiều, bởi thế mới gọi là vạn-hữu-pháp là pháp của hết thấy những cái có, nhưng có thể gọi chung là thế-pháp. So với chữ ngã là thuộc về thân người, mà pháp là thuộc về đời người. Nhà Phật

chia thế pháp có hai thứ, thứ nhất là phàm-phu thế-pháp, thứ nhì là ngoại-đạo thế pháp. Thế nào là phàm? Tất cả những giống hữu-tình ở trong tam-giới, vì tam nghiệp mà mê-muội, vì ngũ-trọc mà chìm đắm đều gọi là phàm. Trong lục-đạo trên từ thiên-đạo dưới đến địa-ngục đều gọi là lục-phàm, phàm là ô-trọc, chưa vào được cõi giác-ngộ, là cõi thanh-tịnh. Phàm phu đối với thế pháp, tuy có rất nhiều quan niệm, song tóm lại chỉ có hai phương-diện; một là lẩn-lộn mà theo đuổi, hai là chán-nản mà dứt bỏ. Song nếu lẩn lộn với đời thì thế-pháp là một lao cảnh, càng lẩn-lộn càng vất-vả, được thì mong giữ lấy, lại muốn được thêm, không được thì cay, cău, chật vật, cầu làm sao cho được, rốt cuộc lại, thân chỉ làm nhọc thân, thế pháp còn có sinh thú gì. Nếu chán-nản với đời thì thế-pháp là một sầu cảnh càng chán-nản, càng buồn-bã, vốn



tươi tốt mà coi ra điều-hiu, vốn dầm ẫm mà coi ra nguội-lạnh, vốn đông-đúc mà coi ra quanh vắng, rốt cuộc lại, thân lại làm bực thân thế-pháp còn có lạc-thú gì, đó là hai phương-diện đối với thế-pháp của bậc phàm-phu, đều gọi là pháp chấp.

Đến như, ngoại-đạo thế-pháp là những cách biện thuyết và lý-giáo các đạo học-phái, sở dĩ gọi là ngoại-đạo là những phái ấy còn ở ngoài đạo-Phật và chưa vào được trong đạo-Phật. Ngoại-đạo đối với thế-pháp có rất nhiều lý-thuyết. Phái thì cho vạn-hữu bởi trời sinh ra, như thuyết « Đại-hồn-thiên » của đạo Bà-la-môn, cho là bởi đấng mà sinh ra người, rồi nếu người nào tu hành sẽ được trở lại về đấng. Phái thì cho cõi đời chịu quyền cai-quản thưởng phạt của các quỷ-thần, như thuyết « họa phúc » của đạo Phiếm-thần cho là số mệnh của mọi loại đều có thần coi giữ cả. Phái thì cho người ta đến sau lúc chết là mất hẳn gọi là sinh-đoạn. Phái thì cho người ta đến lúc sau chết lại có đời khác nối theo, gọi là sinh-tục. Song nếu bảo là trời sinh ra vạn-hữu thì trời tự đâu sinh ra, nếu bảo cõi đời thuộc về thần quyền, thì thần ở vào chỗ nào, nếu bảo là người ta đến lúc chết là hết, thì lúc người ta sinh bởi đâu mà ra, nếu bảo là đời người nối mãi thì sao lại có sống chết đó là những lý-thuyết của ngoại-đạo, cũng đều gọi là pháp chấp cả. Tóm

lại, cả bên phàm-phu và bên ngoại-đạo đều câu chấp về thế-pháp. cho thế-pháp là có thật, rồi đo lường, ước-đạc hoặc cho là thế kia, thế gọi là kiến-tư-hoặc, nghĩa là những sự sai lầm bởi thấy biết nghĩ-ngợi mà sinh ra vậy.

Song thế-pháp bởi đâu mà sinh ra ? Trong kinh dạy rằng : « Pháp tùng duyên-sanh, tùng duyên diệt » duyên là trợ duyên, cái nọ tựa vào cái kia, cái này giúp cho cái khác. Ta sở-dĩ gọi tên cái gì là vì nó có tướng thế là pháp duyên tướng. Danh là tự ta tưởng, là tự ta phân-biệt ra, nếu không có danh, tướng thì làm gì có pháp, xem thế thì pháp cũng không có thực, bởi thế mới gọi là pháp không. Nay hợp cả ngã không và pháp-không mà bàn gộp lại thì ngã là thuộc về thân người pháp là thuộc về đời người, không là không có thực, bởi vì, ngã là bởi ngũ-uẩn mà sinh ra, nếu ngũ-uẩn và danh-tướng đều là hư-vọng thì ngã và pháp chắc không phải là chân-thực. Đó là theo lý-thuyết ở trong đạo Phật, cho thân và đời đều không có thật, song đã mấy người hiểu mà tin ? Thân người và đời người là hai cái liên-lạc ở trong sự sống, hi, nộ, ái, lạc, không phải ngã thì là gì ? Sinh, lão, bệnh tử không phải pháp thì là gì ? Ngã và pháp sờ-sờ như thế, nếu quả-quyết cho rằng ngã - không, pháp - không, chưa chắc đã có mấy người công nhận thuyết ấy. Nhưng chúng ta nên biết



rằng đạo Phật lập ra thuyết không cốt để trừ bỏ những mối chấp trước của người đời. Ngã chẳng phải là không có, nhưng cái ngã mà ta đeo-dăng là giả ngã. Pháp chẳng phải là không có, nhưng cái pháp mà ta theo đuổi là giả pháp. Vì rằng giả mà người đời cứ cho rằng thực nên mới sinh ra nhiều nỗi vọng hoặc giấc hoàng-lương ngán-ngủ, mà người vẫn thềm thường, bóng thương cầu mơ hồ mà người còn mẩn tiếc. Than ôi! lấy giả làm chơn, thật là một cái nhầm to vậy. Cái nhầm ấy, ở trong làm nhiễu loạn tâm-trí, ở ngoài làm điên-đảo hành-vi, ta thử xem những sự tư-lợi, làm hình dịch cả thân-thề, những việc tham-ô, làm điểm-nhục cái phẩm-giá, những cuộc cường-nhược cạnh-tranh làm thương-tật cả nhân-loại, có phải là bởi ngã-chấp và pháp-chấp gây ra không? Đời vốn chuộng đạo-đức, mà đạo-đức thành ra không có chỗ dùng đời vốn chuộng học-thuật, mà học-thuật lại hóa ra diễn đàn của trò qui-quyết, lợi khí của mỗi phân-tranh, có phải là cái lưu tệ ghê-gớm của ngã-chấp và pháp-chấp không? Xưa nay đã có nhiều nhà hiền-triết, từng hao-tồn bao-nhiều gan óc, từng phí-phận bao-nhiều mồ-hôi nước mắt, vì đời người mà hết lòng vun-dắp, ra công dạy-dỗ, lại cố-sức sửa đời chạy chữa, song dầu giáo-dục hoàn bị thế nào, cũng chỉ là những phương-pháp tạm thời, như gió chiều nào che chiều ấy,

chứ vẫn chưa có cách, nào giải-quyết rõ-ràng được những lý-do của đời người, mà tìm phương bồ-cứu cho được lâu dài. Ai là người đã có lắm lòng sốt-sắng, con mắt cao xa mà chẳng muốn lo tính cho đời, song cứu đời ở trong ngã-chấp và pháp-chấp khác nào như gọi người ở trong hòm kín mà nắp vẫn đóng, thì người vẫn không có lối ra. Phật-tổ biết rõ bệnh căn của đời ở hai chỗ ấy, cho nên mới đem thuyết nhị không để phá tan hai cái chấp, tức là mở nắp hòm cho người có lối thoát ra vậy. Nay ta thử bình tâm mà thề nhận, cái gì cạnh cánh ở bên lòng, mà ta muốn dứt đi cũng không được, cái ấy tức là ngã-chấp, cái gì quẩn-quít ở bên mình ta, mà ta muốn gỡ ra cũng không được, cái ấy tức là pháp-chấp, chấp chỉ là những nỗi vướng-viu, những chỗ ngăn cản như cái giây nó buộc ta, cái hàng rào nó chặn đường lối của ta, mà cái giây là tự ta thắt thì tự ta có thể mở được, cái hàng rào ấy là tự ta lấp, thì tự ta có thể mở được. Ta tự khắc lấy đấy mà suy ra nghĩa chứ không vậy.

Ta chớ nên tưởng rằng ngã không là bỏ hẳn ngã, pháp không là bỏ hẳn pháp, bỏ là bỏ vật-dục, là cái ngã vô-minh, bỏ là bỏ cái cảnh giới là cái pháp vô-thường mà tìm lấy cái chân, chân là cái tâm của ta vậy. Cái tâm vốn như nước trong, vì vật-dục mà có bùn cát, vốn im-lặng, vì cảnh-giới mà có sóng gió. Nay vật-



dục không, thì ngã trong sạch, cảnh giới không, thì pháp bình-tĩnh trong đạo Phật gọi thế là chân không.

Vì thấy nhiều người chưa hiểu nghĩa không mà ngờ là quái-dã, lại vì hiểu nhầm mà chê là yếm thế, cho nên thuyết giả mới đem nghĩa nhị không lược giải ra đây, mong rằng sẽ giúp được một vài ý kiến cho những nhà hiếu học. Theo ý riêng của thuyết giả, thì đạo không là một triết-lý rất quan thiết với cuộc nhân-sinh, thấu suốt hẳn được đạo không, là bậc thánh bậc Phật, hiểu được phần to trong đạo không,

là hiền nhân quân-tử, thế nhận được phần nhỏ trong đạo không, cũng đủ gỡ dần được mọi đường phiền-não, làm cho tâm thần vui-vẻ và nhẹ-nhàng. Đạo-Phật dạy người có bốn điều là tín, giải, hành, chứng. Chúng ta muốn tín đạo không, cần phải tự lĩnh hội lấy mà hiểu nhận ra dần dần lại cần phải tinh-tiến mà thực-hành rồi sẽ chứng đến cõi-không. Vậy đạo không tuy là một triết-lý, song cứu cánh là một chứng cảnh không phải là ngôn thuyết có thể diễn giảng hết được.

BÙI-KỶ



MỚI và CŨ

(Tiếp theo số 18)

4) **Nương vào mới lập ra cũ.**— Chủ thể suy luận và duy trì thân mạng thế giới vốn là tâm; tuy chỉ có một niệm hiện giờ đây mà thôi, nhưng về mặt đối tượng suy luận và thế-giới vũ trụ chuyển biến xưa nay, lại có bao nhiêu phân vị của bao nhiêu thời đại, và phân vị của bao nhiêu quốc-độ, riêng biệt nhau mà an lập. Cái hiện có dắt dẫn cho cái mới chưa đến; cái đã qua để lại cái cũ cho hiện có; mới và cũ vẫn rõ ràng, không phai mà không sai lạc. Vì vậy, tìm quá khứ nơi quá-khứ thì quá-khứ chưa từng là không; tìm quá-khứ nơi hiện tại, thì hiện tại chưa từng là có. Tìm hiện-tại nơi hiện-tại, thì hiện tại chưa từng là không; tìm hiện tại nơi quá khứ, thì quá khứ chưa từng là có. Tuy vậy, nơi đây, nếu còn chưa đến nỗi mê mờ tâm giác ngộ tự tại của một niệm bây giờ, thì những sự-vật cũ-kỹ của nhiều lớp để lại không cùng đó không có cái gì là không phải cái dư-vị mới mẽ không chừng hạn vậy.

5) **Có cũ mà không mới.**— Nhưng vì tất cả loài hữu-tình (chúng-sanh), xưa nay không ngộ được tâm giác ngộ tự-tại duy-tri (tàng thức) và năng suy (ý thức) đó; nên chỉ nhận được cảnh giới khách quan chuyển-biến (thế-giới) và sở-suy (tư-tưởng) của nó mà thôi.

Trọng-Ni đã từng nói với Nhan-Hồi: « Ta và người vừa nắm tay nhau thì không phải là ta và người nữa ». Và nhà triết học Héraclite cũng nói: « Không ai tắm hai lần trong một dòng sông ». Tóm lại, một khi đã đem toàn



thể của một tâm niệm hiện giờ đây, mà vùi dập vào trong vô-minh vô-tri, thì phàm khi hiểu biết một sự gì, vừa biết là có, tức nó đã chóng thành ra quá-khứ rồi ; và đó chỉ là những hình ảnh cũ-kỹ, do nhiều tầng nhiều lớp đi truyền mà thôi. Vị lai cũng là cái tên riêng của những cái chưa có. Vậy thì phàm cái đã có, không thể không gọi nó là cái cũ-kỹ đã đi qua và cố chiến cũng không có cái hiện tại nào có thể làm sanh khởi cái mới mẻ của tương lai cả. Cho nên tránh cái mới hay theo cái mới cũng chỉ là nắm lấy cái không mà thôi vậy.

6) **Phân tích cái cũ thành ra cái mới.**— Chúng ta là người đang còn bị vùi dập trong vô-minh, chỉ có thể đem tâm của một niệm sau, bám lấy tâm của một niệm trước mà làm đối tượng ; và đáng thương là cái đối tượng bị bám lấy đó đã chóng cất cánh bay vào trong mù-tit, chỉ còn lưu lại từng lớp cũ-kỹ mà thôi. Nhưng mà trong chúng ta nếu người nào không hiểu được thế, thì trong chỗ tri-thức của người ấy, nếu trừ bỏ những ảnh tượng cũ-kỹ do mỗi lớp thoáng qua không còn có chỗ nào để mà nương tựa nữa. Vì chỗ không hiểu biết không giác ngộ đó, nên mới sanh lòng ham mến và phân biệt, đem những ảnh tượng cũ-kỹ đã nắm được, so sánh với chỗ trước sau của mỗi lớp thoáng qua, mà chia thành ra bao nhiêu thời-đại. Cho nên, nếu chỉ vào hình ảnh lưu lại của một thời-đại này, mà bảo nó là mới, thì cái mới ấy cũng thành ra cũ ; mà cũ lại thêm cũ, thì cái cũ đó cũng hóa ra mới. Nhưng mới đến, rồi mới đi, tóm lại vẫn không ngoài cái hình ảnh cũ-kỹ của từng lớp tạo nên đó thôi.

7) **Luyện tiếc cái cũ, khiếp sợ cái mới.**— Căn cứ vào một đặc tính của lòng người là ưa hòa-bình mà nói thì đối với những sự kiện đã có mà người ta từng nắm được và cũng quý ; người ta thường ôm giữ khư khư, muốn nói phải vĩnh viễn không dời đổi đi : Một mặt khác, vì sợ trống trải, sợ không có nó, nên mỗi khi có cái khác đến xung đột, thì họ lại đem những sự kiện đã từng nắm được và cưng mến nó mà làm mất hẳn chỗ nương tựa. Và lại, cũng vì có tính khiếp sợ đó mà không thể nắm giữ, nuôi nấng những cái



mới mẽ đang tràn đến cho họ. Đối với cái mới mẽ chưa từng được thấu giữ, nuôi nấng đó, họ tìm cách ngăn ngừa, làm cho chúng vĩnh viễn không thể du nhập đến; họ đem những cái cũ kỹ đã từng nắm giữ cung quí kia, dùng ngàn từng trăm lớp để giữ chặt lấy nó. Nhưng họ đâu có ngờ rằng: cái mà họ đã từng nắm giữ và cung quí đó, chính là những hình ảnh tàn tạ của từng lớp thoáng qua đó, cũng giống như những làn sóng nổi giữa dòng sông cái, thì làm sao giữ chặt nó cho bền bỉ và làm sao có thể ngăn cản cho nó đứng vững được?

8) Ham mới mà ghét cũ.— Căn cứ trên đặc tính ưa mến tri thức và tài năng của lòng người, ta thấy rằng với những sự kiện mới vừa mới nảy nở lưu hành, người ta thường hy-vọng mong cho chúng sôi nổi mãi không ngừng để trào vượt tới. Một mặt khác, người ta lại dùng khí sắc hăm-hở, để đánh dẹp những gì đã mục nát cũ kỹ mà không chịu nhượng bộ; những thứ cũ kỹ này cứ ngăn cản sự nảy nở và lưu hành của cái mới không cho cái mới tràn đưa đến một cách khoái trá. Vì đó, mà đối với những cái cũ kỹ đã từng trải qua sự phát triển lưu hành, người ta liền nghĩ đến cách bài trừ làm cho tiêu như khói và tan như mây, không để lại một chút gì trở ngại, rồi đón tiếp những cái mới mẽ vừa mới nảy nở lưu hành truyền khắp bốn phương tám hướng. Nhưng người ta đâu có ngờ rằng: cái mới mẽ vừa mới nảy nở lưu hành kia, cũng chỉ là cái bóng dáng dư tàn của một lớp thoáng qua mà thôi. Cái hình ảnh tàn-tạ của mỗi lớp thoáng qua đó, vừa rơi vào tròng cửa ngõ của trí-thức thì đã sớm thành những hình tích vô dụng rồi; huống chi, cái đã chóng đi qua của quá-khứ và những hình tích hiện bày bày đó đều là không thật có cả. Thế mà, người ta cứ khur-khur đối với nó, nếu ưa thì cho là mới, mà ghét thì cho là cũ, rồi mong cầu rong ruổi, chấp trách rộn ràng. Thật không khác nào giữ lấy cái hoa đóm giữa hư không, do mắt bịnh đã trông thấy, để cầu được kết quả của không-hoa ấy!

9) Mới và cũ thật đều không.— Nếu từ nơi đặt tính «ham tri-thức và chuộng tài-năng» kia để đi sâu vào một từng nữa thì ta thấy không những mọi người có khuynh-hướng về những sự kiện «mới» nảy-nở phát-minh mà thôi; lại còn



muốn kéo nhau từng đoàn-lũ để vây bọc và kính sợ chúng, chỉ một bề hoan-nghinh chúng, sùng bái chúng, khẩn cầu chúng, kết bạn với chúng, muốn cho chúng được mau biểu-hiện một cách minh-bạch để tìm hiểu chúng là cái gì, và phải làm thế nào để ứng dụng chúng. Thế là xong việc (giản tiện quá!) không cần xét chúng là cũ hay mới nữa. Nếu chúng ta nhận xét cho triệt-đề, đem chúng ra mà xáo-trộn, mà truy-tầm thì ta sẽ thấy trong đó không có gì là thực tại có thể suy tầm ra cả, nhưng một phen đánh cho chúng nát vụn thành trăm mảnh, thì ta thấy được một chân trời vô cùng quang-đáng, cuối cùng không còn một mảy may dấu vết; đến khi đó, nó sẽ trả-lời cho ta bằng một tiếng hết sức chân thật: Không...

10) Mới và cũ đều là diệu-pháp.— Khi đã triệt-đề nhận thấu bao nhiêu cái mới và cũ đó đều chân-thật là không rồi, tức không những không còn thấy có cái gì có thể gọi là mình nữa, huống chi bao nhiêu sự-kiện đã có? Chùng đó một gánh nặng là thế giới và thân tâm đã từng làm ta liên lụy và sa-lạc xưa nay, ta phải gánh vác lấy không khi nào buông thả được, bây giờ trong nhứt thời vứt bỏ đi, thì còn gì nhẹ nhàng bằng, có gì sung sướng bằng, đó chính là chỗ an-lành vui vẻ rất chân thật. Đến đây, mới thỏa mãn được cái tâm tích ham mến hòa-bình; và ta sẽ tự cười: Từ trước đã sai lầm khư khư ôm chặt nó, và sợ tiêu diệt đi, rồi quay cuồng làm cho nó phải mất hẳn chỗ nương tựa. Vả chẳng, những cái « mới » và « cũ » đó không phải đến khi nhìn thấu rồi nó mới biến đổi thành không, mà thực ra xưa nay nó vẫn là không; là hoàn toàn không vậy. Sở dĩ không những cái mới và cũ đó, xưa nay là không, là hoàn toàn không; mà chính cái không đó cũng xưa nay tức là mới và cũ, hoàn toàn không rời khỏi mới và cũ. Vì cái không đó đã không có trước sau, nên cái mới cũng không có trước không sau, và cái cũ cũng không trước không sau. Cái không đó đã không có chính giữa và hai bên, thì cái mới cũng không có chính giữa và hai bên, cái cũ cũng không có chính giữa và hai bên. Cho nên một cái đã cũ thì tất cả đều cũ, dù cho ở đầu một mảy lông muốn tìm cái không phải cũ cũng không thể được; mà một cái mới thì tất cả đều mới, dù cho ở đầu một mảy lông, muốn tìm



cái không phải mới cũng không thể được. Vì vậy, không biết thì thôi, nếu biết, thì không một cái gì không hoàn toàn biết, không dùng thì thôi, nếu dùng, thì không cái gì không hoàn toàn dùng. Còn gì tuyệt đối bằng, còn gì viên dung bằng, đó là cảnh giới an vui của tri dụng chân thật. Một khi đã đạt đến chỗ đó, mới thật thỏa mãn cái tâm tánh ham mến tri-thức và tài-năng ; và sẽ tự cười thầm từ trước đã sai lầm, uổng công đi mò trăng vục thẳm...

Có người sẽ bảo rằng tôi viết ra một bài đại luận này, rốt cuộc không giải quyết được vấn-đề mới và cũ một cách xác đáng thiết thực mà chẳng qua chỉ đập vỡ một mở rối-rắm cho trống không đó thôi. Tôi sẽ trả-lời với họ rằng: Chính thế. Tuy nhiên vẫn có sự xác đáng thiết thực, và thật ra rất xác đáng thiết thực không còn gì hơn được. Vì lẽ gì? — Há bạn không thấy rằng: Cái mới và cũ tức là không, mà cái không đó tức là mới và cũ ư? Bạn không thấy rằng: Một cái mới, thì tất cả đều mới ; và một cái cũ thì tất cả đều cũ ư? Và bạn không thấy rằng: Đến chỗ cứu cánh, thì rục-rở trống bộng, hoàn-toàn không có một mảy may hình ảnh tung tích đó ư? Nhưng nếu muốn thưởng thức cái Chân-lý đã biểu-hiện nơi nước biển, trăng trong từ muôn thuở, ít nhất cũng phải đòi ba phen lao nhọc phong trần, thì mới có thể thấu rõ được.

Thái-hư Pháp-sư

QUANG-PHÚ dịch

Nhà in TRUNG-ƯƠNG

Đặng - sĩ - Khả

550, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo, CHOLON — Giây nói : 605 Cholon

- CHÚ-TRỌNG KỸ-THUẬT ẤN-LOÁT THẨM-MỸ VỚI GIÁ TƯƠNG-ĐỐI HẠ.
- KỸ-THUẬT LÀM LỊCH HÀNG NĂM, ĐẢM-BẢO TẤT CẢ KỸ-THUẬT ẤN-LOÁT.



THU VIỆN HUẾ QUANG



NGUYỆT - SAN

PHẬT - GIÁO VIỆT - NAM

TỔNG - HỘI PHẬT - GIÁO VIỆT - NAM XUẤT - BẢN

Đặc-san Khánh đản năm Mậu-Tuất số 21 và 22 — Giá : 20\$00
In tại nhà in TRUNG-ƯƠNG 550, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Cholon

